|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 7/1 /2018*** | ***Ngày giảng : 8/1 /2018*** |

**Tuần 20.**

**Tiết 59: QUY TẮC CHUYỂN VẾ- LUYỆN TẬP.**

**I.** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức:**Hiểu và vận dụng đúng tính chất: Nếu a = b thì a + c = b + c và ngược lại; nếu a = b thì b = a; quy tắc chuyển vế.

**2. Kỹ năng:**

- Vận dụng thành thạo quy tắc chuyển vế

- Vận dụng quy tắc chuyển vế để tìm các giá trị của x trong bài toán tìm x.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV:** Hai cân đĩa, 2 quả cân 1kg và 2 nhóm đồ vật.

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (kết hợp trong bài)

***Câu hỏi:***

Tính giá trị của các biểu thức sau:

A = 9 – (– 8 + 5) B = (2010 + 12) – 2010

GV: Gọi hai HS lên bảng – HS1 làm câu a) – HS 2 làm câu b)

***Đáp án - biểu điểm***

A = 9 – ( – 8 + 5) = 9 + 8 – 5 = 12

B = (2010 + 12) – 2010 = 2010 + 12 – 2010 = 12

GV hỏi thêm HS dưới lớp: Hãy so sánh A và B?

A = B hay 9 – (– 8 + 5) = (2010 + 12) – 2010

***GV: Gọi HS nhận xét, đánh giá cho điểm***

**\*Khởi động:** Từ bài toán trên, ta có A = B. Ở đây, ta đã dùng dấu “=” để chỉ sự bằng nhau của hai biểu thức A và B và khi viết A = B, ta được một đẳng thức. Mỗi đẳng thức có hai vế, biểu thức A ở bên trái dấu “=” gọi là vế trái. Biểu thức B ở bên phải dấu “=” gọi là vế phải.

Hãy cho biết vế trái và vế phải của đẳng thức sau: *(chiếu lên bảng phụ)*

1. x – 2 = - 3 b) x + 8 = (- 5) + 4

Vậy đẳng thức có tính chất gì? Từ A + B + C = D => A + B = D – C dựa vào quy tắc nào *(chiếu lên bảng phụ)?* Bài học hôm nay ta cùng nghiên cứu.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | | **Nội dung cần đạt** | |
| ***Hoạt động 1***: **1. Tính chất của đẳng thức**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| GV: Yêu cầu HS đọc **?1**, quan sát, thảo luận nhóm.  HS: Thảo luận nhóm, rút ra kết luận  GV: Điều chỉnh và rút ra nhận xét:    GV: giới thiệu tiếp:  Tương tự như "cân đĩa" đẳng thức cũng có hai t/c (2t/c đầu- SGK)  - Yêu cầu HS phát biểu theo ngôn ngữ toán học  GV: Giới thiệu t/c thứ 3 để HS tiện vận dụng khi giải bài toán : tìm x, biến đổi biểu thức,… | **?1**: Nhận xét:  + Khi cân thăng bằng, nếu đồng thời ta cho thêm 2 vật (2 lượng) như nhau vào 2 đĩa cân thì cân vẫn thăng bằng.  + Ngược lại (xem từ phải sang trái) nếu đồng thời ta lấy bớt từ 2 đĩa cân 2 vật nặng bằng nhau thì cân vẫn thăng bằng.  **\* Tính chất:**  + Nếu a = b thì a + c = b + c  + Nếu a + c = b + c thì a = b  + Nếu a = b thì b = a | | |
| ***Hoạt động 2***: ***2.* Ví dụ**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, . luyện tập .*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, .*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| GV: Giới thiệu ví dụ:    GV hướng dẫn: Thêm 2 vào cả hai vế để vế trái chỉ còn x  HS: Làm bài  GV: Yêu cầu HS làm ?2  HS: Lên bảng làm  Gv chốt kiến thức | Ví dụ: Tìm số nguyên x, biết: x - 2 = -3    Giải: x - 2 = -3  x - 2 + 2 = -3 + 2  x = -3 + 2  x = -1  **?2**: Tìm số nguyên x, biết:  x + 4 = -2  Giải: x + 4 = -2  x + 4 + (-4) = -2 + (-4)  x = -2 - 4  x = -6 | | |
| ***Hoạt động 3***: **3. Quy tắc chuyển vế**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| GV: Từ đẳng thức:  x - 2 = -3 ta được x = -3 + 2  x + 4 = -2 ta được x = -2 - 4  - Chúng ta có thể rút ra nhận xét gì khi chuyển một số hạng từ vế này sang vế kia của một đẳng thức ?  HS: Nêu nhận xét  GV: Vậy muốn chuyển một hạng tử từ vế này sang vế kia của một đẳng thức ta làm như thế nào?  HS:  - Phải đổi dấu hạng tử đó, dấu "+" thành dấu "-" và dấu "-" thành dấu "+"  GV: Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc  GV: Giới thiệu ví dụ:  a) x - 2 = -6  (?) *Để tìm được x ta phải chuyển hạng tử nào*?  GV: Lưu ý HS (câu b) quy 2 dấu (dấu của số hạng và dấu của phép tính) về một dấu rồi mới tính.  HS: 2HS lên bảng làm  GV: Yêu cầu HS làm ?3 theo nhóm  HS: Hoạt động nhóm  ***Chốt:*** Với biểu thức mà có dấu của phép toán và dấu của số hạng trước khi chuyển vế ta cần quy 2 dấu về một.  GV: Nªu nhËn xÐt: PhÐp trõ lµ phÐp to¸n ng­îc cña phÐp céng | | | **\* Quy t¾c: (SGK)**  \* VÝ dô: T×m sè nguyªn x, biÕt:  a) x - 2 = -6  x = -6 + 2  x = -4  b) x - (-4) = 1  x + 4 = 1  x = 1 - 4  x = -3    **?3**: x + 8 = (-5) + 4  x + 8 = -1  x = -1 - 8  x = -9  **\* NhËn xÐt: (SGK)** |
| **3.Hoạt độngLuyện tập**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| - Yêu cầu 2HS lên bảng làm  (Lưu ý: Có thể áp dụng t/c của đẳng thức hoặc quy tắc dấu ngoặc)  GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm  HS: Hoạt động nhóm  Đại diện các nhóm trả lời    - Yêu cầu HS đọc đề bài  - GV hướng dẫn  - Yêu cầu HS nêu cách làm  - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc chuyến vế | | | ***Bài tập 61***(SGK)  a) 7 - x = 8 - (-7)  7 - x = 15  -x = 15 - 7  -x = 8  x = -8  b) x - 8 = (-3) - 8  x - 8 = -11  x = -11 + 8  x = -3  ***Bài tập 62***(SGK)  a)  = 2 nên a = 2 hoặc a = -2  b)  = 0 nên a + 2 = 0 hay a = -2  ***Bài tập 64***(SGK)  a) a + x = 5  x = 5 - a  b) a - x = 2  - x = 2 - a  x = -(2 - a)  x = -2 + a  ***Bài tập 66***(SGK)  4 - (27 - 3) = x - (13 - 4)  4 - 24 = x - 9  -20 = x - 9  x = -20 + 9  x = -11 |

**4.Hoạt động vận dụng**

- HS nhắc lại tính chất của đẳng thức và quy tắc chuyển vế.

- Làm bài tập 61 SGK/ 87

- HS phát biểu các tính chất và quy tắc chuyển vế.

**Bài 61**

a/ 7 - x = 8 - (- 7)

7 - x = 8 +7

7 - x = 15

- x = 8

x = - 8

b/ x = - 3

**5.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

Tìm số nguyên x biết:

1. +2 – x = 0
2. - 3 = - x

**\*Về nhà**

+ Học thuộc tính chất đẳng thức, quy tắc chuyển vế.

+ Làm bài 63; 65/ SGK/ 87;133,137,139,142/SBT/106.

*…………………………………………………………….*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 1/1 /2018*** | ***Ngày giảng : 9/1 /2018*** |

**Tiết 60:NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU.**

**I.** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức:** Hiểu được quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.

**2. Kỹ năng:**

- Tính đúng tích của hai số nguyên khác dấu.

- Vận dụng quy tắc chuyển vế để tìm các giá trị của x trong bài toán tìm x.

**3.Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV:** Bảng phụ, phấn màu.

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi: Phát biểu quy tắc chuyển vế? Nêu các tính chất của đẳng thức?

Vận dụng giải 64 ( SGK-86).

- Đáp án - biểu điểm

Phát biểu đúng quy tắc được 3 điểm

Nêu đúng mỗi tính chất được 1 điểm

Bài 64 (SGK- 86)

a) a + x = 5 => x = 5 - a ( 2 điểm)

b) a - x = 2 => x = a - 2 ( 2 điểm)

**\*Khởi động:**Hoàn thành phép tính:

(-3). 4= (-3)+ (-3)+ (-3) +(-3) = …

Theo cách trên hãy tính:

(-5).3 =…

2.(-6) = …

Trao đổi trong nhóm và nhận xét về GTTD và về dấu của tích hai số nguyên khác dấu.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1***: **1. Nhận xét mở đầu**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Yêu cầu HS thảo luận nhóm **?1**; **?2**; **?3** trong 5 phút  HS: Thảo luận nhóm  Đại diện các nhóm trả lời  GV: Vậy qua các **?** vừa làm em hãy đề xuất quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu?  HS: đề xuất phương án | **?1**: (-3) . 4 = (-3)+(-3)+(-3)+(-3) = -12  **?2**: (-5) . 3 = (-5)+(-5)+(-5) = -15  2 . (-6)= (-6)+ (-6) = -12  **?3**: Nhận xét:  + GTTĐ của tích bằng tích các GTTĐ  + Tích hai số nguyên khác dấu mang dấu "-" (luôn là một số nguyên âm) |
| ***Hoạt động 2***: **2. Quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Yêu cầu HS nhắc lại 1 phương án.  GV: Chính xác hoá sau đó yêu cầu HS đọc lại quy tắc trong SGK và chú ý  HS: Đọc quy tắc  GV: Nêu ví dụ  (?) *Khi một sản phẩm sai quy cách bị trừ 10 000đ nghĩa là được thưởng bao nhiêu?*    *(?) Vậy lương của anh công nhân đó bằng bao nhiêu*?  GV: Thật ra ta thường tính tổng số tiền được nhận trừ đi tổng số tiền bị phạt, nghĩa là tính:  40 . 20 000 - 10 . 10 000 = 700 000đ  GV: Yêu cầu HS làm **?4**  Bổ sung: c) (-2) . 3  d) 111 . (-10  HS: Lên bảng  - Yêu cầu HS thảo luận nhóm trả lời | **\* Quy tắc: (SGK)**  \* Ví dụ:  Khi một sản phẩm sai quy cách bị trừ  10000đ nghĩa là được thưởng thêm  - 10000đ  Vậy lương của anh công nhân đó là:  40 . 20 000 + 10 . (-10 000)  = 800 000 + (-100 000)  = 700 000 đ  **?4**   1. 5 . (-14) = -60 2. (-25) . 3 = -300 3. (-2) . 3 = -6 4. 111 . (-10) = - 1110   **Bài tập**/ Bảng phụ:  Có thể nhận xét ngay các kết quả sau là sai không? Vì sao?  a) -17 . 10 = 170   1. (-6) . 3 = 18   c) (-2) . 8 = 16  Trả lời:  Kết quả là sai. Vì kết quả phải là số âm |
| **3.Hoạt động Luyện tập**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| - Yêu cầu HS đọc đề bài  4HS lên bảng làm  - Yêu cầu HS trả lời      GV: *Có phải tính kết quả rồi mới so sánh không*?  HS: Không  GV: hướng dẫn  GV: - Yêu cầu HS hoạt động nhóm  - Yêu cầu HS nêu cách tính ở 2 ô cuối  HS: Hoạt động nhóm. Đại diện các nhóm trả lời  GV: Nhận xét các nhóm  GV: Chốt lại kiến thức của bài | ***Bài tập 73***(SGK)  a) (-5) . 6 = - 30  b) 9 . (-3) = -27  c) (-10) . 11 = -110  d) 150 . (-4) = -600  ***Bài tập 74****(*SGK)  Có: 125 . 4 = 500. Vậy  a) (-125) . 4 = -500  b) (-4) . 125 = -500  c) 4 . (-125) = -500  ***Bài tập 75***(SGK)  a) (-67) . 8 < 0  b) 15 . (-3) < 15  c) (-7) . 2 < -7  ***Bài tập 76***(SGK)/ bảng phụ   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | x | 5 | -18 | **18** | -25 | | y | -7 | 10 | -10 | **40** | | x . y | **-35** | **-180** | -180 | -1000 | |

**4.Hoạt động vận dụng**

- GV yêu cầu HS phát biểu lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu.

- HS phát biểu quy tắc.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| x | 5 | -18 | **18** | -25 |
| y | -7 | 10 | -10 | **40** |
| x.y | **-35** | **-180** | -180 | -1000 |

**5.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

Dự đoán giá trị của số nguyên x thỏa mãn đẳng thức dưới đây và kiểm tra xem có đúng không?

1. - 8.x = - 72
2. -4.x = - 40
3. 6.x = -54

**\*Về nhà**

+ Học thuộc quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu. So sánh với quy tắc cộng hai số nguyên khác dấu.

+ Làm bài 77 (sgk/89). 1334;137;139;144(SBT/106 -10

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 5 /1 /2018*** | ***Ngày giảng :13/ 1 /2018*** |

**Tiết 61:NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU.**

**I.MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức:** Hiểu được quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu

**2. Kỹ năng:** - Biết vận dụng quy tắc để tính đúng tích của các số nguyên.

- Tính đúng, nhanh tích của hai số nguyên cùng dấu.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV:** Bảng phụ, phấn màu.

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:

- Câu hỏi: Phát biểu quy tắc nhân 2 số nguyên khác dấu?

Vận dụng giải bài 77(SGK-89)

- Đáp án - biểu điểm

Quy tắc: (SGK-88) ( 4đ)

Bài 77 (SGK- 89)

a) x = 3 => 250 . x = 250 . 3 = 750 dm = 75 m (2đ)

b) x = -2 => 250 .(-2) = - 500 dm = - 50m (2đ)

Vậy nếu 1 bộ tăng 3 dm => 250 bộ tăng 75 m

Nếu 1 bộ tăng - 2 dm => 250 bộ tăng - 50 m (hay giảm 50 m) (2đ)

**\*Khởi động:**

1.Tính a)12.3; b)5.120 c)(+5).(+120)

?Muốn nhân hai số nguyên dương ta làm như thế nào?

2.Hãy quan sát kết quả của 4 tích đầu, dự đoán 2 tích cuối

3.(-4)= - 12

2.(-4)= - 8

1.(-4)= - 4

0.(-4) = 0

(-1).(-4) = ?

(-2).(-4) = ?

?Muốn nhân hai số nguyên âm ta làm như thế nào?

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1***: **1. Nhận hai số nguyên dương**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi,*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: *Số nguyên dương là gì?*  HS: là số nguyên lớn hơn 0  GV: Nhân hai số nguyên dương (hai số tự nhiên khác 0) chính là phép nhân hai số tự nhiên  - Yêu cầu HS làm **?1**  - Bổ sung: (+3).(+9)  Gv nhận xét chữa bài | **?1**   1. 12 . 3 = 36 2. 5 . 120 = 600   c) (+3).(+9) = 27 |
| ***Hoạt động 2***: **2. Nhân hai số nguyên âm**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Vậy còn nhân hai số nguyên âm thì thế nào?  GV: Treo bảng phụ ghi **?2**  Hướng dẫn HS thấy được:  3 . (-4) = -12 Tăng 4 là giảm đi -4  2 . (-4) = -8  - *Vậy nếu trong tích của hai số nguyên khác dấu: Nếu 1 thừa số giữ nguyên, 1 thừa số giảm đi 1 đơn vị thì tích giảm như thế nào?*  HS: Thì tích giảm đi 1 lượng bằng thừa số giữ nguyên đó  *-* Yêu cầu HS thảo luận nhóm làm **?2**  GV: *Vậy qua ?2 em có thể đề xuất quy tắc nhân hai số nguyên âm*?  HS: Đề xuất  GV: Chốt quy tắc (SGK)  - Yêu cầu HS làm ví dụ  Tính: (-4).(-25)  GV: *Hãy nêu nhận xét về dấu của tích hai số nguyên âm*?  HS: Là một số nguyên dương  - Yêu cầu HS làm **?3**  Bổ sung: (-140).(-4)  (-15).(-3)  - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc nhân hai số nguyên khác dấu, quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu. | **?2** (-1).(-4) = 4  (-2).(-4) = 8  **\*Quy tắc (SGK)**  VD: (-4).(-25) = 4 . 25 = 100  **?3**:   1. 5 . 17 = 85 2. (-15).(-6) = 15 . 6 = 90 3. (-140).(-4) = 140 . 4 = 560 4. (-15).(-3) = 15 . 3 = 45 |
| ***Hoạt động 3***.**Kết luận**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi.*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Yêu cầu HS điền vào chỗ trống (…)  **.**  a . 0 = … **.** … = …  **.** Nếu a, b cùng dấu thì a.b = … **.** …  **.** Nếu a, b khác dấu thì a.b = …(… **.** …)  GV: Hãy nhận biết dấu của tích nếu:  (+) . (+)  (-) . (+)  (+) . (-)  (-) . (-)  - *Khi a.b = 0 ta suy ra điều gì?*  Áp dụng: 2(x + 1) = 0. Hãy tìm x  *- Khi ta đổi dấu 1 thừa số trong tích thì ta được gì?*  *- Khi đổi dấu hai thừa số trong tích thì ta được gì?*  Áp dông tÝnh: 3 . 5 =  (-3) . 5 =  3 . (-5) =  (-3).(-5)  - Yªu cÇu HS lµm **?4** | **.**  a . 0 = 0 . a = 0  **.** NÕu a, b cïng dÊu th× a.b =**.**  **.** NÕu a, b kh¸c dÊu th× a.b = -(**. )**  Chó ý:  \* C¸ch nhËn biÕt dÊu cña tÝch:  (+) . (+)  (+)  (-) . (+)  (-)  (+) . (-)  (-)  (-) . (-)  (+)  \* Khi a. b = 0 th× hoÆc a = 0 hoÆc b = 0  VD: 2(x + 1) = 0  V× 2 0 nªn x + 1 = 0  x = 0 - 1 = -1  \* Khi ta ®æi dÊu 1 thõa sè trong tÝch th×tÝch ®æi dÊu.  Khi ®æi dÊu hai thõa sè trong tÝch th× dÊu cña tÝch kh«ng thay ®æi  VD:TÝnh: 3 . 5 = 15  (-3) . 5 = -15  3 . (-5) = -15  (-3).(-5) = 15  **?4**:   1. Do a > 0 vµ a.b > 0 nªn b > 0 2. Do a > 0 vµ a.b < 0 nªn b < 0 |
| **3.Hoạt động Luyện tập**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi.*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| - Yêu cầu HS nhắc lại quy tắc dấu  - Yêu cầu HS làm câu b, c, e  3HS lên bảng làm  - Yêu cầu HS đọc đề  - Yêu cầu 1HS lên bảng làm      - Yêu cầu HS đọc đề bài  *- Sơn bắn được bao nhiêu điểm*?  *- Dũng bắn được bao nhiêu điểm*? | **Bài tập 78**(SGK)  b) (-3) . 7 = -21  c) 13 . (-5) = - 65  e) (+7).(-5) = -35  **Bài tập 79**(SGK)  27 . (-5) = - 135  (+27).(+5) = 135  (-27).(+5) = - 135  (+5).(-27) = - 135  **Bài tập 81**(SGK)  \* 3 . 5 + 1 . 0 + 2 . (-2)  = 15 + 0 + (-4) = 11  \* 2 . 10 + 1 . (-2) + 3 . (-4)  = 20 + (-2) + (-12) = 6  Vậy số điểm ban Sơn cao hơn bạn Dũng |

**4.Hoạt động vận dụng**

* Muồn nhân hai số nguyên khác dấu ta làm như thế nào?
* Hãy nhận biết dấu của tích nếu:

(+) . (+) 

(-) . (+) 

(+) . (-) 

(-) . (-) 

**5.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

So sánh

1. – 40.(-36) và (-40).0
2. -80. 3 và 80.(-3)
3. -132 và (-13)2

**\*Về nhà**

+ Học thuộc quy tắc nhân hai số nguyên.

+ Làm bài 80, 82, 83 (sgk/91 -92).

+ Làm bài 152;153;154; 160/SBT/108 - 109.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn :7/1/2018*** | ***Ngày giảng : 15/1/2018*** |

**Tuần 21**

**Tiết 62: LUYỆN TẬP.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố quy tắc nhân hai số nguyên, chú ý quy tắc dấu.

**2/ Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép nhân hai số nguyên, bình phương của một số nguyên, sử dụng thành thạo máy tính bỏ túi để thực hiện phép nhân.

**3/ Thái độ** : Thấy rõ tính thực tế của phép nhân hai số nguyên (thông qua bài toán bắn súng).

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV:** SGK, bảng phụ, phấn màu, máy tính bỏ túi.

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:

***- Câu hỏi:*** Phát biểu quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu. Nhân 2 số nguyên khác dấu?

***- Đáp án***

Quy tắc nhân 2 số nguyên cùng dấu: Muốn nhân hai số nguyên cùng dấu, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng với nhau

Quy tắc nhân 2 số nguyên khác dấu: Muốn nhân hai số nguyên khác dấu, ta nhân hai giá trị tuyệt đối của chúng rồi đặt dấu "-" trước kết quả nhận được

**\* Khởi động**: So sánh:

a) (-7) . (-5) = 35 > 0

b) (-17) . 5 < 0

(-5) . (-2) > 0

=> (-17) . 5 < (-5 ) . (-2)

c) 19 . 6 = 114 < (-17) . (-10) = 170

Để giúp các em nắm vững hơn về nhân số nguyên chúng ta sẽ giải một số bài tập trong tiết này.

**2. Hoạt động luyện tập**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| ***Dạng 1 : Áp dụng quy tắc và tìm thừa số chưa biết.***  **Bài tập 84 (sgk/92).**  GV yêu cầu hs điền dấu thích hợp vào ô trống.  - Gợi ý điền dấu cột “dấu của a.b “trước.  - Căn cứ vào cột “ dấu của b“và “dấu của a.b”, điền dấu cột “dấu của a.b2”.  GV yªu cÇu mét hs nh¾c l¹i quy t¾c dÊu. | **Bµi tËp 84 (sgk/92).**   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | ***DÊu cña a*** | ***DÊu cña b*** | ***DÊu cña a.b*** | ***DÊu cña a.b2*** | | + | + | **+** | **+** | | + | - | **-** | **+** | | - | + | **-** | **-** | | - | - | **+** | **-** | |
| **Bài tập 86 (sgk/93).**  (Điền số thích hợp vào ô trống).  GV gọi một hs lên bảng điền số, yêu cầu hs cả lớp làm vào vở.  HS dưới lớp nhận xét bài làm của bạn.  **Bài tập 87 (sgk/93).**  - Biết 32 = 9. Có còn số nguyên nào khác mà bình phương của nó cũng bằng 9 ?  Gv chốt phương pháp | **Bài tập 86 (sgk/93).**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a | - 15 | 13 | ***- 4*** | 9 | ***- 1*** | | b | 6 | ***- 3*** | - 7 | ***- 4*** | - 8 | | ab | ***- 90*** | - 39 | 28 | - 36 | 8 |   **Bµi tËp 87 (sgk/93).**  Ngoµi sè 3 ra, cßn cã sè - 3 còng tho¶ m·n. V× 32 = (- 3)2 = 9 |
| ***Dạng 2 : So sánh các số.***  **Bài tập 82 (sgk/92).** So sánh :  a) (- 7).(- 5) với 0.  b) (- 17). 5 với (- 5).(- 2).  c) (+19).(+6) với (- 17).(- 10).  GV cho hs HĐ nhóm  - Chia lớp làm 3 nhóm mỗi nhóm 1 câu  - HS thảo luận theo nhóm  **Bài tập 88 (sgk/93).**  - Cho x  Z, so sánh : (- 5) . x với 0 ?  GV: x  Z, vậy x có thể nhận những giá trị nào ?  HS : x có thể là số nguyên dương, là số nguyên âm, có thể bằng 0.  Gv chốt phương pháp | **Bài tập 82 (sgk/92).**  a)(- 7).(- 5) > 0.  b) (- 17). 5 < 0  (- 5).(- 2) > 0  (- 17). 5 < (- 5).(- 2)  c) (+19).(+6) víi (- 17).(- 10).  (+19).(+6) = 19 . 6 = 114  (- 17).(- 10) = 17 . 10 = 170  114 < 170  (+19).(+6) < (- 17).(- 10)  ., x lµ sè nguyªn d­¬ng th× (- 5). x < 0  ., x lµ sè nguyªn ©m th× (- 5). x > 0  ., x = 0 th× (- 5) . x = 0 |
| ***Dạng 3 : Sử dụng máy tính bỏ túi.***  **Bài tập 89 (sgk/93).**  GV yêu cầu hs tự nghiên cứu sgk, sau đó nêu cách đặt số âm trên máy.  HS tự đọc sgk và làm theo hướng dẫn.  - Áp dông tÝnh :  a) (- 1356) . 17  b) 39 . (- 152)  c) (- 1909) . (- 75) | KÕt qu¶ ¸p dông :  a) - 9492  b) - 5928  c) 143 175. |

**3.Hoạt động vận dụng**

**Bài tập 170 (sbt/111).**

* GV yêu cầu một HS đọc đề bài
* Em hãy cho biết số điểm của bạn Trung được viết thành phép tính như thế nào?
* Em hãy cho biết số điểm của bạn Dũng được viết thành phép tính như thế nào?
* Tính rồi so sánh xem số điểm của bạn nào lớn hơn.

- 1HS lên bảng thực hiện

Số điểm của bạn Trung là:

2.4 + 1.10 + 4.(**-**5) = 8 +10 + ( **-** 20)

= **-** 2

Số điểm của bạn Dũng là:

1. 10 + 2. 4 + 2. ( **-** 3) + 1.0

= 10 + 8 + ( **-** 6) + 0

= 18 + (**-** 6)

= 12

Vậy bạn Dũng bắn được nhiều điểm hơn bạn Trung ( vì 12 > ( **-** 2)

*Gv chốt kiến thức*

**4.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

1. Chọn đáp án đúng:

Số nguyên n mà(n+1)(n+3)<0 là

A.-5 B.-4 C.-3 D.-2

2. Dùng máy tính bỏ túi để tính:

a)(-12345).17 b)39.(-567) c)(-1987).(-75)

\*Về nhà:

- Ôn lại quy tắc phép nhân số nguyên. Tính chất phép nhân trong N.

- Làm các bài tập từ 166;167;171;;172;173;181 (SBT/111; 112).

*………………………………………………………………….*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 8/1/2018*** | ***Ngày soạn : 16/1/2018*** |

**Tiết 63:TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN.**

**I)** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức:** Nắm được t/c của phép nhân các số nguyên: nhân với số 1, phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

**2. Kỹ năng:** Biết vận dụng các t/c của phép nhân trong tính toán và biến đổi biểu thức.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( kết hợp trong bài)

**\* Khởi động**

- Nêu quy tắc và viết công thức nhân hai số nguyên.

- Phép nhân các số tự nhiên có những tính chất gì ? Nêu dạng tổng quát.

- Tính chất của phép nhân các số tự nhiên :

a . b = b . a

(a . b) . c = a . (b . c)

a . 1 = 1 . a = a

a(b + c) = ab + ac

Phép nhân trong Z cũng có các tính chất tương tự như tính chất của phép nhân trong N. Tiết học này chúng ta sẽ xét lần lượt các tính chất đó.

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Tính chất giao hoán.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Hãy tính : 2 . (- 3) = ?  (- 3) . 2 = ?  (- 7) . (- 4) = ?  (- 4) . (- 7) = ?  - Rút ra nhận xét.  - Ta có công thức : a . b = b . a | Có : 2 . (- 3) = - 6  (- 3) . 2 = - 6  Do ®ã 2 . (- 3) = (- 3) . 2  (- 7) . (- 4) = 28  (- 4) . (- 7) = 28  Do ®ã (- 7) . (- 4) = (- 4) . (- 7)  \* **NX :** NÕu ta ®æi chç c¸c thõa sè th× tÝch kh«ng thay ®æi.  a . b = b . a |
| ***Hoạt động 2 : Tính chất kết hợp.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV yêu cầu hs tính :  [9 . (- 5)] . 2 và 9 . [(- 5) . 2]  và ra nhận xét.  Một hs làm tính miệng, GV ghi bảng :  GV đưa ra công thức tổng quát :  (a . b) . c = a . (b . c)  GV: Nhờ có tính chất kết hợp ta có thể tính tích của nhiều số nguyên. Chẳng hạn:  a . b . c = (a . b) . c  = a . (b . c)  = (a . c) . b  HS nghe giảng và ghi bài.  - Vậy để tính nhanh một tích có nhiều thừa số ta làm thế nào ?  HS : Ta có thể dựa vào tính chất giao hoán và kết hợp để thay đổi vị trí các thừa số, đặt dấu ngoặc để nhóm các thừa số một cách thích hợp.  - Nếu có một tích của nhiều thừa số bằng nhau, chẳng hạn : (2 . 2 . 2 . 2) ta có thể viết gọn như thế nào ?  - Tương tự, hãy viết dưới dạng luỹ thừa :  (- 2) . (- 2) . (- 2) = ?  GV yêu cầu hs đọc chú ý (sgk/94).  GV yêu cầu hs suy nghĩ và trả lời bài tập ,  sgk.  GV yêu cầu HS đọc nhận xét (sgk/94).  Gv chốt | [9 . (- 5)] . 2 = (- 45) . 2 = - 90  9 . [(- 5) . 2] = 9 . (- 10) = - 90  Do đó : [9 . (- 5)] . 2 = 9 . [(- 5) . 2]    - Muốn nhân một tích hai thừa số với thừa số thứ 3 ta có thể lấy thừa số thứ  nhất nhân với tích thừa số thứ hai và thứ ba.  - Công thức tổng quát :  a . b . c = (a . b) . c  = a . (b . c)  = (a . c) . b  -Ta có thể viết gọn dưới dạng luỹ thừa :  2 . 2 . 2 . 2 = 24  (- 2) . (- 2) . (- 2) = (- 2)3  - Tích một số chẵn các thừa số nguyên âm có dấu dương.  - Tích một số lẻ các thừa số nguyên âm có dấu âm. |
| ***Hoạt động 3 : Tính chất nhân với 1.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình,luyện tập*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi.*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| Tương tự như với số tự nhiên, ta có :  a . 1 = 1 . a = a (a  Z)  GV yêu cầu hs làm bài ,  sgk.  HS làm bài theo yêu cầu của GV: | : a . (- 1) = (- 1) . a = - a  : Bạn Bình nói đúng, vì hai số đối nhau có bình phương bằng nhau.  **Ví dụ:** 32 = (- 3)2 = 9 |
| ***Hoạt động 4 : Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| GV: Muốn nhân một số với một tổng ta làm thế nào ?  HS : Muốn nhân một số với một tổng ta nhân số đó với từng số hạng trong tổng rồi cộng các kết quả lại.  Một hs nhắc lại chú ý/sgk.  - Công thức tổng quát :  a(b + c) = ab + ac  - Viết kết quả của a(b - c) = ?  GV nêu chú ý (sgk/95) và yêu cầu hs nhắc lại.  GV yêu cầu hs làm bài  sgk/95 theo nhóm:  HS thảo luận theo nhóm  - TÝnh b»ng hai c¸ch vµ so s¸nh kÕt qu¶  a) (- 8) . (5 + 3)  b) (- 3 + 3) . (- 5) | \* **Tính chất:**  a(b + c) = ab + ac  a.(b - c) = a[b + (- c)]  = ab + a(- c)  = ab - ac    a) (- 8) . (5 + 3) = (- 8) . 8 = - 64  (- 8) . (5 + 3) = (- 8) . 5 + (- 8) . 3  = - 40 + (- 24)  = - 64  b) (- 3 + 3) . (- 5) = 0 . (- 5) = 0  (- 3 + 3) . (- 5) = (- 3) . (- 5) + 3 . (- 5)  = 15 + (- 15)  = 0 |

**3/ Hoạt động luyện tập:**

*- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập*

*- Kĩ thuật:, đặt câu hỏi, động não*

*- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo*

*- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ*

|  |  |
| --- | --- |
| 1.Tính:  a)15.(-2).(-5).(-6)  b)4.7.(-11).(-2)  2HS lên bảng thực hiện  Dưới lớp làm vào vở  HS khác nhận xét  2.Viết các tich sau dưới dạng 1 lũy thừa:  a)(-5).(-5).(-5).(-5).(-5)  b)(-2).(-2).(-2).(-3).(-3).(-3).(-3)  HS làm việc cá nhân  GV gọi hs đọc kết quả của mình | 1.  a) -900  b) 616  2.   1. -55 2. (-2)3.(-3)4 |

**4.Hoạt động vận dụng**

Em hãy trao đổi với bạn những kiến thức em đã học được trong bài hôm nay.Các kiến thức này liên quan đến những kiến thức nào em đã học, có những kiến thức nào mới?

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

1. Tính:

a) 273.(-26) + 26.137

b) 63.(-25) + 25.(-23)

2. Không tính, hãy so sánh

a) (-2).(-3).(-2016) với 0

b)(-1.)(-2)(-3.)....(-2014) với 0

\*Về nhà:

- Nắm vững các tính chất của phép nhân. Học thuộc nhận xét và chú ý.

- Làm các bài tập từ 90 đến 95 (sgk/95)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn :12/1/2018*** | ***Ngày soạn : 20/1/2018*** |

**Tiết 64:LUYỆN TẬP.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố các tính chất cơ bản của phép nhân và nhận xét của phép nhân nhiều số, phép nâng lên luỹ thừa.

**2/ Kĩ năng**: Biết áp dụng tính chất cơ bản của phép nhân để tính đúng, tính nhanh giá trị biểu thức, biến đổi biểu thức, xác định dấu của biểu thức nhiều số.

**3/ Thái độ** : Bước đầu có ý thức vận dụng các kiến thức vào thực tế.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:

? Phát biểu các tính chất của phép nhân các số nguyên. Viết công thức tổng quát.

**\*Khởi động**

- làm bài tập :

(37 - 17) . (- 5) + 23 . (- 13 - 17)

= 20 . (- 5) + 23 . (- 30)

= - 100 - 690

= - 790

- nhận xét kết quả của phép tính trên?

**2/ Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | |
| ***Dạng 1 : Tính giá trị biểu thức.***  **Bài 92b (sgk/95).**  - Tính : (- 57) . (67 - 34) - 67 . (34 - 57)  GV: Ta có thể giải bài này như thế nào ?  HS : Có thể thực hiện trong ngoặc trước, ngoài ngoặc sau.  Gọi 1 hs lên bảng làm.  GV: Có thể giải cách nào nhanh hơn ?  Gọi 1 hs khác lên bảng làm và giải thích. | **Bài 92b (sgk/95).**  (- 57) . (67 - 34) - 67 . (34 - 57)  = - 57 . 33 - 67 . (- 23)  = - 1881 + 1541  = - 340  Cách 2 :  = - 57. 67 - 57. (- 34) - 67. 34 - 67. (- 57)  = - 57. (67 - 67) - 34. (- 57 + 67)  = - 57. 0 - 34. 10  = - 340 |
| **Bài 96 (sgk/95).**  - Tính : a) 237 . (- 26) + 26 . 137  b) 63 . (- 25) + 25 . (- 23)  GV lưu ý tính nhanh dựa trên tính chất giao hoán, phân phối và kết hợp của phép nhân.  GV gọi 2 hs lên bảng, cả lớp làm vào vở.  HS làm bài :  **Bài 98 (sgk/96).**  - Tính giá trị của biểu thức :  a) (- 125) . (- 13) . (- a) với a = 8.  b) (- 1) . (- 2) . (- 3) . (- 4) . (- 5) . b  với b= 20.  GV: Làm thế nào để tính được giá trị của biểu thức ?  HS : Để tính giá trị của biểu thức, ta thay giá trị của a, b vào biểu thức rồi tính. Xác định dấu của biểu thức dựa vào số các thừa số âm ...  Xác định dấu của biểu thức như thế nào ? Xác định giá trị tuyệt đối ?  GV gọi 2 hs lên bảng làm.  Hai hs lên bảng, cả lớp làm vào vở :  Gv nhận xét,chốt kiến thức | **Bài 96 (sgk/95).**  a) 237 . (- 26) + 26 . 137  = 26 . 137 - 26 . 237  = 26 . (137 - 237)  = 26 . (- 100)  = - 2600  b) 63 . (- 25) + 25 . (- 23)  = 25 . (- 23) - 25 . 63  = 25 . (- 23 - 63)  = 25 . (- 86)  = - 2150.  **Bài 98 (sgk/96).**  a) Thay a = 8 vào biểu thức, ta có :  (- 125) . (- 13) . (- 8)  = - (125 . 8 . 13)  = - 13 000  b) Thay b = 20 vào biểu thức, ta có :  (- 1).(- 2).(- 3).(- 4).(- 5). 20  = - (2 . 3 . 4 . 5 . 20)  = - 2400 |
| ***Dạng 2 : Luỹ thừa.***  **Bài 95 (sgk/95).**  - Giải thích tại sao (- 1)3 = - 1. Có còn số nguyên nào khác mà lập phương của nó cũng bằng chính nó không ?  HS suy nghĩ và trả lời : | (- 1)3 = (- 1).(- 1).(- 1)  = - 1  - Còn có số 0 và số 1 mà lập phương của nó cũng bằng chính nó.  13 = 1 ; 03 = 0 |
| ***Dạng 3 : Điền số vào ô trống, vào dãy số.***  **Bài 99 (sgk/95).**  - Áp dông tÝnh chÊt a(b - c) = ab - ac, ®iÒn sè thÝch hîp vµo « trèng. | **Bµi 99 (sgk/95).** |
| GV treo bảng phụ ghi sẵn đề bài, yêu cầu hs lên bảng điền vào ô trống.  HS thảo luận nhóm trong 5 phút rồi lên bảng điền vào ô trống :  **Bài 205 (SBT/116).**  GV gọi một hs lên bảng thực hiện (tương tự bài 99/sgk).  Một hs làm trên bảng :  **Bài tập**. Tìm hai số tiếp theo của dãy số :  a) - 2 ; 4 ; - 8 ; 16 ; …  b) 5 ; - 25 ; 125 ; - 625 ; …  Hai hs lªn b¶ng lµm bµi : | a) .(- 13) + 8.(- 13)  = (- 7 + 8).(- 13)  =  b) (- 5).(- 4 - )  = (- 5).(- 4) - (- 5).(- 14)  =  **Bµi 205 (SBT/116).**  (- 17). 10 - (- 3). 10  = [- 17 - (- 3)] .  =  **Bµi tËp**.  KÕt qu¶ :  a) - 2 ; 4 ; - 8 ; 16 ; ***- 32 ; 64*** ; …  b) 5 ; - 25 ; 125 ; - 625 ; ***3125 ; - 15625*** ; … |

**4.Hoạt động vận dụng**

- Bình nói rằng bạn ấy đã nghĩ ra được hai số nguyên khác nhau nhưng bình phương của chúng lại bằng nhau. Bạn Bình nói có đúng không? Vì sao?

- Bạn An nói rằng bất kì số nguyên nào lũy thừa bậc chẵn cũng là số nguyên dương.Bạn An nói có đúng không?Vì sao?

**5.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

Tính nhanh

a) (-4).(+125).(-25).(-6)

b) (-98).(1- 246) - 246.98

\*Về nhà

- Ôn lại các tính chất của phép nhân trong Z.

- Làm các bài tập 97; 98;99;100 (sgk/95 + 96) và các bài tập từ 199 ;201;204;207 (SBT/116).

- Ôn tập bội và ước của số tự nhiên, tính chất chia hết của một tổng.

- Đọc trước bài : "Bội và ước của một số nguyên"

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 14/1/2018*** | ***Ngày soạn : 22/1/2018*** |

***Tuần 22***

**Tiết 65 : BỘI VÀ ƯỚC CỦA MỘT SỐ NGUYÊN.**

**I)** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức:** Nắm được các khái niệm bội và ước của một số nguyên

**2. Kĩ năng**: Biết tìm bội và ước của một số nguyên.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Không lấy điểm )

* ***Câu hỏi:*** Viết các số 6 và -6 thành tích 2 số nguyên. Các nhóm cùng thảo luận và báo cáo kết quả?
* ***Đáp án***

6 = 2.3 = (-2).(-3) = 6.1 = (-6)(-1)

-6 = 2 .3 = +2. (-3) = 6.(-1) = (-6).1

***\*Khởi động:*** a, b  Z. Khi nào a là bội của b? Bội và ước của số nguyên có tính chất gì chúng ta cùng nghiên cứu bài hôm nay

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1***: **Bội và ước của một số nguyên**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| GV: Yêu cầu HS hoạt động nhóm làm ?1  HS: Ho¹t ®éng nhãm  (?) *VËy 6 vµ -6 chia hÕt cho sè nguyªn nµo*?  - Yªu cÇu HS tr¶ lêi ?2  GV: T­¬ng tù ®èi víi tËp hîp Z h·y ph¸t biÓu kh¸i niÖm chia hÕt.  HS: Ph¸t biÓu  GV: ChÝnh x¸c ho¸  HS: Nh¾c l¹i  (?) *H·y chØ ra c¸c ­íc cña 6 vµ -6*?  (¦íc cña 6 lµ1; 2; 3;-1; -2 ; -3  ¦íc cña -6 lµ 1;2; 3; -1;-2; -3)  GV: LÊy vÝ dô:  - Yªu cÇu HS lµm ?3 theo phiÕu ht  *(?) §Ó t×m béi cña 6 ta lµm nh­ thÕ nµo*?  (§Ó t×m béi cña 6 ta nh©n 6 víi mét sè nguyªn nµo ®ã)  GV: Nªu chó ý  HS: §äc  - *Sè nµo kh«ng ph¶i lµ ­íc cña bÊt k× sè nguyªn nµo?*(sè 0)  *- Sè nµo lµ ­íc cña mäi sè nguyªn? V× sao?* (Sè 1 vµ -1. V× mäi sè nguyªn ®Òu chia hÕt cho 1 vµ -1) | | ?1  6 = 2.3 = (-2) . (-3)  -6 = (-2) . 3 = 2 . (-3)  ?2: Víi 2 sè tù nhiªn a vµ b (b 0), sè tù nhiªn a chia hÕt cho sè tù nhiiªn b nÕu cã sè tù nhiªn k sao cho a = b.k  **\*Kh¸i niÖm: (SGK)**  VÝ dô: -9 lµ béi cña 3 v× -9 =3.(-3)  ?3: Béi cña 6 cã d¹ng: 6m lµ: 0; 6; -6; 12; -12; …  - V× 6 = 2.3 = (\_2).(-3) = 1. 6 = (-1).(-6) nªn c¸c ­íc cña 6 lµ: 1; -1; 2; -2; 3; -3 ; 6; -6  **\* Chó ý: (SGK)** | |
| ***Hoạt động 2 : Tính chất.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .*  *- Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ*   |  |  | | --- | --- | | GV yêu cầu hs tự đọc sgk và lấy ví dụ minh hoạ cho từng tính chất.  HS đọc và lấy ví dụ cụ thể cho từng tính chất.  HS ghi bài. | a)  và  VD : 12  - 6 và - 6  - 3  12  - 3  b)  và m  Z  VD :  c)  và  VD : | | | | |
| **3**. **Hoạt động luyện tập**  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | | |
| GV:  - *Bội và ước của một số nguyên là gì?*  *- Nêu cách tìm*?  HS: Trả lời  - Yêu cầu hoạt động nhóm làm bài 101, 102 (SGK)  + 2 nhóm làm bài 101  + 2 nhóm làm bài 102  *Nêu dạng bội tổng quát của 3*?  - Yêu cầu HS làm bài 104(SGK)  - Yêu cầu HS nêu cách tìm x đối với mỗi bài  GV: Chốt kiến thức | **Bài tập 101** (SGK)  5 bội của 3 là: -3; 3; 6; -6; 18  **Bài tập 102** (SGK)  Các ước của -3: -1; 1; -3; 3  Các ước của 6 là : -1; 1; 2; -2; 3; -3; 6; -6  Các ước của 11 là: 1; -1; 11; -11  Các ước của -1 : 1; -1  **Bài tập 104** (SGK)  a) x = (-75) : 15  x = -5  b) 3.= 18  = 18 : 3 = 6  x = 6 hoặc x = -6 | | |

**4.Hoạt động vận dụng**

1.Em hãy trao đổi với bạn những kiến thức em đã học được trong bài hôm nay.Các kiến thức này liên quan đến những kiến thức nào em đã học, có những kiến thức nào mới?

2. Có hai số nguyên a, b khác nhau nào mà a chia hết cho b và b chia hết cho a không?

**5.Hoạt động tìm tòi , mở rộng** :

Tìm hiểu thêm về sự chia hết

Cho a, b là hai số nguyên khác không. Khi đó nếu a b và b thì a=b hoặc a=-b.

Thật vậy:Do ab nên a=bq với q .Lại do b nên b=ap với p.

Suy ra a=bq=(ap)q=a(pq), tức là pq=1(vì a). Vậy p=q=1 hoặc p=q=-1 . Từ đó ta có điều phải chứng minh.

\*Về nhà:

- Học thuộc định nghĩa a chia hết cho b trong tập Z, nắm vững các chú ý và 3 tính chất.

- Làm các bài tập từ 103 đến 106 (sgk/97) và các bài từ 209 ;212;214;216;218 (SBT/118 + 119).

…………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 25/1/2018*** | ***Ngày soạn :2/2/2018*** |

**Tiết 66:ÔN TẬP CHƯƠNG II**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Ôn tập cho HS khái niệm về tập Z các số nguyên, giá trị tuyệt đối của một số nguyên, quy tắc cộng, trừ, nhân hai sô nguyên và các tính chất của phép cộng, phép nhân số nguyên.

**2/ Kĩ năng** : Vận dụng các kiến thức trên vào bài tập về so sánh số nguyên, thực hiện phép tính, bài tập về giá trị tuyệt đối, số đối của số nguyên.

**3/ Thái độ** : HS thấy được sự lôgic của toán học và ham thích học toán.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 – GV:** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

**\* Khởi động:**Trò chơi “Thử tài ghi nhớ”: Giáo viên chuẩn bị một số nội dung kiến thức cần thiết liên quan đến bài học đưa vào máy tính Học sinh chuẩn bị bảng nhóm, bút dạ

Cách chơi: Giáo viên đưa nội dung cần thử trí nhớ lên màn hình cho các nhóm quan sát trong vòng vài giây đến vài chục giây, sau đó, cất bảng phụ (chuyển slides)

Giáo viên yêu cầu học sinh ghi lại những nội dung mà mình đã nhìn thấy. Học sinh các nhóm thi nhau ghi lên bảng nhóm của nhóm mình. Nhóm có nội dung ghi lại đúng và được nhiều hơn là nhóm giành chiến thắng.

Câu hỏi:

+ Tập hợp số nguyên

+ Số đối

+Giá trị tuyệt đối của số nguyên a

+Các tính chất của phép cộng các số nguyên

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | |
| GV:Y/c Hs trả lời các câu hỏi 1, 2, 3 (sgk 98)  HS:Từng Hs trả lời các câu hỏi đã chuẩn bị và trả lời các câu hỏi thêm của GV.  *-* Tập hợp Z gồm những số như thế nào?  - Thế nào là hai số nguyên đối nhau?  - Hai số nguyên đối nhau có tổng bằng 0  *-* Giá trị tuyệt đối của số nguyên a là gì?  GV: *Nhấn mạnh*: GTTĐ của một số nguyên là một số tự nhiên. Treo bảng phụ ghi nội dung bài tập 107 lên bảng.  HS:Hai em lên bảng làm bài tập 107. HS:Một em làm phần a,b. Một em làm phần c. Các HS khác cùng làm và nhận xét  GV:Y/c Hs làm bài tập 108 (SGK-98)  HS: 1em lên bảng làm.  GV:Y/c HS nghiên cứu và làm bài 109.  HS:1 hs đứng tại chỗ trả lời.  - Nêu cách so sánh hai số nguyên ?  HS: nêu cách so sánh hai số nguyên.  GV:Y/c hs trả lời câu hỏi 4, 5 (sgk)  HS: Hai HS trả lời câu hỏi.    GV:Giới thiệu bảng 1  Hs theo dõi bảng 1 và ôn lại các tính chất.  GV:Treo bảng phụ ghi nội dung bài tập 110 (SGK-99) lên bảng  Hs nghiên cứu bài 110 và đứng tại chỗ trả lời.  *-* Phát biểu quy tắc dấu ngoặc?  - 1 Hs phát biểu  Cho HS nghiên cứu bài tập 111 (SGK - 99)  4 HS lên bảng làm bài tập 111.  HS:Các HS khác làm bài vào giấy nháp  - Nhận xét bài làm trên bảng?  GV:Cho HS hoạt động nhóm làm bài tập 116; (SGK - 99).  HS:Thảo luận nhóm làm bài vào bảng nhóm.  - Đại diện một nhóm lên bảng trình bày bài giải. Các nhóm còn lại nhận xét?  GV:Lưu ý học sinh có thể giải theo các cách khác nhau | **I. Ôn tập khái niệm về tập Z. Thứ tự trong Z** (15')    **Câu 1**: *Z =*  Tập hợp **Z** gồm các số nguyên âm, số 0, số nguyên dương  **Câu 2:**  a) Số đối của số nguyên a là (- a)  a + (- a) = 0  b) Số đối của số nguyên a có thể là số nguyên dương có thể là số nguyên âm; có thể bằng 0.  a < 0 thì - a > 0  a > 0 thì - a < 0  a = 0 thì - a = 0  c) Chỉ có số 0 bằng số đối của nó.  **Câu 3:**  a) Giá trị tuyệt đối của số nguyên a là khoảng cách từ điểm a đến điểm 0 trên trục số.  = a nếu a  0  - a nếu a < 0  b) GTTĐ của một số nguyên chỉ có thể là số nguyên dương hoặc bằng 0, không thể là số nguyên âm.  a **Z** thì  **N**  \* **Bài tập 107(sgk 98**)  ***Giải***  a, b)  . . . . . . . . . . .  a **-b** 0 b **- a**  c) So sánh: a < 0 ; b > 0  - a > 0 ; - b < 0    **\*) Bài tập 108 (Sgk - 98)**  ***Giải***  a 0  Nếu a > 0 thì - a < a; - a < 0  Nếu a < 0 thì - a > a ; - a > 0  **\* Bài tập 109(Sgk 98)**  ***Giải***  Sắp xếp theo thứ tự tăng dần:  - 624; - 570; - 287; 1441; 1596; 1777; 1850  **II. Ôn tập các phép toán trong Z** (18')  Câu 4:  + Quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.  + Quy tắc trừ hai số nguyên.  + Quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.  Câu 5: Các tính chất của phép cộng và phép nhân các số nguyên.   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Cộng | Nhân | | Giao hoán | a + b = b + a | a.b = b.a | | Kết hợp | (a+b)+c=a+(b+c) | (a.b).c=a.(b.c) | | Cộng với 0 | a + 0 = 0 + a = a |  | | Nhân với 1 |  | a.1 = 1.a = a | | Cộng với số đối | a + (- a) = 0 |  | | PP của phép nhân đối với phép cộng | a(b + c) = ab + ac | |   **Bảng 1:**  **\*) Bài tập 110 (SGK-99)**  ***Giải***  a) Đúng  b) Đúng  c) Sai . Ví dụ: (-5 ) . (- 2) = 10  d) Đúng  **\*) Bài tập 111 (SGK 99)**  ***Giải***  a) [(- 13) + (- 15)] + (- 8)  = (- 28) + (- 8) = - 36  b) 500 (- 200) 210 100  = 500 + 200 210 - 100  = (500 + 200) (210 + 100)  = 700 310 = 390  c) (- 129) + (- 119) 301 + 12  = 129 119 301 + 12  = (129 119) + 12 - 301  = 10 + 12 301  = - 279  d) 777 (- 111) (- 222) + 20  = 777 + 111 + 222 + 20  = 1130  **\*) Bài tập 116 (SGK-99)**  ***Giải***   1. (- 4). (- 5). (- 6) = 20. (- 6) = -120 2. (-3 + 6) .(- 4) = 3 . (- 4) = -12 3. (- 5 13) : (- 6) = (-18) : (- 6) = 3 | |

**3.Hoạt động vận dụng**

**Bài tập trắc nghiệm**.

- Trong các câu sau, câu nào đúng ? câu nào sai ?

a) Tập hợp số nguyên bao gồm số nguyên âm và số nguyên dương. (S)

b) Số đối của  là - 5 (Đ)

c)  = 0 (Đ)

d) Tích của hai số đối nhau thì bằng 0. (S)

e) Số liền trước của - 100 là - 99 (S)

f) Số liền sau của - 100 là – 101 (S)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Hãy điền các số 1;-1;2;-2;3;-3 vào các ô trống ở hình vuông sau(mỗi số vào 1 ô) sao cho các tổng ba số trê mỗi dòng, mỗi cột và mỗi đường chéo bằng nhau

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  | 5 |
| 4 |  | 0 |

\*Về nhà

- Xem lại các dạng bài tập đã chữa, ôn lý thuyết phép nhân và tính chất của phép nhân hai số nguyên, bội và ước của một số nguyên.

- Làm các bài tập : 107 ; 108 ; 109 ; 112 ; 113 ; 114 ; 117 ; 118 (sgk/98 + 99) và các bài tập từ 225 đến 245 (SBT/121 + 122).…

……………

………………………………………………………

………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 15/1/2018*** | ***Ngày soạn : 23/1/2018*** |

**Tiết 67:ÔN TẬP CHƯƠNG II (Tiết 2)**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Tiếp tục củng cố các phép tính trong Z, quy tắc dấu ngoặc, quy tắc chuyển vế, bội ước của một số nguyên.

**2/ Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép tính, tính nhanh giá trị biểu thức, tìm x, bội ước của một số nguyên.

**3/ Thái độ** : Rèn luyện tính chính xác, tổng hợp cho hs.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

**\* Khởi động** :Trò chơi “Chạy tiếp sức”: Giáo viên chuẩn bị sẵn một số bài Toán hoặc câu hỏi có nội dung liên quan đến tiết dạy. Học sinh chuẩn bị bảng nhóm, phấn, bút dạ.

Cách chơi: Giáo viên đưa đề bài lên màn hình chiếu ; cho các đội thảo luận làm bài theo dãy hoặc khu vực (tương đương với số nhóm đề bài giáo viên đưa ra); học sinh trao đổi một số phút

Giáo viên bốc thăm chọn ra 3 đội chơi. Khi có hiệu lệnh của giáo viên, lần lượt từng thành viên của 3 đội dùng phấn lên viết đáp án tương ứng vào phần bảng của đội mình.

Mỗi lần lên bảng chỉ được ghi một câu trả lời (hoặc một bước trong toàn bộ công việc của đội). Học sinh này ghi xong, chạy về trao phấn cho bạn để bạn đó được lên bảng. Người lên sau có thể sửa kết quả của người lên trước, nhưng khi sửa thì không được làm thêm việc khác, hết lượt có thể vòng lại lượt 2, 3...).

Thời gian chơi từ khoảng 1- 3phút , đội nào xong trước là đội giành chiến thăng về mặt thời gian. Khi hết giờ chơi, giáo viên ra hiệu lệnh dừng cuộc chơi. Giáo viên và cả lớp cùng đánh giá, cho điểm, đội chiến thắng là đội hết ít thời gian mà có kết quả tốt nhất.

Câu hỏi : Tìm các bội của - 5

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Lí thuyết.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập*  *- Kĩ thuật:, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | |
| **Bài tập trắc nghiệm**.  Trong các câu sau, câu nào đúng ? câu nào sai ?  a) (+ 5 ) . (- 6) = 30  b) (- 5) là ước của 30  c) (- 6) là bội của 2  d) (- 25) . 85 + 25 . 75 = 25. (85 + 75)  e) (- 5) . (- 7) = - 35  f) (- 2) . (- 2) . (- 2) = 8  - HS trả lời miệng :  - GV hỏi thêm :  - Muốn nhân hai số nguyên ta thực hiện như thế nào ?  - Phép nhân các số nguyên có những tính chất nào ? Bài toán trên đã vận dụng tính chất nào ?  - Nêu cách tìm bội và ước của một số nguyên ? | | a) Sai. Sửa lại kết quả là - 30  b) Đúng.  c) Đúng.  d) Sai. Sửa lại kết quả : 25. (75 - 85)  e) Sai. Sửa lại kết quả là 35.  f) Sai. Söa l¹i kÕt qu¶ lµ - 8.  +) a . 0 = 0 . a = 0  +) NÕu a, b cïng dÊu th× a. b =  +) NÕu a, b kh¸c dÊu th× a. b = -  -PhÐp nh©n sè nguyªn cã tÝnh chÊt gi¸o ho¸n, kÕt hîp, nh©n víi sè 1, ph©n phèi gi÷a phÐp nh©n vµ phÐp céng.  - Cho a, b  Z vµ b . NÕu cã sè nguyªn q sao cho a = b.q th× ta nãi a chia hÕt cho b. Ta cßn nãi a lµ béi cña b vµ b lµ ­íc cña a. |
| ***Hoạt động 2 : Luyện tập.***  *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *- Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  *- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ* | | |
| **Bài 117 (sgk/99)**. Tính :  a) (- 7)3 . 24  b) 54. (- 4)2  Hai hs lên bảng, mỗi hs làm một câu :  Chốt cách làm bài 117.  **Bài 118 (sgk/99)**. Tìm x  Z, biết :  a) 2x - 35 = 15  b) 3x + 17 = 2  c)  = 0  GV: cho Hs HĐ nhóm làm bài tập  HS thảo luận theo nhóm.  Chốt cách làm bài 118.  GV:Y/c Hs nghiên cứu bài tập 119( sgk – 100)  HS:Nghiên cứu đề bài  - AD các kiến thức nào thực hiện trong mỗi cách?  HS:Trả lời  - 3 học sinh lên bảng giải mỗi em giải một câu. Hs dưới lớp làm vào vở.  GV:Y/c Hs so sánh trong hai cách thì cách nào gọn hơn.  HS:So sánh và chỉ ra cách làm hợp lý.  Chốt cách làm bài 119 | **Bài 117 (sgk/99)**.  a) (- 7)3 . 24 = (- 343) . 16  = - 5488  b) 54. (- 4)2 = 625 . 16 = 10 000  **Bài 118 (sgk/99)**.  a) 2x - 35 = 15  2x = 15 + 35  2x = 50  x = 25  b) 3x + 17 = 2  3x = 2 - 17  3x = - 15  x = - 5  c)  = 0  x - 1 = 0  x = 1  **\*) Bài tập 119 (SGK - 99)**  ***Giải***  a) C1: 15 . 12 – 3 . 5 . 10  = 15 . 12 – 15 . 10  = 15 . (12 – 10)  = 15 . 2 = 30  C2: 15 . 12 – 3 . 5 . 10  = 180 – 150 = 30  b) C1: 29. (19 -13) – 19. (29 – 13)  = 29. 6 – 19. 16  = 174 – 304 = - 130  C2: 29. (19 -13) – 19. (29 – 13)  = 29.19 – 29.13 – 19. 29+19.13  = (-29). 13 + 19. 13  = 13. (19 – 29)  = 13. (-10) = - 130 | |
| **Bài 120 (sgk/100).**  A = {3 ; - 5 ; 7; B = {- 2 ; 4 ; - 6 ; 8}  a) Có bao nhiêu tích ab (a  A, b  B) ?  b) Có bao nhiêu tích lớn hơn 0 ?  Có bao nhiêu tích nhỏ hơn 0 ?  c) Có bao nhiêu tích là bội của 6 ?  d)Có bao nhiêu tích là ước của 20 ? | **Bài 120 (sgk/100).**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Tích | - 2 | 4 | - 6 | 8 | | 3 | **- 6** | **12** | **- 18** | **24** | | - 5 | **10** | **- 20** | **30** | **- 40** | | 7 | **- 14** | **28** | **- 42** | **56** |   b) Cã 6 tÝch lín h¬n 0.  Cã 6 tÝch nhá h¬n 0.  c) Cã 6 tÝch lµ béi cña 6, ®ã lµ : - 6 ; 12 ; - 18 ; 24 ; 30 ; - 42.  d) Cã 2 tÝch lµ ­íc cña 20, ®ã lµ : 10 ; - 20 | |

**3.Hoạt động vận dụng.**

HS nghiên cứu bài tập

a) 

b) 

c) .

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Nếu a + 1= b + c = c – 3 = d + 4 thì số nào trong 4 số a,b,c,d là lớn nhất?

A. B.b C.c D.d E. không có số nào

\*Về nhà:

- Ôn tập các câu hỏi và các dạng bài tập đã chữa.

- Làm nốt các bài tập còn lại phần ôn tập chương II trong sgk và SBT.

- Tiết sau kiểm tra chương II.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 30/1/2017*** | ***Ngày soạn : 7/2/2017*** |

***Tuần 23***

**Tiết 68:KIỂM TRA CHƯƠNG II**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Kiểm tra việc lĩnh hội các kiến thức đã học trong chương II của hs.

**2/ Kĩ năng** :

- Kĩ năng thực hiện các phép tính về số nguyên, so sánh số nguyên.

- Kĩ năng tìm một số chưa biết trong một biểu thức, từ một số điều kiện cho trước.

- Kĩ năng tìm ước và bội của một số nguyên.

**3/ Thái độ** : Nghiêm túc khi làm bài kiểm tra. Rèn tính cẩn thận đọc kĩ đề bài để giải toán nhanh và đúng.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Kết hợp trắc nghiệm và tự luận(TN 40%;TL 60%)

**III.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Cấp độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | | | **Tổng** |
| **TN** | **TL** | **TN** | **TL** | | **Cấp độ thấp** | | | **Cấp độ cao** | |
| **TN** | **TL** | | **TN** | **TL** |
| Số nguyên âm. | Nhận biết tập hợp các số nguyên bao gồm các số nguyên âm, số 0 và các số nguyên dương. | | Viết được tập hợp các số nguyên bằng cách liệt kê khi biết tính chất đặc trưng của chúng. | | |  | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  0,2 |  | 1  0,2 |  | |  |  |  | |  | 2  0,4 |
| Biểu diễn các số nguyên trên trục số. | Nhận biết được số đối của một số nguyên. | | Biết biểu diễn số nguyên trên trục số. | | |  | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 1  0,2 |  | 1  0,2 |  | |  |  |  | |  | 2  0,4 |
| Thứ tự trong tập hợp Z. Giá trị tuyệt đối | Nhận biết một dãy các số nguyên sắp xếp theo thứ tự tăng dần (hoặc giảm dần). | | Hiểu được giá trị tuyệt đối của một số nguyên.  Biết so sánh hai số nguyên | | | Tìm được giá trị tuyệt đối của một số nguyên. | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | 2  0,4 |  | 4  0,8 | |  |  | 2  1 |  | |  | 8  2,2 |
| Các phép tính cộng, trừ, nhân trong tập hợp Z và  tính chất của các  phép toán. |  | |  | | | Vận dụng được quy tắc cộng hai số nguyên cùng dấu, khác dấu ; quy tắc trừ số nguyên ; quy tắc dấu ngoặc ; quy tắc chuyển vế ; quy tắc nhân hai số nguyên cùng dấu, khác dấu.  Vận dụng tốt các tính chất của phép cộng, phép nhân các số nguyên. | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  |  |  | | 4  0,8 | 5  4 |  | |  | 9  4,8 |
| Bội và ước của một  số nguyên |  | | Hiểu được khái niệm chia hết, các khái niệm bội, ước của một số nguyên. | | | Biết tìm được bội, ước của một số nguyên. | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | 3  0,6 |  | | 3  0,6 | 1  1 |  | |  | 7  2,2 |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ | 4  0,8 | | 9  1,8 | | | 14  7,4 | |  | |  | 27  10  100% |

**IV/ĐỀ BÀI:**

**ĐỀ CHẴN.**

**Phần trắc nghiệm khách quan (4 điểm)**.

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

***Caâu 1*** : Toång taát caû caùc soá nguyeân n thoaû maõn –2 < n  2 laø:

A. 0 B. 2 C. -2 D. 4

***Caâu 2***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. 10 – 13 = 3 B. 10 – 13 = -3

C. 10 – 13 = -23 D. 10 – 13 khoâng tröø ñöôïc

**Câu 3**. Trên trục số dưới đây, hai điểm A và B biểu diễn các số nguyên - 3 và 3. Tìm các điểm biểu diễn các số nguyên - 5 và 5 ?



Chọn câu đúng trong các câu trả lời sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Điểm C và D | B. Điểm M và N | C. Điểm M và E | D. Điểm D và N |

**Câu 4**. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các số nguyên được xếp theo thứ tự tăng dần ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. {- 19 ; - 5 ; 0 ; 1 ; 5 ; 7} | B. {- 5 ; - 19 ; 0 ; 1 ; 5 ; 7} |
| C. {0 ; 1 ; - 5 ; 5 ; 7 ; - 19} | D. {5 ; - 19 ; 7 ; 1 ; - 5 ; 0} |

***Caâu 5***: Keát quaû ñuùng cuûa pheùp tính 3 + (2 – 3) laø:

A. –2 B. –4 C. 4 D. 2

***Caâu 6***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. 20 + (-26) = 46 B. 20 + (-26) = 6 C. 20 + (-26) = -6 D. 20 + (-26) = -46

**Câu 7**. Trong tập hợp Z, cách phát biểu đúng là :

A. Số liền trước của một số nguyên âm là một số nguyên âm.

B. Số liền trước của một số nguyên dương là một số nguyên dương.

C. Số 0 không có số liền trước.

D. Số liền sau của một số nguyên âm là một số nguyên dương.

**Câu 8**. Tìm tổng tất cả các số nguyên x thoả mãn : - 6 < x  5. Kết quả đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 6 | B. 5 | C. 0 | D. - 1 |

***Caâu 9:*** Treân taäp hôïp soá nguyeân **Z**, caùc öôùc cuûa –2 laø:

A. 1 vaø –1 B. 2 vaø -2 C. 1; -1; 2; vaø –2 D. 1; -1; 2

**Câu 10**. Tổng a - (- b + c - d) bằng :

|  |  |
| --- | --- |
| A. a - b + c - d | B. a + b - c + d |
| C. a + b + c - d | D. a + b + c + d |

**Câu 11**. Số đối của các số 1 và -5 lần lượt là các số :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. -1 và 5 | B. - 1 và - 5 | C. 1 và 5 | D. - 5 và 1 |

**Câu 12**. Cho tập hợp M = {2 ; - 3 ; 6 ; - 9 ; 12 ; 3 ; 5}. Có bao nhiêu phần tử của M là bội của 3 ? Chọn kết quả đúng :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |

**Câu 13**. Tập hợp các số nguyên x thoả mãn - 2 < x  2 là :

|  |  |
| --- | --- |
| A. {- 2 ; - 1 ; 0 ; 1 ; 2} | B. {- 1 ; 0 ; 1 ; 2} |
| C. {- 1 ; 0 ; 1} | D. {- 2 ; - 1 ; 0 ; 1} |

**Câu 14**. Tìm tập hợp các số nguyên là ước của 7 ? Kết quả đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. {1 ; 7} | B. {1 ; 7 ; - 7} | C. {- 1 ; 1 ; 7} | D. {- 7 ; - 1 ; 1 ; 7} |

**Caâu 15**: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. (-5) .  B. (-5) . 

C. (-5) .  D. (-5) . 

***Caâu 16:*** Cho bieát n : (-5) > 0. Soá thích hôïp vôùi n coù theå laø:

A. n = 15 B. n = -15 C. n = 0 D. n = 1

***Caâu 17***: Cho bieát –6 . x = 18. Keát quaû ñuùng khi tìm soá nguyeân x laø:

A. –3 B. 3 C. 24 D. 12

***Caâu 18***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. (-150) :  B. (-150) : 

C. (-150) :  D. (-150) : 

***Caâu 19***: Cho bieát –12 . x < 0. Soá thích hôïp vôùi x coù theå laø:

A. x = -2 B. x = 2 C. x = -1 D. x = 0

**Câu 20**. Cho - 841 < - 84\*. Thay dấu \* bằng chữ số thích hợp để được khẳng định đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3 | B. 2 | C. 1 | D. 0 |

**Phần tự luận (6 điểm).**

**Câu 21 (1 điểm)**. Tính :

a)  b) 

**Câu 22 (2 điểm)**. Tìm x  Z, biết :

a) 11 + (15 - 2x) = 0 b) 

**Câu 23 (2 điểm)**. Tính các tổng sau bằng cách hợp lí :

a) 1995 - (- 231 + 1994) - 1

b) 19 - 42 . (- 19) + 19 . (- 3)

c) 1 - 3 + 5 - 7 + 9 - 11 + .... + 2011 - 2013.

**Câu 24 (1 điểm)**. Tìm các số nguyên n, biết : n -2  Ư(5).

**ĐỀ LẺ.**

**Phần trắc nghiệm khách quan (4 điểm)**.

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1**. Cho - 841 < - 84\*. Thay dấu \* bằng chữ số thích hợp để được khẳng định đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3 | B. 2 | C. 1 | D. 0 |

**Câu 2**. Trong tập hợp Z, cách phát biểu đúng là :

A. Số liền trước của một số nguyên âm là một số nguyên âm.

B. Số liền trước của một số nguyên dương là một số nguyên dương.

C. Số 0 không có số liền trước.

D. Số liền sau của một số nguyên âm là một số nguyên dương.

***Caâu 3***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. 10 – 13 = 3 B. 10 – 13 = -3

C. 10 – 13 = -23 D. 10 – 13 khoâng tröø ñöôïc

**Câu 4**. Trên trục số dưới đây, hai điểm A và B biểu diễn các số nguyên - 3 và 3. Tìm các điểm biểu diễn các số nguyên - 5 và 5 ?



Chọn câu đúng trong các câu trả lời sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. Điểm C và D | B. Điểm M và N | C. Điểm M và E | D. Điểm D và N |

***Caâu 5*** : Toång taát caû caùc soá nguyeân n thoaû maõn –2 < n  2 laø:

A. 0 B. 2 C. -2 D. 4

**Câu 6**. Tìm tổng tất cả các số nguyên x thoả mãn : - 6 < x  5. Kết quả đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 6 | B. 5 | C. 0 | D. - 1 |

**Câu 7**. Trong các tập hợp sau, tập hợp nào có các số nguyên được xếp theo thứ tự tăng dần ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. {- 19 ; - 5 ; 0 ; 1 ; 5 ; 7} | B. {- 5 ; - 19 ; 0 ; 1 ; 5 ; 7} |
| C. {0 ; 1 ; - 5 ; 5 ; 7 ; - 19} | D. {5 ; - 19 ; 7 ; 1 ; - 5 ; 0} |

***Caâu 8***: Keát quaû ñuùng cuûa pheùp tính 3 + (2 – 3) laø:

A. –2 B. –4 C. 4 D. 2

**Câu 9**. Tìm tập hợp các số nguyên là ước của 7 ? Kết quả đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. {1 ; 7} | B. {1 ; 7 ; - 7} | C. {- 1 ; 1 ; 7} | D. {- 7 ; - 1 ; 1 ; 7} |

***Caâu 10***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. 20 + (-26) = 46 B. 20 + (-26) = 6 C. 20 + (-26) = -6 D. 20 + (-26) = -46

***Caâu 11***: Cho bieát –12 . x < 0. Soá thích hôïp vôùi x coù theå laø:

A. x = -2 B. x = 2 C. x = -1 D. x = 0

***Caâu 12:*** Treân taäp hôïp soá nguyeân **Z**, caùc öôùc cuûa –2 laø:

A. 1 vaø –1 B. 2 vaø -2 C. 1; -1; 2; vaø –2 D. 1; -1; 2

**Câu 13**. Tổng a - (- b + c - d) bằng :

|  |  |
| --- | --- |
| A. a - b + c - d | B. a + b - c + d |
| C. a + b + c - d | D. a + b + c + d |

**Câu 14**. Cho tập hợp M = {2 ; - 3 ; 6 ; - 9 ; 12 ; 3 ; 5}. Có bao nhiêu phần tử của M là bội của 3 ? Chọn kết quả đúng :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |

**Câu 15**. Tập hợp các số nguyên x thoả mãn - 2 < x  2 là :

|  |  |
| --- | --- |
| A. {- 2 ; - 1 ; 0 ; 1 ; 2} | B. {- 1 ; 0 ; 1 ; 2} |
| C. {- 1 ; 0 ; 1} | D. {- 2 ; - 1 ; 0 ; 1} |

**Caâu 16**: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. (-5) .  B. (-5) . 

C. (-5) .  D. (-5) . 

***Caâu 17:*** Cho bieát n : (-5) > 0. Soá thích hôïp vôùi n coù theå laø:

A. n = 15 B. n = -15 C. n = 0 D. n = 1

**Câu 18**. Số đối của các số 1 và -5 lần lượt là các số :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. -1 và 5 | B. - 1 và - 5 | C. 1 và 5 | D. - 5 và 1 |

***Caâu 19***: Cho bieát –6 . x = 18. Keát quaû ñuùng khi tìm soá nguyeân x laø:

A. –3 B. 3 C. 24 D. 12

***Caâu 20***: Treân taäp hôïp caùc soá nguyeân **Z**, caùch tính ñuùng laø:

A. (-150) :  B. (-150) : 

C. (-150) :  D. (-150) : 

**Phần tự luận (6 điểm).**

**Câu 21 (1 điểm)**. Tính :

a)  b) 

**Câu 22 (2 điểm)**. Tìm x  Z, biết :

a) 11 + (15 - 2x) = 0 b) 

**Câu 23 (2 điểm)**. Tính các tổng sau bằng cách hợp lí :

a) 1995 - (- 231 + 1994) - 1

b) 19 - 42 . (- 19) + 19 . (- 3)

c) 1 - 3 + 5 - 7 + 9 - 11 + .... + 2011 - 2013.

**Câu 24 (1 điểm)**. Tìm các số nguyên n, biết : n -2  Ư(5).

***3/ Đáp án - Biểu điểm*** :

**Phần trắc nghiệm khách quan (3 điểm)**.

***Mỗi câu khoanh đúng được 0,2 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đề chẵn | B | B | C | A | D | C | A | C | C | B |
| Đề lẻ | D | A | B | C | B | C | A | A | D | C |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đề chẵn | A | A | B | D | A | B | A | B | B | D |
| Đề lẻ | B | C | B | A | B | A | B | A | A | B |

**Phần tự luận (7 điểm)**.

***(Nếu hs không làm giống đáp án nhưng đúng thì vẫn cho đủ số điểm đã quy định).***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu | | Đáp án | Điểm |
| 13  (1 đ) | a | = 6 - 2 = 4 | 0,5 |
| b | = 247 + 47 = 294 | 0,5 |
| 14  (2 đ) | a | 11 + (15 - 2x) = 0  11 + 15 - 2x = 0  26 - 2x = 0  2x = 26  x = 13 | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| b | x - 3 = 7  x = 7 + 3  x = 10  hoặc : x - 3 = - 7  x = - 7 + 3  x = - 4 | 0,5  0,5 |
| 15  (3 đ) | a | 1995 - (- 231 + 1994) - 1  = 1995 + 231 - 1994 - 1  = (1995 - 1994 - 1) + 231  = 231 | 0,25  0,5  0,25 |
|  | b | 19 - 42 . (- 19) + 19 . (- 3)  = 19 + 42 . 19 - 19 . 3  = 19 . (1 + 42 - 3)  = 19 . 40  = 760 | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| c | 1 - 3 + 5 - 7 + 9 - 11 + … + 2011 - 2013.  Ta thấy từ 1 đến 2013 có số các số lẻ là :  (2013 - 1) : 2 + 1 = 1002 (số)  Do đó sẽ có : 1002 : 2 = 501 (cặp số)  Vậy : 1 - 3 + 5 - 7 + 9 - 11 + … + 2011 - 2013  = (1 - 3) + (5 - 7) + (9 - 11) + … + (2011 - 2013)  = (- 2) + (- 2) + (- 2) + … + (- 2)  = (- 2) . 501  = - 1002. | 0,25  0,25  0,25  0,25 |
| 16  (1 đ) | | Ta có : n -2  Ư(5)  n - 2  {- 5 ; - 1 ; 1 ; 5}  Nếu n - 2 = - 5 thì n = - 5 + 2  n = - 3  Nếu n - 2 = - 1 thì n = - 1 + 2  n = 1  Nếu n - 2 = 1 thì n = 1 + 2  n = 3  Nếu n - 2 = 5 thì n = 5 + 2  n = 7  Vậy : n  {- 3 ; 1 ; 3 ; 7} | 0,25  0,25  0,25  0,25 |

***\*. Dặn dò* :**

- Làm lại bài kiểm tra phần tự luận vào vở (coi như là bài tập về nhà).

- Đọc trước bài : "mở rộng khái niện phân số", chuẩn bị tốt cho tiết học sau.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /1/2018*** | ***Ngày giảng : /1/2018*** |

**Chương III** : **PHÂN SỐ.**

**Tiết 69.** **MỞ RỘNG KHÁI NIỆM PHÂN SỐ.**

**I)** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức** - HS thấy được sự giống và khác nhau giữa khái niệm phân số đã học ở tiểu học và khái niệm phân số ở lớp 6.

**2. Kỹ năng**:

- Viết được các phân số mà tử số và mẫu số là các số nguyên.

- Thấy được số nguyên cũng được coi là phân số với mẫu là 1.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

**\* Khởi động:**

Em có 1 chiếc bánh, em hãy chia bánh thành 4 phần bằng nhau, lấy đi 3 phần. Hãy đánh dấu thể hiện phần bánh đã lấy đi trong các trường hợp sau:

- Bánh hình tròn

- Bánh hình chữ nhật

Em hãy đố bạn phần bánh còn lại trong mỗi trường hợp là bao nhiêu.

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1*: 1. Khái niệm phân số** (12ph)  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV:(?) *Hãy lấy VD về phân số đã học ở tiểu học*  HS: Lấy ví dụ  GV: Một cái bánh được chia thành 4 phần bằng nhau, lấy 3 phần ta nói rằng đã lấy 3/4 cái bánh. Phân số , ở đây 4 là mẫu và chỉ số phần bằng nhau ; 3 là tử và chỉ số phần bằng nhau đã được lấy  (?) *Vậy  có phải là phân số không*?  HS: Suy nghĩ trả lời  GV:  có thể coi là thương của phép chia 3 cho 4. Tương tự -3 chia cho 4 ta cũng được phân số  - Yêu cầu HS chỉ ra tử và mẫu của phân số  -HS trả lời  GV:(?) *Hãy nêu dạng tổng quát của phân số đã học ở tiểu học*  HS: Phát biểu tổng quát (SGK)  HS: Phân số có dạng với b0; a,b N  GV*:(?) Vậy hãy chuyển sang dạng tổng quát của phân số trong tập hợp số nguyên*  GV: Yªu cÇu 2HS ®äc l¹i kh¸i niªm ph©n sè  (?) *; 2 cã ph¶i lµ ph©n sè kh«ng*? | VÝ dô: Ph©n sè  Ph©nsè:  tö sè: -3  mÉu sè: 4  **\*Tæng qu¸t (SGK)**  Ph©n sè cã d¹ng víi b0; a,b Z  lµ ph©n sè  2 =  lµ ph©n sè |
| ***Hoạt động 2*: 2. Ví dụ**(10ph)  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV: Lấy ví dụ  - Yêu cầu HS chỉ ra tử số và mẫu số  HS: Chỉ ra tử số và mẫu số của các phân số  GV: Yêu cầu HS làm ?1  HS: Lấy 3 ví dụ về phân số và cgo biết tử và mẫu của các phân số đó  GV: Yêu cầu HS làm ?2  HS: Hoạt động nhóm  GV: Chốt lại cách chỉ ra 1 phân số và 1 số không phải là phân số  GV: Yêu cầu HS làm **?3** | **?1**  **?2**  a)  là phân số vì 4; 7 Z; b = 7 0  b)  không phải là p/s vì a=0,25Z  c)  là phân số vì -2; 5 Z; b = 5 0  d)  không phải là p/s vì a=6,23; b = 7,4Z  e)  không phải là p/s vì b = 0  **?3**  aZ là phân số vì a = (có mẫu bằng 1)  Ví dụ: 5 = |
| **3: Hoạt động luyện tập**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| **Bài 1**(SGK) GV treo bảng phụ vẽ hình  - Yêu cầu HS lên bảng tô  **Bài 2**(SGK)  - Yêu cầu HS lên bảng  HS: Lên bảng  **Bài 4**(SGK)  - Cho HS làm trên bảng  HS: Lên bảng  - GV uốn nắn, bổ sung  GV: Chốt lại kiến thức của bài | a)   |  |  | | --- | --- | |  |  |   b)   |  |  | | --- | --- | |  |  |   **Bài 2**(SGK)  a)  b)  c)  d)  **Bài 4**(SGK  a) 3 : 10 =  b) -3 : 7 =  c) 5 : (-13) =  d) x : 3 =  (x  Z) |

**4.Hoạt động vận dụng**

Trong thực tế người ta thường đựng nước hoặc chất lỏng trong các chai có dung tích cho trước. Em hãy tìm hiểu xem các hãng nước giải khát như C2, trà xanh không độ ,Pepsi... thường đóng chai theo dung tích nào, chúng tương ứng bao nhiêu phần của 1 lít

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Suy nghĩ và biểu diễn trên trục số các phân số sau:

;;;

\*Về nhà:

- Học thuộc dạng tổng quát của phân số.

- Làm các bài tập 3 + 5 (sgk/6) và các bài tập từ 1 ;2;5;7;9; 10 (SBT/7).

- Ôn tập về phân số bằng nhau ở Tiểu học.

- Đọc phần có thể em chưa biết

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 3/2/2018*** | ***Ngày giảng : 11/2/2018*** |

**Tiết 70. PHÂN SỐ BẰNG NHAU**

**I)** **MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức**:HS nhận biết được hai phân số bằng nhau.

**2. Kỹ năng**:Nhận dạng dược các phân số bằng nhau và không bằng nhau.

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

Nêu dạng tổng quát của phân số ? Viết các phép chia sau dưới dạng phân số

(- 3) : 5 ; (- 2) : (- 7) ; 2 : (- 11) ; x : 5 ( x ∈ Z )

***\* Đáp án***

• Gọi  với a, b ∈ **Z**, b ≠ 0 là một phân số, a là tử số (tử), b là mẫu số (mẫu) của phân số

• (- 3) : 5 =  ; (- 2) : (- 7) =  ; 2 : (-11) = ; x : 5 =  (x ∈ Z )

\* **Khởi động**

**GV:** Ở lớp 5 ta đã học hai phân số bằng nhau với tử và mẫu là các số tự nhiên. Nhưng với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên ví dụ ;  làm thế nào để biết được hai phân số có bằng nhau không. Ta cùng tìm câu trả lời trong bài hôm nay

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1*: 1. Định nghĩa(10ph)**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, tia chớp  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | | |
| GV: Ta có: . Hãy xét tích 1.6 và 2.3  Tương tự: . Hãy xét tích của 5.12 và 10.6  (?) *Vậy hai phân số  và  bằng nhau khi nào*?  GV: Chính xác hoá định nghĩa (SGK)  Bài tập: Cho các phân số sau:  Hãy tìm hai phân số bằng nhau | | **\*Định nghĩa**  =  khi a.d = b.c  VD  vì (-1).(-4) = 2.2 (= 4) |
| ***Hoạt động 2*: 2. Ví dụ(10ph)**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | | |
| GV: Nêu ví dụ1:  (?) *Hãy giải thích tại sao hai phân số sau bằng nhau, không bằng nhau*?  ;  GV: Yêu cầu HS làm **?1** theo nhóm  Yêu cầu HS đại diện nhóm trả lời  *(?) Vậy muốn kiểm tra xem hai phân só có bằng nhau không ta làm như thế nào?*  Hs: muốn xét hai phân số ;  có bằng nhau không ta phải xét tích a.d và c.b. Nếu chúng bằng nhau thì hai phân số bằng nhau, nếu chúng không bằng nhau thì hai phân số không bằng nhau. Trong nhiều trường hợp có thể khẳng định ngay 2 phân số không bằng nhau mà không cần tính cụ thể vì hai tích khác dấu  GV: Yªu cÇu HS lµm **?2**  (?) *VËy h·y tr¶ lêi c©u hái ë ®Çu bµi*  HS : Kh«ng b»ng nhau v× 2 tÝch a.d vµ b.c lµ hai tÝch tr¸i dÊu (1 tÝch ©m, 1 tÝch d­¬ng)  GV: Giíi thiÖu vÝ dô 2  T×m sè nguyªn x, biÕt: | | v× (-3).(-8) = 4.6  v× 5.7  3.(-4)  **?1**  KÕt qu¶:  a) Ta cã 1.12= 3.4 (=12) nªn  b) 2.8 = 16  3.8 = 24 nªn  c) (-3).(-15) = 9.5 (=45) nªn  d) 4.9 =36 3.(-12) -36 nªn  **?2**  **-**Ta cã thÓ kh»ng ®Þnh ngay c¸c cÆp ph©n sè ®É cho kh«ng b»ng nhau v× trong c¸c tÝch a.d vµ b.c lu«n cã 1 tÝch d­¬ng, 1 tÝch ©m (theo quy t¾c nh©n hai sè nguyªn)  ;  ;  Ta cã: x.28 = 4.21  x = |
| **3:Hoạt động luyện tập**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | | |
| Yêu cầu HS nhắc lại định nghĩa hai phân số bằng nhau  **Bài 6**(SGK)  (?) *Muốn tìm x ta làm như thế nào*?  Yêu cầu 2HS lên bảng làm  HS lên bảng  **Bài 8**(SGK)  (?) *Muốn chứng tỏ và  bằng nhau ta làm như thế nào?*  HS:Chứng tỏ các tích (tích của tử phân số này với mẫu phân số kia bằng tích của mẫu phân số này với tử của phân số kia)  GV:Lên bảng giải bài tập 8? Rút ra nhận xét về dấu của tử và mẫu của 2 phân số?  HS: Nếu đổi dấu cả tử và mẫu của 1 phân số thì được 1 phân số bằng phân số đã cho  **Bài 9**(SGK)  Gv:Áp dụng kết quả bài tập 8 lên bảng giải bài tập 9?  GV:Yêu cầu HS làm nhanh  - Vậy ta có thể viết phân số có mẫu âm thành phân số có mẫu dương  GV: Chèt l¹i kiÕn thøc cña bµi | **Bµi 6**(SGK)  a) V×  b) V×  **Bµi 8**(SGK)  Với a, b ∈ Z, b ≠ 0  a)  vì a. b = (- a).(- b)  b)  vì (- a).b = a.(- b)  ;  ; | |

**4.Hoạt động vận dụng.**

- GV yêu cầu hs nhắc lại định nghĩa hai phân số bằng nhau.

- GV cho hs làm bài tập: Tìm các số nguyên x, y biết :

a)   21x = 42  x = 2

b)   20y = - 140  y = - 7

- GV chốt lại nội dung bài học.

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng** :

- Học thuộc định nghĩa hai phân số bằng nhau.

- Làm các bài tập từ 7 đến 10 (sgk/8 + 9) và các bài tập từ 11 ;15;16;18;23;29 (SBT/9 + 10).HD: bài 29: khi nào phân số ở vế trái là phân số? (khi mẫu số khác 0)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /2/2018*** | ***Ngày soạn : /2/2018*** |

Tuần 25

**Tiết 71. TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÂN SỐ**

**I) MỤC TIÊU** :

**1. Kiến thức**: HS nắm vững tính chất cơ bản của phân số.

**2. Kỹ năng:** Vận dụng được tính chất cơ bản của phân số để giải một số bài tập đơn giản.

- Bước đầu có khái niệm về số hữu tỉ.

**3. Thái độ**: Trung thực, cẩn thận, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

**\* Khởi động *:*** Giải bài tập sau và trao đổi kết quả với bạn.

Cho hai băng giấy hình chữ nhật bằng nhau như hình vẽ phần tô màu là phần băng giấy được lấy đi

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |

1. Biểu diễn phần lấy đi trong mỗi trường hợp dưới dạng phân số
2. Nhận xét về hai phần được lấy đi, từ đó so sánh hai phân số được viết ra từ ý trên.

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1*: 1. Nhận xét(10ph)**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| - GV : Ta có: . Em hãy cho biết: Ta đã nhân cả tử và mẫu của phân số thứ nhất với bao nhiêu để được phân số thứ hai ?  - GV:Hãy rút ra nhận xét  - GV:Tương tự ta có: . Ta đã chia cả tử và mẫu của phân số  cho (- 2) ta được phân số thứ hai. (- 2) đối với (- 4) và (- 12) như thế nào? Rút ra nhận xét ?  - GV:Dựa vào nhận xét trên hãy giải thích vì sao  ;  ;  - HS:Trả lời như bên  - GV:Treo bảng phụ ghi nội dung bài tập ?2 lên bảng  HS:Lên bảng thực hiện điền vào ô trống | **?1** (SGK - Tr. 9)  **Giải**        **?2** (SGK - Tr. 10)  **Giải** |
| ***Hoạt động 2*: 2. Tính chất cơ bản của phân số(12ph)**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| - GV:(?) *Hãy phát biểu t/c cơ bản của phân số*?  - HS: Phát biểu  - GV: *Tổng quát*  - HS: ghi tổng quát    - GV: *(?) Vậy hãy trả lời câu hỏi ở đầu bài*?  - HS: Trả lời  (Ta có thể nhân cả tử và mẫu của 1 p/s với (-1) (có thể dùng kết quả ở BT8 SGK))  - GV: Yêu cầu HS làm **?3**  - HS:Hoạt động nhóm làm bài tập ?3  - HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày bài giải. Các nhóm còn lại nhận xét  - Phép biến đổi trên dựa vào cơ sở nào ?  có thoả mãn điền kiện có mẫu dương hay không ?  - GV: Viết lên bảng p/s  Yêu cầu HS lên viết các p/s bằng nó  - HS:  - GV:(?) *Vậy có bao nhiêu p/s bằng nó*?    - GV:Các p/s bằng nhau là cách viết khác nhau của cùng 1 số mà người ta gọi là số hữu tỉ  - GV: Giới thiệu số hữu tỉ  - HS:Cả lớp nghiên cứu và đọc 3 dòng cuối (SGK - Tr. 10)  - Viết số hữu tỉ  dưới dạng các phân số khác nhau ?    GV:Trong dãy phân số bằng nhau này có phân số có mẫu dương, có phân số có mẫu âm. Nhưng để các phép biến đổi được thực hiện dễ dàng người ta thường dùng phân số có mẫu dương | **Tổng quát:**  với m Z; m0  với n  ƯC(a,b)  • Chú ý 1: SGK - Tr. 10  • Ví dụ:      **?3**:      (b < 0)      **• Chú ý 2:** SGK - Tr. 10 |
| **3: Hoạt động luyện tập.**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| **-** GV:Phát biểu lại tính chất cơ bản của phân số ?  Treo bảng phụ ghi bài tập sau lên bảng  Bài tập “Đúng hay sai”. Kết quả.  1.  (Đúng vì  = )  2.  (Sai vì )  3.  (Sai vì 9.4 ≠ 16.3  4. 15 phút = giờ = giờ (Đúng)  GV:Treo bảng phụ nội dung bài tập 11 (SGK - Tr. 11)  HS:Thảo luận nhóm - Đại diện 1 nhóm lên bảng điền vào bảng lớn - Các nhóm còn lại nhận xét.  - GV:Treo bảng phụ nội dung bài tập 12 (SGK - Tr. 11)  HS:Thảo luận nhóm - Đại diện 1 nhóm lên bảng điền vào bảng lớn câu a, b; nhóm khác làm câu c, d  Các nhóm còn lại nhận xét | **• Bài tập 11** (SGK - Tr. 11)  **Giải**  ;    **• Bài tập 12** (SGK - Tr. 11)  **Giải**  a)  b) |

**4.Hoạt động vận dụng** :

- GV yêu cầu hs phát biểu lại tính chất cơ bản của phân số.

- GV yêu cầu hs làm bài tập 12c, d (sgk/11).

- Hai hs lên bảng làm, cả lớp làm vào vở :

:  . 

c/  =  d/  = 

: 5 . 

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Học thuộc tính chất cơ bản của phân số, viết dạng tổng quát.

- Làm các bài tập 11 ; 12a, b ; 13 ; 14 (sgk/11 + 12) và các bài tập từ 30;33;35; 36 (SBT/12;13)

- Ôn tập rút gọn phân số đã học ở tiểu học.

- Đọc trước bài : "Rút gọn phân số" - sgk/12.

*……………………………………………………………………*

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 8 /2 /2018*** | ***Ngày soạn : 16 /2 /2018*** |

**Tiết 72: RÚT GỌN PHÂN SỐ.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** :

- Hiểu thế nào là rút gọn phân số và biết cách rút gọn phân số.

- Hiểu thế nào là phân số tối giản và biết cách đưa phân số về dạng tối giản.

**2/ Kĩ năng** : Bước đầu có kĩ năng rút gọn phân số, có ý thức viết phân số ở dạng tối giản.

**3/ Thái độ** :HS tích cực học tập, hứng thú giải bài tập.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOAT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:( Kết hợp trong giờ)

Câu 1. Phát biểu tính chất cơ bản của phân số. Viết dạng tổng quát.

Chữa bài tập 12a, b (sgk/11).

Câu 2. Khi nào một phân số có thể viết dưới dạng một số nguyên. Cho ví dụ.

Chữa bài tập 34 (SBT/13).

- Hai hs lên bảng kiểm tra :

- GV nhận xét, cho điểm.

**\* Khởi động**

**Trò chơi: nhóm nào nhanh hơn**

1. Tìm ước chung của các số

|  |  |
| --- | --- |
| Các số | Ước chung |
| 36 và 48 |  |
| 24 và 40 |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Các số | Ước chung |
| 6 và 9 |  |
| 28 và 32 |  |

2.Điền số thích hợp vào ô vuông và nói ngắn gọn cách làm

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

|  |
| --- |
|  |
|  |
|  |
|  |

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Cách rút gọn phân số(10ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| **VD1**: Xét phân số . Hãy rút gọn phân số này.  GV: 28 và 42 có ước chung là 2. Hãy chia cả tử và mẫu của phân số này cho 2.  HS làm ví dụ theo sự hướng dẫn của GV  GV: 14 và 21 có ước chung là 7. Hãy chia cả tử và mẫu của phân số cho 7.  GV: Mỗi lần chia cả tử và mẫu của phân số cho một ước chung khác 1 của chúng ta lại được một phân số đơn giản hơn nhưng vẫn bằng phân số đã cho. Làm như vậy là ta đã rút gọn phân số. | **• Ví dụ 1:** Rút gọn phân số    : 2 : 7  =  =  : 2 : 7 |
| GV: Để rút gọn phân số ta làm thế nào  HS : Để rút gọn phân số ta chia cả tử và mẫu cho ước chung khác 1 của chúng.  HS trả lời miệng, GV ghi bảng :  **VD2**: Rút gọn phân số .  Gv: Qua các ví dụ trên hãy rút ra quy tắc rút gọn phân số ?  Hs:Nhắc lại quy tắc (SGK - Tr. 13)  Gv:Áp dụng rút gọn các phân thức sau?  4 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  ***Gv:Phát phiếu bt:*** Phân số bằng phân số  và có mẫu là số tự nhiên nhỏ hơn 20 là: A. ; B.  ; C.  ; D.  - Hãy chỉ ra kết quả sai ?  Hs: động nhóm và trả lời  =  =  ⇒ Kết quả sai là C. | = =  =  =  Hay  =  =  Vậy  =  **• Ví dụ 2:** Rút gọn phân số  **Giải**  =  =  **• Quy tắc :** SGK - Tr. 13  **?1** SGK - Tr. 13  a/  b/  c/  d/ |
| ***Hoạt động 2 : Thế nào là phân số tối giản?(13ph)***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV: Ở bài tập trên, tại sao dừng lại ở kết quả  ?  GV: Hãy tìm ước chung của tử và mẫu mỗi phân số.  HS : Ước chung của tử và mẫu của mỗi phân số là 1 và - 1  GV: Các phân số này gọi là các phân số tối giản. Vậy thế nào là phân số tối giản ?  GV yêu cầu hs làm bài  sgk.  GV yêu cầu hs rút gọn các phân số còn lại  về dạng tối giản.  GV chỉ vào cặp phân số  vừa rút gọn, yêu cầu hs tìm ƯCLN(3 ; 6)  GV: Làm thế nào để rút gọn một lần ta thu được phân số tối giản ?  Gv:Quan sát các phân số tối giản như ; ; ; .. em thấy tử và mẫu của chúng quan hệ thế nào với nhau ?  Gv: Các phân số tối giản có giá trị tuyệt đối của tử và mẫu là hai số nguyên tố cùng nhau.  Gv:Ta rút ra các chú ý sau, khi rút gọn một phân số.  Hs: Đọc nội dung chú ý | **• Định nghĩa:** SGK - Tr. 14  - Phân số tối giản hay phân số không rút gọn được nữa là phân số mà tử và mẫu chỉ có ước chung là 1 và - 1.  **?2** SGK - Tr. 14  **Giải**  - C¸c ph©n sè tèi gi¶n lµ :            \* Chó ý (sgk/14) (chØ nªu chó ý 3) |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. Hđ nhóm

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| Số số nguyên a (30 < a < 40) sao cho các phân số ;  và  là các phân số tối giản là:  A. 1; B. 2 ; C. 3 ; D. 4  - Hãy chọn câu trả lời đúng ?  Hs: Thảo luận nhóm và trả lời: | C. 3 đó là ba số 31: 33; 37 |

**4.Hoạt động vận dụng.**

- GV yêu cầu hs làm bài tập 15a,b (sgk/15).

- Hai hs lên bảng làm bài, cả lớp làm vào vở :

a/  b/ 

- GV cho hs làm câu d bài 17 (sgk/15) : Rút gọn :

d) 

*Lưu ý:* Có thể rút gọn từng bước, cũng có thể rút gọn một lần đến phân số tối giản

- GV đưa tình huống sau : Một bạn rút gọn như sau đúng hay sai ? Nếu sai thì sai ở đâu?



- HS trả lời miệng : Rút gọn như vậy là sai, vì các biểu thức trên có thể coi là một phân số, phải biến đổi tử, mẫu thành tích thì mới rút gọn được. Bài này sai ở chỗ đã rút gọn ở dạng tổng.

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng :**

- Học thuộc quy tắc rút gọn phân số. Nắm vững thế nào là phân số tối giản và làm thế nào để có phân số tối giản.

- Làm các bài tập từ 15 c, d ; 16 ; 17 ; 18 ; 19 (sgk/15) và từ bài 41;42;44;47;48;49;52(SBT/16).

- Ôn tập định nghĩa phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số, rút gọn phân số.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 4/2/2018*** | ***Ngày giảng : 12/2/2018*** |

**Tiết 73:LUYỆN TẬP.**

**I/ Mục tiêu:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố định nghĩa phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân số, phân số tối giản.

**2/ Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng rút gọn, so sánh phân số, lập phân số bằng phân số cho trước.

**3/ Thái độ** : Áp dụng rút gọn phân số vào một số bài toán có nội dung thực tế.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ:**

**1 - GV:** Bảng phụ, phấn màu ( máy chiếu nếu có thể).

**2 - HS** : Bảng nhóm .

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ:

- GV nêu câu hỏi kiểm tra :

Câu 1. Nêu quy tắc rút gọn phân số ? Việc rút gọn phân số là dựa trên cơ sở nào ?

Làm bài 15c, d (sgk/15).

Câu 2. Thế nào là phân số tối giản ?

Làm bài 19 (sgk/15).

- Hai hs lên bảng kiểm tra :

- GV nhận xét, cho điểm.

**\* Khởi động**

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương phỏp: Đàm thoại, thuyết trỡnh, luyện tập thực hành. Hđ nhúm  - Kĩ thuật: Đặt cõu hỏi, động nóo, thảo luận nhúm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sỏng tạo, năng lực tự quản lớ, năng lực hợp tỏc,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| Phương pháp:Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành  Kĩ thuật:Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não  **Bài 20 (sgk/15).**  HS đọc đề bài.  - Tìm các cặp phân số bằng nhau trong các phân số sau đây :    GV: Để tìm được các cặp phân số bằng nhau, ta nên làm thế nào ?  HS : Ta cần rút gọn các phân số đến tối giản rồi so sánh.  - Hãy rút gọn các phân số chưa tối giản.  HS lên bảng rút gọn :  - Ngoài cách này ta còn cách nào khác?  HS : Ta còn có thể dựa vào định nghĩa hai phân số bằng nhau.  - Cách nào thuận lợi hơn ?  HS : Rút gọn các phân số.  **Bài 21 (sgk/15).**  Gv:Hoạt động nhóm làm bài 21 (SGK - Tr. 15)  *Gợi ý:* Rút gọn phân số tìm các phân số bằng trước. Phân số còn lại là phân số cần tìm  Hs:Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày  - Các nhóm còn lại nhận xét  **Bµi 22 (sgk/15)** | **Bµi 20 (sgk/15).**  ;  ;    **Bµi 21 (sgk/15).**  ;  ;  ;  ;  Vậy  và  Do đó phân số cần tìm là  **Bµi 22 (sgk/15).** |
| GV gọi một hs nêu cách làm.  Một hs nêu cách làm.  HS làm bài vào vở, sau đó lần lượt hs nêu kết quả để GV điền vào ô trống.  GV chốt lại có hai cách để tìm ra số cần điền :  - Cách 1 : Coi ô trống là x, áp dụng định nghĩa hai phân số bằng nhau để tìm x.  - Cách 2 : Sử dụng tính chất cơ bản của phân số.  **• Bài tập 27** (SBT - Tr. 7)  GV:Để rút gọn phân số có dạng biểu thức ta nên làm như thế nào ?  HS:Viết tử và mẫu thành tích (có các thừa số chung) rồi rút gọn cho thừa số chung đó  GV:Lưu ý chỉ khi tử và mẫu có dạng tích thì mới được rút gọn  **Bµi 28 (SBT/7).**  HS ®äc kÜ ®Ò bµi.  - T×m ph©n sè  b»ng ph©n sè , biÕt :  a) ¦CLN (a, b) = 13  b) BCNN (a, b) = 140.  GV yªu cÇu hs rót gän  ®Ó ®­îc ph©n sè tèi gi¶n.  HS rót gän :  GV gîi ý hs t×m BCNN (4 ; 7), tõ ®ã kÕt hîp víi BCNN (a, b) = 140 ta t×m ra ®­îc sè tù nhiªn mµ ta ®· chia ®Ó  = . | ;  ;  **• Bài tập 27** (SBT - Tr.17)  **Giải**  a)  b)  =  =  d)  f)  =  =  = 8  **Bµi 28 (SBT/17).**  =  =  a) Mµ ¦CLN (a, b) = 13 nªn ph©n sè  ®· rót gän thµnh  b»ng c¸ch chia c¶ tö vµ mÉu cho 13.  VËy :  =  b) BCNN (4 ; 7) = 28.  BCNN (a, b) = 140  Mµ 140 : 28 = 5, do ®ã ph©n sè  ®· ®­îc rót gän thµnh  b»ng c¸ch chia c¶ tö vµ mÉu cho 5.  VËy :  = |

**3.Hoạt động vận dụng.**

- Nêu quy tắc rút gọn phân số ? Việc rút gọn phân số là dựa trên cơ sở nào ?

- Để rút gọn phân số có dạng biểu thức ta nên làm như thế nào ?

- Rút gọn các phân số sau để được phân số tối giản

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Tìm các cặp phân số bằng nhau trong các phân số sau:

\*Về nhà

- Ôn tập lại tính chất cơ bản của phân số, cách rút gọn phân số, lưu ý không được rút gọn ở dạng tổng.

- Làm các bài tập từ 23 đến 27 (sgk/16) và các bài tập từ 54 đến 58 (SBT/17

..................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 5/2/2018*** | ***Ngày giảng : 13/2/2018*** |

**Tiết 74:LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức** : Tiếp tục củng cố khái niệm phân số bằng nhau, tính chất cơ bản của phân: số, phân số tối giản.

**2.Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng thành lập các phân số bằng nhau, rút gọn phân số, chứng minh một phân số chứa chữ là tối giản, biểu diễn các phần đoạn thẳng bằng hình học.

**3.Thái độ** :Có ý thức nhận dạng để giải bài tập nhanh. Phát triển tư duy học sinh.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức rút gọn phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

- GV nêu yêu cầu kiểm tra :

Câu 1. Chữa bài tập 25 (sgk/16).

- Tìm tất cả các phân số bằng phân số  mà tử và mẫu là các số tự nhiên có hai chữ số.

Câu 2. Chữa bài tập 27 (sgk/16).

- Một hs đã rút gọn như sau : . Bạn đó giải thích : "Trước hết em rút gọn cho 10, rồi rút gọn cho 5".

Theo em làm như vậy đúng hay sai ? Vì sao ?

- Hai hs lên bảng kiểm tra :

**HS1** (làm câu 1) : 

Vậy tất cả các phân số bằng phân số  mà tử và mẫu là các số tự nhiên có hai chữ số là :



**HS2** (làm câu 2) : Bạn rút gọn như vậy là sai, vì tử và mẫu còn ở dạng tổng. Ta chỉ rút gọn được khi tử và mẫu ở dạng tích.

- GV nhận xét, cho điểm.

**\* Khởi động**

Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi : Nêu quy tắc rút gọn phân số ? Việc rút gọn phân số là dựa trên cơ sở nào ?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương phỏp: Đàm thoại, thuyết trỡnh, luyện tập thực hành. Hđ nhúm  - Kĩ thuật: Đặt cõu hỏi, động nóo, thảo luận nhúm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sỏng tạo, năng lực tự quản lớ, năng lực hợp tỏc,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| - Viết tất cả các phân số bằng  mà tử và mẫu là các số tự nhiên có hai chữ số  - Đầu tiên ta phải làm gì ?  Hs:Phải rút gọn phân số  - Làm tiếp thế nào ?  HS: Ta phải nhân cả tử và mẫu của phân số  với cùng một số tự nhiên sao cho tử và mẫu của nó là các số tự nhiên có hai chữ số.  GV: Nếu không có dấu hiệu ràng buộc thì có bao nhiêu phân số bằng phân số  ?  HS:Có vô số phân số bằng phân số  GV:Đó chính là các cách viết khác nhau của cùng một số hữu tỉ  GV:Đọc và nghiên cứu bài tập 23 (SGK - 16)?  GV:Trong các số 0; - 3; 5. Tử số m có thể nhận những giá trị nào ? Mẫu số n có thể nhận những giá trị nào ?  HS: Tử số m có thể nhận giá trị: 0; - 3; 5  Mẫu số n có thể nhận giá trị: - 3, 5  HS:Lên bảng thành lập các phân số và viết tập hợp B?  ;; ; ; ;  ⇒ B =  *GV:Lưu ý:*  ; . Các phân số bằng nhau chỉ viết 1 đại diện.  GV:Đọc và nghiên cứu bài 24 (SGK - Tr. 16)  - Để tìm các số nguyên x và y trước tiên ta phải làm gì ?  HS:Trước tiên phải rút gọn phân số  - Hãy rút gọn phân số?  HS thực hiện.  GV:Vậy ta có:  - Lên bảng tính x; y ?  HS:Thực hiện  GV:Nếu bài toán thay đổi:  thì x và y tính như thế nào ?  *GV: Gợi ý:* Lập tích x.y rồi tìm cặp số nguyên thoả mãn: x. y = 3.35 = 105  x. y = 3.35 = 1.105  = 5.21 = 7.15 = (- 3).(- 35) = ..  ⇒  ;  ;  ; ...  GV:Treo bảng phụ đề bài bài tập 26 (SGK-16)  HS:Đọc bài  - Đoạn thẳng AB gồm bao nhiêu đơn vị độ dài ?  - Đoạn thẳng AB gồm 12 đơn vị độ dài, .  - Vậy CD dài bao nhiêu đơn vị độ dài Vẽ đoạn thẳng CD và tính?  - Lên bảng thực hiện tính độ dài EF, GH, IK và vẽ các đoạn thẳng đó  HS:Thực hiện  GV:Chép bài tập 36 (SBT - Tr. 17) lên bảng  - Muốn rút gọn các biểu thức này ta làm như thế nào?  HS:Ta phải phân tích tử và mẫu thành tích  GV:Gợi ý để học sinh tìm được thừa số chung  HS:Hoạt động nhóm giải bài tập 36. Đại diện 2 nhóm lên bảng trình bày bài giải  - Các nhóm còn lại nhận xét | **• Bài tập 25** (SGK - Tr. 16)  ***Giải***  Ta có:  =  =  =  =  =  Vậy có 6 phân số thoả mãn đề bài.  **• Bài tập 23** (SGK - Tr. 16)  ***Giải***  B =  **• Bài tập 24** (SGK - Tr. 16)  ***Giải***  Ta có:  =      Vậy x = - 7; y = - 15  **• Bài tập 26** (SGK - Tr. 16)  ***Giải***  Đoạn thẳng AB gồm 12 đơn vị độ dài (đvđd)  (đvđd)  GH =  (đvđd)  EF =  (đvđd)  IK =  (đvđd)  **• Bài tập 36** (SBT - Tr.17)  ***Giải***  A =  =  =  B =  =  = |

**3. Hoạt động vận dụng**

Bác An có một mảnh vườn trồng hoa hình chữ nhật. Bác mở rộng gấp đôi chiều rộng và gấp ba chiều dài của mảnh vườn. Khi đó diện tích mảnh vườn cũ bằng bao nhiêu phần diện tích mảnh vườn mới?

**4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Tìm số tự nhiên x nhỏ hơn 63 để có thể rút gọn được phân số

- Ôn tập tính chất cơ bản của phân số, cách tìm BCNN của hai hay nhiều số.

- Làm các bài tập 54 ; 55; 57 ; 58 (SBT/18).

- Đọc trước bài “Qui đồng mẫu nhiều phân số”

.......................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 14/2/2018*** | ***Ngày giảng : 24/2/2018*** |

**Tiết 75: QUY ĐỒNG MẪU NHIỀU PHÂN SỐ**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** :Học sinh hiểu thế nào là quy đồng mẫu nhiều phân số, nắm được các bước tiến hành quy đồng mẫu nhiều phân số.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng QĐ mẫu các phân số (các phân số này có mẫu là số không quá 3 chữ số).

**3/ Thái độ** : Rèn cho hs có ý thức làm việc theo quy trình, thói quen tự học.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS**: Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức qui đồng mẫu nhiều phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (kết hợp trong bài)

**\* Khởi động:**

Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi : nêu cách Qui đồng mẫu nhiều phân số đã học?

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV- HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Quy đồng mẫu hai phân số(12ph).­­***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV đặt vấn đề : Các tiết trước ta đã biết một ứng dụng của tính chất cơ bản của phân số là rút gọn phân số. Tiết này ta lại xét thêm một ứng dụng khác của tính chất cơ bản của phân số đó là quy đồng mẫu nhiều phân số.  GV: Ở TiÓu häc c¸c em ®· häc quy ®ång mÉu hai ph©n sè. Em h·y quy ®ång mÉu hai ph©n sè sau :  vµ .  - VËy quy ®ång mÉu c¸c ph©n sè lµ g× ?  - MÉu chung cña c¸c ph©n sè cã quan hÖ thÕ nµo víi mÉu cña c¸c ph©n sè ban ®Çu?  - T­¬ng tù nh­ vËy, em h·y quy ®ång mÉu hai ph©n sè  vµ .  - MÉu chung lµ bao nhiªu ? | ;  - Quy ®ång mÉu c¸c ph©n sè lµ biÕn ®æi c¸c ph©n sè ®· cho thµnh c¸c ph©n sè t­¬ng øng b»ng chóng nh­ng cã cïng mÉu.  - MÉu chung lµ béi chung kh¸c 0 cña c¸c ph©n sè ban ®Çu.  - MÉu chung lµ 40, v× 40 lµ béi chung kh¸c 0 cña 5 vµ 8.  ; |
| GV: Ta có thể lấy mẫu chung là các bội chung khác của 5 và 8 có được không ? Vì sao ?  GV yêu cầu HS làm  HS làm , ba hs lần lượt lên bảng làm 3 trường hợp :  GV rút ra nhận xét : Khi quy đồng mẫu các phân số, mẫu chung phải là bội chung khác 0 của các mẫu số. Để cho đơn giản người ta thường lấy mẫu chung là BCNN của các mẫu. | - Ta có thể lấy mẫu chung là bội chung khác của 5 và 8 được, vì các bội chung này đều chia hết cho cả 5 và 8. |
| ***Hoạt động 2 : Quy đồng mẫu nhiều phân số(14ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV cho hs làm bài tập  sgk/17 :  a) Tìm BCNN (2 ; 5 ; 3 ; 8).  b) Tìm các phân số lần lượt bằng  ; ;  ;  nhưng cùng có mẫu là  BCNN (2 ; 5 ; 3 ; 8).  GV gợi ý : Vì MC = 120, nên ta lấy MC lần lượt chia cho các mẫu để tìm ra thừa số tương ứng của mỗi phân số (gọi là thừa số phụ). Sau đó lấy tử và mẫu của mỗi phân số nhân với thừa số phụ tương ứng.  HS làm bài tập  :  GV: Vì mọi phân số đều viết được dưới dạng phân số với mẫu dương. Vậy, để quy đồng mẫu nhiều phân số có mẫu dương ta làm thế nào ?  GV: Đó là nội dung quy tắc sgk/18.  GV gọi hs đọc QT.  Hai - ba hs đọc quy tắc/sgk.  GV và hs cùng làm câu a của bài  sgk.  HS đứng tại chỗ trả lời miệng, GV ghi bảng làm câu a bài | a) 8 = 23  BCNN(2 ; 3 ; 5 ; 8) = 23. 3. 5 = 120  b) 120 : 2 = 60 ; 120 : 3 = 40  120 : 5 = 24 ; 120 : 8 = 15  ;  ;  **Quy tắc**  - ***Để quy đồng mẫu nhiều phân số có mẫu dương ta làm theo 3 bước :***  ***+ Tìm mẫu chung (thường là BCNN của các mẫu).***  ***+ Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu.***  ***+ Nhân cả tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng.***    - Tìm BCNN (12 ; 30).  12 = 22. 3 ; 30 = 2. 3. 5  BCNN(12 ; 30) = 22. 3. 5 = 60 |
| GV hướng dẫn hs làm câu b :  - Hãy xem các phân số này có mẫu dương chưa ?  - Làm thế nào đưa phân số đó về mẫu dương?  Phân số  có mẫu âm.  nhân cả tử và mẫu với - 1.  - Tìm mẫu chung.  - Tìm thừa số phụ tương ứng.  - Quy đồng mẫu các phân số. | - Tìm thừa số phụ :  60 : 12 = 5 ; 60 : 30 = 2  - Nhân tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng :  ;    44 = 22. 11  18 = 2. 32  36 = 22. 32  MC = BCNN(44 ; 18 ; 36) = 22. 32. 11  = 396  Tìm thừa số phụ tương ứng.  396 : 44 = 9 ; 396 : 18 = 22 ;  396 : 36 = 11.  Ta có : |

**3.Hoạt động luyện tập**

- GV yêu cầu hs nhắc lại quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số.

- HS làm bài tập 28 (sgk/19).

- GV gợi ý :

+ Trước khi quy đồng mẫu, hãy xét xem các phân số đã tối giản chưa?

+ Các phân số có mẫu dương chưa?

HS : Phân số  chưa tối giản. Rút gọn : 

Các phân số đều có mẫu dương.

Quy đồng : . MC : 48

 ;  ; 

- GV nhấn mạnh : Trước khi quy đồng mẫu nhiều phân số, ta phải đưa các phân số về dạng tối giản và có mẫu dương.

**4.Hoạt động vận dụng**

Đố bạn : - Hai phân số và có bằng nhau không ? Hãy giải thích ?

- Hai phân số và có bằng nhau không ? Hãy giải thích ?

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng:**

- Tìm phân số có mẫu bằng 7. Biết rằng khi cộng tử với 16, nhân mẫu với 5 thì giá trị của phân số đó không thay đổi?

\*Về nhà:

- Học thuộc quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số.

- Làm các bài tập từ 29 đến 32 (sgk/19) và các bài tập từ 59 đến 65 (SBT/10).

- Chú ý cách trình bày cho gọn và khoa học.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 18/2/2018*** | ***Ngày giảng : 26/2/2018*** |

**Tiết 76: LUYỆN TẬP.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố kiến thức về quy đồng mẫu nhiều phân số.

**2/ Kĩ năng** : Rèn kĩ năng quy đồng các phân số theo 3 bước (tìm mẫu chung, tìm thừa số phụ, nhân quy đồng). Phối hợp rút gọn và quy đồng mẫu, quy đồng mẫu và so sánh phân số, tìm quy luật dãy số.

**3/ Thái độ** : Giáo dục học sinh ý thức làm việc khoa học, hiệu quả, có trình tự.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức rút gọn phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

-GV nêu yêu cầu kiểm tra :

- Phát biểu quy tắc quy đồng mẫu nhiều phân số có mẫu dương.

- Làm bài tập 30c (sgk/19).

- Một hs lên bảng kiểm tra :

- Phát biểu quy tắc.

- Làm bài tập : Quy đồng mẫu các phân số : .

30 = 2 . 3 . 5 ; 60 = 22 . 3 . 5 ; 40 = 23 . 5

MC = BCNN (30 ; 60 ; 40) = 23 . 3 . 5 = 120

 ;  ; 

-GV nhận xét, cho điểm.

**\*Khởi động:**

Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi : nêu các bước qui đồng mẫu nhiều phân số đã học?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Néi dung cần đạt** |
| - Phương phỏp: Đàm thoại, thuyết trỡnh, luyện tập thực hành. Hđ nhúm  - Kĩ thuật: Đặt cõu hỏi, động nóo, kĩ thuật chia nhúm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sỏng tạo, năng lực tự quản lớ, năng lực hợp tỏc,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| **Bài 33 (sgk/19).**  Quy đồng mẫu các phân số :  a) .  b) | **Bài 33 (sgk/19).**  a)  20 = 22 . 5 ; 30 = 2 . 3 . 5 ; 15 = 3 . 5 |
| - GV:Trước khi quy đồng mẫu ta phải làm gì ?  -HS: Phải xem các phân số đã tối giản và có mẫu dương chưa ?  GV gọi hai hs lên bảng làm bài.  , mỗi hs làm một câu. HS cả lớp làm bài vào vở.  GV nhận xét bài làm của hs lên bảng.  **Bài 35 (sgk/20).**  Rút gọn rồi quy đồng mẫu các phân số :  a)  b)  GV:Chia lớp làm 4 nhóm để hoạt động nhóm làm bài .nhóm 1,3 làm câu a nhóm 2,4 làm câu b  Hs: Thảo luận nhóm  GV: nhận xét, chữa bài  **Bµi 45 (SBT/10).**  HS ®äc ®Ò bµi.  Rót gän råi quy ®ång :  vµ  -GV: Cã nhËn xÐt g× vÒ c¸c ph©n sè ®· cho ?  -HS: Tö vµ mÉu cña c¸c ph©n sè ë d¹ng tæng (hiÖu) nªn ch­a rót gän ®­îc ngay. | MC = BCNN(20 ; 30 ; 15) = 22 . 3 . 5 = 60  60 : 20 = 3 ; 60 : 30 = 2 ; 60 : 15 = 4    ;  b)  35 = 5 . 7 ; 20 = 22 . 5 ; 28 = 22 . 7  MC = BCNN(35 ; 20 ; 28) = 22 . 5 . 7  = 140  140 : 35 = 4 ; 140 : 20 = 7; 140 : 28 = 5  ;    **Bµi 35 (sgk/20).**  a)  MC = BCNN (6 ; 5 ; 2) = 30    ;  b)  MC = BCNN (5 ; 8 ; 9) = 360        **Bµi 45(SBT/10).** |
| -GV: Vậy ta phải làm gì để rút gọn được ?  -HS: Đưa tử và mẫu của phân số về dạng tích.  -GV gọi một hs đứng tại chỗ nêu cách làm, GV ghi bảng  HS lớp nhận xét.  GV: Hãy quy đồng mẫu các phân số sau:  ;  ;  GV:Hướng dẫn HS cùng làm câu b.  - Tương tự làm tiếp các câu còn lại?  HS:Lên bảng  GV:Trước khi quy đồng mẫu cần biến đổi phân số về tối giản và có mẫu số dương  GV: *PP giải BT quy đồng mẫu các p/số cho trước: Âp dụng QT QĐ mẫu nhiều p/số với mẫu dương.*  Đọc đề bài?  GV: Tìm phân số có mẫu bằng 7, biết rằng khi cộng tử với 16, nhân mẫu với 5 thì giá trị phân số đó không đổi.  GV:Gọi tử số là x (x ∈ Z). Vậy phân số có dạng như thế nào ? Hãy biểu thị đề bài bằng biểu thức ?  HS: Phân số có dạng ;  =  - Hai phân số bằng nhau khi nào?  HS:  nếu ad = bc  GV:Thực hiện các phép biến đổi để tìm x  HS:Lên bảng  Gv: Chốt phương pháp. | Quy đồng  và  ta được  ;  **• Bài tập 46**  ***Giải***  ;  ;  ⇒  ;  ;  MC: 22.5.7 = 140  =  =  ;  =  =  =  =  **• Bài tập 48** (SBT - Tr. 10)  ***Giải***  Gọi tử số là x (x ∈ Z). Theo đề bài ta có:  =  ⇒ 35x = 7(x + 16)  ⇒ 35x = 7x + 112  ⇒ 35x - 7x = 112  ⇒ 28x = 112  ⇒x = 4 (Thoả mãn điều kiện)  Vậy phân số đó là: |

**3.Hoạt động vận dụng**

- Phát biểu qui tắc qui đồng mẫu các phân số có mẫu dương

Quy đồng mẫu số phân số sau: 

HS:  ;  MC: 23.3.11 = 264





- GV chốt lại các dạng bài tập đã làm.

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Ôn tập quy tắc so sánh phân số (ở tiểu học) so sánh số nguyên, ôn tập tính chất cơ bản của phân số, rút gọn, quy đồng mẫu phân số.

- Làm các bài tâp từ 34; 36 (sgk/20 + 21) và Làm các bài 67 đến 70 (SBT/19).

- Đọc trước bài : "So sánh phân số"

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn :19/2/2018*** | ***Ngày giảng : 27/2/2018*** |

**Tiết 77.**  **SO SÁNH PHÂN SỐ.**

**I)** **MỤC TIÊU**:

**1. Kiến thức:**Hiểu và vận dụng được quy tắc so sánh hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu, nhận biết được phân số âm, phân số dương

**2. Kỹ năng:** Có kỹ năng so sánh phân số

**3. Thái độ:** Trung thực, cẩn thận, chính xác, hợp tác.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức so sánh phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

- GV nêu yêu cầu kiểm tra :

***+ Câu hỏi:***

1. Phát biểu qui tắc qui đồng mẫu nhiều phân số với mẫu dương ? Áp dụng qui đồng mẫu các phân số sau:  và 

2. Phát biểu qui tắc so sánh 2 số nguyên âm ? Số nguyên dương và số nguyên âm ? Áp dụng: Điền dấu > ; < vào ô trống: a, (- 25)  (- 10) ; b, 1  (- 1000)

*+* ***Yêu cầu trả lời:***

**1. HS 1:**

**•** Muốn qui đồng mẫu nhiều phân số với mẫu nguyên dương ta làm như sau:

Bước 1­: Tìm một bội chung của các mẫu (thường là BCNN) để làm mẫu chung

Bước 2: Tìm thừa số phụ của mỗi mẫu (bằng cách chia mẫu chung cho mỗi mẫu)

Bước 3: Nhân tử và mẫu của mỗi phân số với thừa số phụ tương ứng

• Áp dụng: và  có MC: 5.7 = 35 ⇒  ; 

**2. HS 2:**

• Trong hai số nguyên âm số nào có giá trị tuyệt đối lớn hơn thì nhỏ hơn

Số nguyên dương lớn hơn mọi số nguyên âm

•  ; 

**\*Khởi động**:Ở lớp 5 các em đã biết so sánh hai phân số có tử và mẫu đều là các số tự nhiên. Em nào so sánh được hai phân số  và 

HS: 

GV: Vậy với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên thì ta so sánh như thế nào ? Phải chăng  ? Để trả lời các câu hỏi này ta học bài hôm nay:

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Néi dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1*: 1. So sánh hai phân số cùng mẫu**(10ph)  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| -GV: Đưa ra ví dụ :  Giải thích kết quả sau:  > ;  < .  Từ đó có nhận xét gì về kết quả so sánh của :  < ;  > .  *-HS* :  > ;  < .Vì: Hai phân số có tử và mẫu là các số dương, nếu: Tử số của phân số nào nhỏ hơn thì nhỏ hơn và tử số của phân số nào lớn hơn thì lớn hơn.  -GV: Nhận xét và khẳng định :  Tương tự, việc so sánh với hai phân số có tử và mẫu là số nguyên cũng như vậy.Khi đó ta có quy tắc  -HS: Chú ý nghe giảng và ghi bài.  - HS làm bài tập ?1 . Làm thêm : so sánh các cặp phân số sau : ;  ;  - Thử so sánh hai phân số bằng cách áp dụng quy tắc so sánh hai phân số có cùng mẫu dương? => hoạt động 2 | **\* Ví dụ 1:**  Ta đã biết: **> ;  < .**  **\* Quy tắc**: (SGK-22)  **\*Ví dụ 2:**  **< ;  >**  Trong hai phân số có cùng mẫu dương, phân số nào có tử lớn hơn thì lớn hơn .  **?1** Điền dấu thích hợp vào ô trống :  **< ;  > ;**  **> ;  < .** |
| ***Hoạt động 2*: 2/ So sánh hai phân số không cùng mẫu**(15ph)  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| |  |  | | --- | --- | | So sánh 2 phân số:  và  GV:Cho HS thảo luận nhóm để so sánh  và  trong 5 phút.  HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày bài giải  HS:Các nhóm khác nhận xét  GV:Để so sánh 2 phân số  và . Em đã thực hiện theo mấy bước là những bước nào ?  HS:Thực hiện theo 3 bước:  + viÕt c¸c ph©n sè d­íi d¹ng mÉu d­¬ng.  + Quy ®ång mÉu sè c¸c ph©n sè .  + So s¸nh c¸c tö sè cña c¸c ph©n sè .  - *Muèn so s¸nh hai ph©n sè kh«ng cïng mÉu ta, thùc hiÖn c¸c b­íc nµo* ?  - HS lµm bµi tËp ?2 .  Chó ý HS khi lµm bµi tËp ?2b cÇn rót gän tr­íc khi so s¸nh .  GV yªu cÇu hs ®äc bµi  sgk.  HS ®äc bµi .  GV h­íng dÉn hs so s¸nh  víi 0 :  - H·y quy ®ång mÉu ?  (ViÕt sè 0 d­íi d¹ng ph©n sè cã mÉu lµ 5)  - So s¸nh hai ph©n sè.  - T­¬ng tù, GV yªu cÇu hs so s¸nh :  víi 0.  GV: Qua viÖc so s¸nh c¸c ph©n sè trªn víi sè 0, h·y cho biÕt tö vµ mÉu cña ph©n sè nh­ thÕ nµo th× ph©n sè lín h¬n 0 ? nhá h¬n 0 ?  GV: Ph©n sè lín h¬n 0 gäi lµ ph©n sè d­¬ng. Ph©n sè nhá h¬n 0 gäi lµ ph©n sè ©m.  - Trong , h·y chØ ra ph©n sè ©m, ph©n sè d­¬ng?  GV yªu cÇu hs ®äc nhËn xÐt (sgk/ 23).  HS ®äc nhËn xÐt.  - GV yªu cÇu HS lµm bµi 37 theo nhãm  - §èi víi bµi 37b) GV h­íng dÉn HS quy ®ång mÉu c¸c ph©n sè | **\*VÝ dô:**  So s¸nh hai ph©n sè    **Gi¶i:**  Ta cã: .  Quy ®ång mÉu hai ph©n sè ta cã:  ;  NhËn thÊy: .  Suy ra:  >  **\* Quy t¾c: (SGK-23)**  **?2.** So s¸nh hai ph©n sè sau :  a,  vµ ; b,  vµ  **Gi¶i:** a,    V× -33 > -34 nªn  **Suy ra:  >**  **b,  ;**  V× -4 < 5 nªn  Suy ra:  <  **?3.**  0 =  >   > 0.  ;  ;  a)  - NÕu tö vµ mÉu cña ph©n sè cïng dÊu th× ph©n sè lín h¬n 0. NÕu tö vµ mÉu cña ph©n sè kh¸c dÊu th× ph©n sè nhá h¬n 0.    ?3 - Ph©n sè ©m lµ :  - Ph©n sè d­¬ng lµ :  **\*Nhận xét** b)  ***Bµi tËp 37* SGK**  KÕt qu¶:  a)  b) | | |

**3. Hoạt động luyện tập**

- Muốn so sánh hai phân số cùng mẫu ta làm thế nào ?

- Muốn so sánh hai phân số không cùng mẫu ta làm thế nào ?

- GV yêu cầu hs làm bài 38 (sgk/ 23) :

a/ h và h. MC : 12

 ; . Ta có  hay h dài hơn h.

b/  và  MC : 20

 ; . Ta có  ngắn hơn .

- GV nhận xét.

**4.Hoạt động vận dụng**

Thống kê số học sinh khối 6 của trường THCS Hùng Cường ta có bảng số liệu sau

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lớp | 6A | 6B | 6C | 6D |
| Số HS nam | 10 | 20 | 17 | 15 |
| Số HS nữ | 21 | 10 | 17 | 20 |

a)Viết các phân số mà tử số là số HS nam và mẫu số là số HS nữ của mỗi lớp cho ở bảng trên.

b)So sánh các phân số trên và cho biết lớp nào có số nam so với số nữ là nhiều nhất?

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Nắm vững quy tắc so sánh hai phân số bằng cách viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng mẫu dương.

- Làm các bài tập từ 39 đến 41 (sgk/ 23 ; 24) và các bài tập 71;73;75;78;80;82(SBT/21 + 22).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 23/2/2018*** | ***Ngày giảng : 3/3/2018*** |

**Tiết 78: PHÉP CỘNG PHÂN SỐ.**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức :** Hoïc sinh hieåu vaø aùp duïng ñöôïc qui taéc coäng hai phaân soá cuøng maãu vaø khoâng cuøng maãu

**2. Kĩ năng :** Coù kyõ naêng coäng phaân soá ,nhanh vaø ñuùng .

**3. Thái độ :** Coù yù thöùc nhaän xeùt ñaëc ñieåm cuûa caùc phaân soá ñeå coäng nhanh vaø ñuùng (coù theå ruùt goïn caùc phaân soá tröôùc khi coäng).

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức cộng phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

+ GV nêu yêu cầu kiểm tra :

Câu 1. Muốn so sánh hai phân số ta làm thế nào ? Chữa bài 41a, b (sgk/24).

Câu 2. Nêu quy tắc cộng hai phân sốđã học ở Tiểu học. Cho ví dụ.

+ Hai hs lên bảng kiểm tra :

**HS1** : Muốn so sánh hai phân số ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng mẫu dương rồi so sánh các tử với nhau. Phân số nào có tử lớn hơn thì phân số đó lớn hơn.

Bài 41/sgk : So sánh.

|  |  |
| --- | --- |
| a)  và .  Ta có :  ;  . | b)  và .  Ta có :  < 0 ; 0 <    < . |

**HS2** : Muốn cộng hai phân số ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng mẫu rồi cộng tử với nhau, giữ nguyên mẫu.

Ví dụ : .

- GV nhận xét, cho điểm.

- GV ghi vào góc bảng (phép cộng phân số học ở tiểu học) :

 (a ; b ; m ).

\* Khởi động:Đố

a) đố bạn phát biểu lại được quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu(đã học ở tiểu học )

b)đố bạn phát biểu lại được quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu(đã học ở tiểu học )

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** | |
| 1. **Cộng hai phân số cùng mẫu. (**12 phút)   - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | | |
| GV:Áp dụng qui tắc cộng hai phân số cùng mẫu đã học ở lớp 5 hãy thực hiện phép cộng:  ; ?  ;  - Hãy thực hiện phép cộng sau (tử và mẫu là các số nguyên):  +  ;  + ?  GV:Qua các ví dụ trên em nào cho biết muốn cộng hai phân số có cùng mẫu ta làm như thế nào ?  HS:Muốn cộng hai phân số có cùng mẫu ta cộng các tử và giữ nguyên mẫu  GV:Đó chính là nội dung qui tắc (SGK - 25)  HS:Đọc qui tắc  GV:Ghi dạng tổng quát lên bảng  GV:2 em lên bảng làm phần a, b của ?1  - Em có nhận xét gì về các phân số:  và ?  HS:2 phân số chưa tối giản và không cùng mẫu  - Theo em ta nên làm như thế nào trước khi cộng ?  HS:Rút gọn về phân số tối giản  GV: Em hãy lên bảng thực hiện  HS:Thực hiện như bên  GV:Cho HS HĐ nhóm làm bài tập ?2 (SGK - Tr. 25)?  HS:Đại diện 1 nhóm trả lời  HS:Các nhóm còn lại nhận xét  *GV:Chuyển mục:* Các em vừa được học qui tắc cộng hai phân số cùng mẫu còn muốn cộng hai phân số không cùng mẫu ta làm như thế nào ⇒ phần 2 | | **• Ví dụ:**        =  **• Qui tắc:** SGK - Tr. 25  **• Tổng quát:**    (a, b, m ∈ Z, m ≠ 0)  **?1** (SGK - Tr. 25)  ***Giải***  a)  +  =  =  = 1  b)  +  =  =  c)  +  =  +  =  =  **?2** (SGK - Tr. 25)  ***Giải***  Cộng hai số nguyên là trường hợp riêng của cộng hai phân số vì mọi số nguyên đều viết được dưới dạng phân số có mẫu bằng 1  Ví dụ:  3 + (- 5) =  +  =  =  = - 2 |

1. **Cộng hai phân số không cùng mẫu. (**12 phút)

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành.

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| GV:Ta xét ví dụ: Cộng hai phân số  +  - Muốn áp dụng qui tắc ở phần 1 để thực hiện phép cộng hai phân số trên trước tiên ta phải làm gì ?  HS: Phải qui đồng mẫu các phân số  GV:Nhờ qui đồng mẫu ta có thể dưa phép cộng hai phân số không cùng mẫu về phép cộng hai phân số cùng mẫu  - Hãy qui đồng mẫu và thực hiện phép cộng?  HS:Trình bày  GV:Qua ví dụ trên cho biết muốn cộng hai phân số không cùng mẫu ta làm như thế nào?  HS:Đọc qui tắc (SGK - Tr. 26)  GV:Áp dụng qui tắc làm bài tập ?3  HS:3 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  *GV:Lưu ý:* Có thể rút gọn kết quả để được phân số tối giản  HS:Nhận xét bài làm trên bảng | **• Ví dụ:**  +  =  +  =  =  **• Qui tắc:** SGK - Tr. 26  **?3** (SGK - Tr. 26)  ***Giải***  a)  b) =  =  c)  + 3 =  =  = |

1. **Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| GV:Đưa ra bảng phụ có vẽ sẵn hình ở đầu bài. Hình vẽ này thể hiện qui tắc gì ?  HS:Hình vẽ thể hiện qui tắc cộng phân số cùng mẫu  GV:Áp dụng các qui tắc làm bài tập  HS:2 em lên bảng làm bài tập 42 a, c – HS:Dưới lớp làm vào vở  GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 44 b, c lên bảng. Phát phiếu học tập cho các nhóm  HS:Thảo luận nhóm giải bài tập 44 b, c  HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng điền vào bảng lớn. Các nhóm còn lại nhận xét? | **• Bài tập 42 a, c** (SGK - 26)  ***Giải***  a)  c)  **• Bài tập 44b, c** (SGK - 26)  ***Giải***  b)  c) |

**4.Hoạt động vận dụng**

- GV chốt lại kiến thức bài học.

- Phát biểu qui tắc cộng hai phân số cùng mẫu, không cùng mẫu?

- So sánh với qui tắc cộng hai phân số học ở lớp 5 có gì giống và khác nhau?

GV:Treo bảng phụ ghi bài tập:

- Huy làm bài ôn tập môn Tiếng Anh. Bạn ấy đã làm được số bài tập vào ngày thứ 7 và số bài tập vào ngày chủ nhật.Hỏi phân số nào chỉ số phần bài tập môn Tiếng Anh mà bạn đã làm được trong hai ngày thứ 7 và chủ nhật đó?

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Học thuộc quy tắc cộng phân số.

- Chú ý rút gọn phân số (nếu có thể) trước khi làm hoặc kết quả.

- Làm bài tập 42a, b ; từ bài 43 đến bài 46 (sgk/26 + 27) và các bài tập 89 ; 93;95;97;99 (SBT/24 + 2

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 25/2/2018*** | ***Ngày giảng : 5/3/2018*** |

***Tuần 28***

**Tiết 79: LUYỆN TẬP.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh biết vận dụng quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu và không cùng mẫu.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng cộng phân số nhanh và đúng.

**3/ Thái độ**: Rèn tính cẩn thận, chính xác khi giải bài tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức rút gọn phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

**2- HS** : Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức cộng 2 phân số ở Tiểu học.

**III/ TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** :

# 1/Tổ chức lớp.

**2/ Kiểm tra bài cũ**:

\* GV nêu yêu cầu kiểm tra :

Câu 1. Nêu quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu. Viết công thức tôngr quát.

Làm bài 43c, d (sgk/26).

Câu 2. Nêu quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu.

Làm bài 45a (sgk/26).

\* Hai hs lên bảng kiểm tra :

**HS1** : Phát biểu quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu, viết dạng tổng quát (như sgk).

Làm bài tập : Tính tổng sau khi đã rút gọn các phân số.

c) 

d) 

**HS2** : Phát biểu quy tắc cộng hai phân số không cùng mẫu (như sgk).

Làm bài tập : Tìm x, biết :

a) x = 

\* GV nhận xét, cho điểm.

***\* Khởi động:*** Mời bạn lớp trưởng lên cho lớp chơi trò chơi “Truyền hộp quà” kèm theo bài hát. Khi bài hát kết thúc, hộp quà đến tay bạn nào thì bạn ấy sẽ mở hộp quà trả lời câu hỏi.

- Nêu quy tắc cộng hai phân số cùng mẫu và cộng hai phân số không cùng mẫu?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm ,trò chơi  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| Cộng các phân số sau:  a)  b)  c) (- 2) +  HS:3 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  HS: Nhận xét,chữa bài.  GV:Nghiên cứu và xác định yêu cầu của bài tập 43?  HS:Rút gọn phân số rồi tính tổng  *GV:Lưu ý:* Nêú phân số có mẫu âm thì viết thành phân số bằng nó và có mẫu dương rồi mới rút gọn và thực hiện phép cộng  HS:4 em lên bảng làm bài tập 43a, b, c, d  HS:Nhận xét bài làm trên bảng  GV:Đọc bài tập 59 (SBT - Tr. 12)  HS:3 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  - Nhận xét bài làm trên bảng?  GV:Bài tập 60 SBT – 12; Trước khi cộng các phân số ta nên làm thế nào ? Vì sao ?  HS:Trước khi cộng các phân số ta nên rút gọn phân số để đưa về phân số tối giản vì khi quy đồng mẫu số sẽ gọn hơn  HS:Lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  GV:Đọc và nghiên cứu bài 65 (SGK - Tr. 13). Xác định yêu cầu bài tập?  *GV:Gợi ý:* Viết dưới dạng tổng của hai phân số tối giản có mẫu là 25 và tử là số nguyên khác 0 có 1 chữ số. Trước tiên viết 7 dưới dạng tổng của hai số nguyên có một chữ số  HS:Lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  *Tổ chức trò chơi cho HS:* Tính nhanh bài 62 b (SBT - Tr. 13).  Đề bài ghi sẵn ở hai bảng phụ cho hai đội chơi.  *Thể lệ:* Mỗi đội cử 5 bạn, mỗi bạn được quyền điền kết quả vào một ô rồi chuyển bút cho người tiếp theo, thời gian trong vòng 3 phút  Xếp theo hai hàng dọc - chuyền bút lên điền | **• Bài tập 58**  (SBT - Tr. 12)  ***Giải***  a)  =  =  b)  =  =  c) (- 2) +  =  =  **• Bài tập 43** (SGK - Tr. 26)  ***Giải***  a)  =  =  =  =  b)  +  =  +  =  +  =  c)  d)  =  **• Bài tập 59** (SBT - Tr. 12)  ***Giải***  a)  b)  c)  =  =  =  **• Bài tập 60** (SBT - Tr. 12)  ***Giải***  a)  b)  =  =  c)  **• Bài tập 65** (SBT - Tr. 13)  ***Giải*** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | + |  |  |  |  | - 1 |
|  |  |  |  |  |

**3.Hoạt động vận dụng**

- Nhắc lại quy tắc phép cộng phân số cùng mẫu và không cùng mẫu

HS:Đọc bài tập 63 (SGK - Tr. 13)

-Tóm tắt đề bài?

*Làm riêng:*

Người thứ nhất 4h

Người thứ hai 3h

*Làm chung* thì 1h làm được bao nhiêu phần công việc ?

HS:Lên bảng trình bày bài giải. Các HS khác làm vào vở

***Giải***

Một giờ người thứ nhất làm được công việc

Một giờ người thứ hai làm được công việc

Một giờ cả hai người cùng làm được:

(công việc)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Bài tập

1,Tìm x biết:

|  |  |
| --- | --- |
| a, | b, |

2,So sánh các phân số sau:

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 26/2/2018*** | ***Ngày giảng : 6/3/2018*** |

**Tiết 80: TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÉP CỘNG PHÂN SỐ**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : HS biết các tính chất cơ bản của phép cộng phân số: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0.

**2/ Kĩ năng** : Bước đầu có kĩ năng vận dụng các tính chất trên để tính được hợp lí, nhất là khi cộng nhiều phân số.

**3/ Thái độ** :

- Có ý thức quan sát đặc điểm các phân số để vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng phân số.

- Rèn tính cẩn thận, chính xác khi giải bài tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức cộng 2 phân số ở Tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ

\* GV nêu yêu cầu kiểm tra :

Thực hiện phép tính :

a)  và 

b) 

\* hs lên bảng kiểm tra :

a)  

 =  = 

b)  = 

- GV nhận xét và cho điểm.

***\* Khởi động:*** Mời bạn lớp trưởng lên cho lớp chơi trò chơi “Truyền hộp quà” kèm theo bài hát. Khi bài hát kết thúc, hộp quà đến tay bạn nào thì bạn ấy sẽ mở hộp quà trả lời câu hỏi.

Phép cộng số nguyên có những tính chất gì ? Nêu dạng tổng quát.

**2.Hoạt động ình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt đông 1 : Các tính chất(10ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV:Bài làm phần khởi động của HS chính là câu trả lời của ?1. Giữ lại ở bảng bài làm của HS phần kiểm tra bài cũ  GV:Phép cộng các phân số cũng có các tính chất tương tự như tính chất cơ bản của phép cộng số nguyên.  GV chỉ vào bài tập của học sinh vừa làm trên bảng. Em hãy cho biết phép cộng phân số có những tính chất gì ?  HS : Phép cộng phân số có các t/c sau :  Tính chất giao hoán, kết hợp, cộng với số 0  GV: phát biểu các tính chất và nêu dạng tổng quát ? Mỗi tính chất hãy lấy 1 ví dụ  HS:Trả lời như bên  GV:Ghi bảng  GV:Tổng của nhiều phân số cũng có các tính chất: giao hoán, kết hợp, cộng với số 0  - Vậy khi cộng nhiều phân số, tính chất cơ bản của phép cộng phân số giúp ta điều gì ?  HS:Nhờ tính chất cơ bản của phép cộng phân số khi cộng nhiều phân số ta có thể đổi chỗ hoặc nhóm các phân số lại theo bất kì cách nào sao cho việc tính toán được thuận tiện | ?1  Với a, b, c ∈ **Z**  Giao hoán: a + b = b + a  Kết hợp: (a + b) + c = a + (b + c)  Cộng với số 0: a + 0 = 0 + a = a  Cộng với số đối: a + (- a) = 0  ***1.C¸c tÝnh chÊt***  Với a, b, c, d, p, q ∈ **Z**  **a)** **Giao hoán**  Ví dụ:  **b)** **Kết hợp**  Ví dụ:    **c)** **Cộng với số 0**    Ví dụ: |
| ***Hoạt động 2 : Áp dụng(18ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV: Tính nhanh.  A =  Một hs đứng tại chỗ trả lời, GV ghi bảng :  GV:Cho HS cả lớp làm ?2 (SGK - Tr. 28) theo nhóm  Nhóm 1,2,3 làm câu a  Nhóm 4,5,6 làm câu b  HS thảo luận theo nhóm  Đại diện 2 nhóm lên bảng. Dưới lớp làm vào vở  HS:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  *GV:Lưu ý:* Xét các phân số ở biểu thức C đã ở dạng tối giản chưa. Nếu chưa tối giản trước hết rút gọn để đựơc phân số tối giản rồi mới thực hiện phép tính | A =  A =  (t/c giao hoán)  A =  (t/c kết hợp)  A = (- 1) + 1 +  A = 0 +  =  (cộng với số 0)  **?2 (SGK - Tr. 28)**  ***Giải***  • B =  =  (T/c giao hoán)  =(T/ckết hợp)  = (- 1) + 1 +  = 0 +  =  (cộng với số 0).  • C =  =  =  =  = (- 1) +  =  =  **• Bài tập 48** (SGK - Tr. 28)  ***Giải***  a)  +  =  ;  b)  +  =  =  +  c) +  =  +  +  =  d)  +  +  = |

**3. Hoạt động luyện tập**

GV:Đưa ra 8 tấm bìa cắt như hình 8 (SGK - Tr. 28) và tổ chức cho HS chơi ghép hình : Thi ghép nhanh các mảnh bìa để thoả mãn yêu cầu của bài:

a)  hình tròn b)  hình tròn

c)  hình tròn d)  hình tròn

HS tham gia trò chơi

**4. Hoạt động vận dụng**

- Tìm ba cách chọn ba trong bẩy số sau đây để khi cộng lại được tổng là 0.



a/  b/  c/ 

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Tìm các số nguyên n để phân số A= nhận giá trị trong tập số nguyên?

\*Về nhà:

- Học thuộc các tính chất vận dụng vào bài tập để tính nhanh.

- Làm các bài tập từ 47 đến 50 (sgk/28 + 29) và các bài tập từ 103;106;108; 110 (SBT/28)

……………………………………………………………………….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 2/3/2018*** | ***Ngày giảng : 10/3/2018*** |

**Tiết 81: LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố quy tắc phép cộng phân số, tính chất cơ bản của phép cộng phân số.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng phân số để tính được hợp lí. Nhất là khi cộng nhiều phân số.

**3/ Thái độ** :

- Có ý thức quan sát đặc điểm các phân số để vận dụng các tính chất cơ bản của phép cộng phân số.

- Rèn tính cẩn thận, chính xác khi giải bài tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức tính chất cơ bản của phép cộng 2 phân số

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (Kiểm tra 15 phút cuối giờ)

**\* Khởi động:** Mời bạn lớp trưởng lên cho lớp chơi trò chơi “Truyền hộp quà” kèm theo bài hát. Khi bài hát kết thúc, hộp quà đến tay bạn nào thì bạn ấy sẽ mở hộp quà trả lời câu hỏi.

Phép cộng phân số có những tính chất gì ? Nêu dạng tổng quát.

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** | |
| ***Hoạt động 1 : Luyện tập(23ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | | |
| GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 52(SGK) lên bảng  GV:Phát phiếu học tập cho các nhóm  HS:Thảo luận nhóm, giải bài tập 52  HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng điền vào bảng lớn - Các nhóm còn lại nhận xét  GV:Treo bảng phụ bài tập 54 (SGK) Đọc từng câu và đứng tại chỗ trả lời  Câu nào sai lên bảng sửa lại cho đúng?  HS:Thực hiện  **Bài 53 (sgk/30).**  Treo bảng phụ nội dung BT 53  Đọc và nghiên cứu bài tập 53?  Hãy nêu cách xây dựng như thế nào?  Trong nhóm 3 ô: a, b, c nếu biết 2 ô sẽ tính được ô thứ 3  Lần lượt 2 em lên điền vào bảng điền 2 dòng dưới - 2 dòng trên  Nhận xét, sửa sai (nếu có) | | |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a |  |  |  |  |  |  | | b |  |  |  |  |  |  | | a+b |  |  |  |  | **2** |  |   **• Bài tập 54** (SGK - Tr. 29)  ***Giải***  a)  (Sai).  Sửa lại:  b)  (Đúng)  c)  (Đúng)  d)  (Sai)  Sửa lại:    **Bµi 53 (sgk/30).** |
| **Bài 55 (sgk/30).**  -GV yêu cầu hs hoạt động nhóm.  -GV cho các nhóm hoạt động 5 phút, sau đó GV chữa đại diện một nhóm, các nhóm khác chấm chéo bài của nhau.  -HS lớp chia làm 6 nhóm, các nhóm hoạt động 5 phút. | | **Bài 55 (sgk/30).**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | + |  |  |  |  | |  | - 1 |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |

**3.Hoạt động Kiểm tra 15 phút.**

**I, Trắc nghiệm:(5 điểm).**

***Khoanh vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1**. Trong các cách viết sau, cách viết cho ta một phân số là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - | B. - | C. - | DDddD. |

**Câu 2**. Phân số ***bằng*** phân số -  là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 3**. Cặp phân số nào ***bằng nhau*** trong các cặp phân số sau ? Chọn câu đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.  và | B. -  và | C.  và | D.  và |

**Câu 4**. Phân số có mẫu dương và ***không bằng*** phân số  là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 5**. Phân số nào dưới đây ***không là*** phân số tối giản ? Phương án đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 6**. Trong các phân số sau, phân số ***lớn hơn***  là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Caâu 7**: Cho bieát . Soá x thích hôïp laø:

A. x = 20 B. x = -20 C. x = 63 D. x = 57

## Câu 8: Kết quả khi rút gọn là:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 9**: Keát quaû cuûa pheùp coäng +laø:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 10**: Tìm phaân soá toái giaûn trong caùc phaân soá sau:

A.  B.  C.  D. 

**II,Tự luận (5 điểm).**

**Câu 11 (2 điểm)**. Rút gọn.

a)  b) 

**Câu 12 (2 điểm)**. Tính các tổng dưới đây sau khi đã rút gọn phân số.

a)  b) 

**Câu 13(1 điểm)** Tính theo cách hợp lí:



**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM:**

**I. Trắc nghiệm(5đ):** Mỗi câu đúng được 0,5đ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| **Đáp án** | D | C | D | A | B | B | B | D | C | C |

**II. Tự luận(5đ):**

**Câu 11**: a) = (1đ)

b) = (1đ)

**Câu 12:**

|  |  |
| --- | --- |
| a) = (1đ) | b) = (1đ) |

**Câu 13(1 điểm)** Tính theo cách hợp lí:





**4.Hoạt động vận dụng :**

Hãy đo kích thước bề mặt chiếc bàn học của em. Viết các kích thước đo được dưới dạng phân số với đơn vị là mét. Tính chu vi của mặt bàn đó?

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng** :

- Làm các bài tập 56 ; 57 (sgk/31) và các bài tập từ 111 đến 117 (SBT/28).

- Ôn lại số đối của một số nguyên, phép trừ số nguyên.

- Đọc trước bài phép trừ phân số.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 4/3/2018*** | ***Ngày giảng : 12/3/2018*** |

Tuần 29

**Tiết 82: PHÉP TRỪ PHÂN SỐ**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Học sinh hiểu thế nào là hai số đối nhau. Hiểu và vận dụng được qui tắc trừ phân số.

**2. Kỹ năng**: Có kĩ năng tìm số đối của một phân số và kĩ năng thực hiện phép trừ phân số. Hiểu rõ mối quan hệ giữa phép cộng và phép trừ phân số.

**3. Thái độ**: Rèn tính cẩn thận.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức tính chất cơ bản của phép cộng 2 phân số

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

***\* Câu hỏi:***

1. Phát biểu qui tắc cộng phân số cùng mẫu, khác mẫu?

Áp dụng tính:  ;  (HS cả lớp làm vào vở cách 3 dòng từ trên xuống)

2. Tìm số đối của số nguyên a? Cho ví dụ? Phát biểu định nghĩa phép trừ số nguyên?

***\* Yêu cầu trả lời:***

**1. HS 1:**

**•** Muốn cộng 2 phân số cùng mẫu ta cộng các tử và giữ nguyên mẫu chung

Muốn cộng 2 phân số không cùng mẫu ta viết chúng dưới dạng hai phân số có cùng một mẫu rồi cộng các tử và giữ nguyên mẫu chung.

•  ; 

**2. HS 2:**

• Số đối của số nguyên a là - a

Ví dụ: Số đối của 5 là - 5; Số đối của - 7 là 7; Số đối của 0 là 0

• Muốn trừ số nguyên a cho số nguyên b ta cộng số nguyên a với số đối của b

***\* Khởi động***: Thực hiện các phép tính sau:

; + ; + ; +

Nêu nhận xét về kết quả các phép tính trên?

Trong tập hợp **Z** các số nguyên có thể thay phép trừ bằng phép cộng với số đối của số trừ. Vậy có thể thay phép trừ phân số bằng phép cộng tp được hay không ? Đó chính là nội dung bài hôm nay:

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **1. Số đối *(11 phút)***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV:Ta vừa giải bài tập ?1 (SGK - Tr. 31). Ta có: . Ta nói  là số đối của phân số .  và  là hai số có quan hệ gì ?  HS: là hai số đối nhau  GV:Treo bảng phụ ghi bài tập ?2 lên bảng  1 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  HS:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  GV:Tìm số đối của phân số ?  HS:  là số đối của phân số  - Thế nào là hai số đối nhau ?  GV:Đó chính là định nghĩa 2 số đối nhau  HS:Đọc định nghĩa (SGK - Tr. 32)  -Tìm số đối của phân số  ? Vì sao?  GV:Giới thiệu kí hiệu số đối  - Hãy so sánh: ?  HS:  -Vì sao các phân số đó bằng nhau ?  HS:Vì cùng là số đối của phân số  GV:Tìm số đối của: ;; 0; 112 ?  HS:2 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  GV:Qua ví dụ trên bạn nào nhắc lại ý nghĩa của số đối trên trục số?  HS:Trên trục số 2 số đối nhau nằm về hai phía của điểm 0 và cách đều điểm 0 | **?1** (SGK - Tr. 31)  ***Giải***      **?2** (SGK - Tr. 32)  ***Giải***  Cũng vậy, ta nói  là ***số đối*** của phân số ; là ***số đối*** của ***phân số*** ; Hai phân số  và là hai số ***đối nhau.***  **• Định nghĩa:** (SGK - Tr. 32)  \*Kí hiệu số đối của phân số  là  Ta có:    **• Bài tập 58** (SGK - Tr. 33)  ***Giải***  có số đối là  - 7 có số đối là 7  có số đối là  có số đối là  có số đối là  0 có số đối là 0;  112 có số đối là – 112 |

**2. Phép trừ phân số *(12 phút)***

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| GV:Hoạt động nhóm làm bài tập ?3 (SGK -Tr. 32). Đại diện 1 em lên bảng giải  - Các nhóm còn lại nhận xét?  GV:Qua bài tập ?3 rút ra qui tắc phép trừ phân số ?  HS:Muốn trừ 1 phân số cho 1 phân số ta cộng số bị trừ với số đối của số trừ  GV:Đọc qui tắc (SGK - Tr. 32)  - Hãy tính: ;  2 em lên bảng thực hiện  HS:mà  - Vậy hiệu của 2 phân số () là 1 số như thế nào ?  HS: Trả lời  GV:Vậy phép trừ (phân số) là phép toán ngược của phép cộng (phân số)  HS:4 em lên bảng làm bài tập ?4 (SGK - Tr. 33) - Dưới lớp làm bài vào vở.  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  *Lưu ý:* Ta phải chuyển phép trừ thành phép cộng với số đối của số trừ  GV:Thế nào là hai số đối nhau ?  - Phát biểu qui tắc trừ phân số ? | **?3** (SGK - Tr. 32)  ***Giải***      ⇒  **• Qui tắc:** SGK - Tr. 32    Với a, b, c, d ∈ **Z**; b, d ≠ 0  **• Ví dụ:**      **• Nhận xét:** SGK - Tr. 33  **?4** (SGK - Tr. 33)  ***Giải*** |

**3.Hoạt động luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| Cho HS làm bài tập 60 (SGK - Tr. 33)  HS: em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có) | **• Bài tập 60** (SGK - Tr. 33)  ***Giải***  a) x -  =  x =  +  x =  +  x =  Vậy x =  b) - x =  +  - x =  - x =  x =  x =  x =  x =  Vậy x = |

**4.Hoạt động vận dụng**

- GV yêu cầu hs nhắc lại : Thế nào là hai số đối nhau ? Quy tắc trừ phân số ?

- HS làm bài tập 59b, d (sgk/33) :

b) 

d)  = 

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Một khu đất hình chữ nhật có chiều dài là km chiều rộng là km

a)Tính chu vi của khu đất( theo đơn vị là km)

b)Chiều dài hơn chiều rộng bao nhiêu km

\*Về nhà

- Học thuộc định nghĩa hai phân số đối nhau, quy tắc trừ hai phân số.

- Làm các bài tập từ 58 đến 63 (sgk/33 + 34) và các bài tập từ 118 ; 121; 124; 125;127 (SBT/31).

................................................................................

***Ngày soạn : 5/3/2018 Ngày giảng : 13/3/2018***

**Tiết 83. LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức**: Củng cố quy tắc trừ Phân số

**2. Kỹ năng**: Học sinh có kĩ năng tìm số đối của 1 số, có kĩ năng thực hiện phép trừ phân số

**3. Thái độ**: Rèn tính cẩn thận.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** Bút dạ, bảng nhóm, ôn tập kiến thức tính chất cơ bản của phép cộng 2 phân số

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

**\* Khởi động:** Mời bạn lớp trưởng lên cho lớp chơi trò chơi “Truyền hộp quà” kèm theo bài hát. Khi bài hát kết thúc, hộp quà đến tay bạn nào thì bạn ấy sẽ mở hộp quà trả lời câu hỏi.

Phát biểu qui tắc phép trừ phân số ? Dạng tổng quát ?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **Luyện tập (30 phút)**  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| Gv:Treo bảng phụ bài tập 63 lên bảng  - Muốn tìm một số hạng chưa biết của tổng ta làm như thế nào ?  Hs:Lấy tổng trừ số hạng đã biết  - Trong phép trừ muốn tìm số trừ ta làm như thế nào ?  HS:Lấy số bị trừ trừ đi hiệu  GV:Thực hiện phép tính  HS:2 em lên bảng điền vào ô trống  GV:Nhận xét, sửa sai (Nếu có)  GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 64c, d lên bảng  HS:Lên bảng thực hiện.  GV:Lưu ý rút gọn phân số  GV:Đọc bài tập 65 (SGK - Tr. 34)?  HS:Đọc bài  - Muốn biết Bình có đủ thời xem hết phim không ta làm như thế nào ?  HS:Phải tính số thời gian Bình làm các việc rồi so sánh hai thời gian đó  GV:Lên bảng giải bài tập 65?  HS:Thực hiện  HS: Dưới lớp làm vào vở.  GV:Nhận xét, sửa sai (Nếu có)  GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 66 lên bảng và phát phiếu học tập cho các nhóm  HS:Thảo luận nhóm giải bài tập 66  - Đại diện một nhóm lên bảng điền  Các nhóm còn lại nhận xét  GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 67  HS:Đọc bài tập 67  - Hãy điền số vào ô trống để hoàn thành phép tính?  HS:Lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  - Nêu lại thứ tự thực hiện phép tính của dãy tính nếu chỉ có phép cộng và trừ ?  GV:Lưu ý: Phải đưa phân số có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương  - Áp dụng 2 em lên bảng làm bài tập 68 a, d - Dưới lớp làm vào vở  HS:Nhận xét bài làm trên bảng?  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  GV:Cho học sinh làm bài tập sau  a) Tính: 1 -  ;  -  ;  - ;  -  ;  -  b) Sử dụng kết quả câu a để tính nhanh tổng sau:  +  +  +  + | **• Bài tập 63** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***  a)  ; b,  c)  ; d,  **• Bài tập 64c, d** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***  c)  d)  **• Bài tập 65** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***  Số thời gian Bình có là:  21 giờ 30 phút - 19 giờ = 2 giờ 30 phút  =  giờ  Tổng số thời gian Bình làm các việc là:    (giờ)  Số thời gian Bình có hơn số thời gian Bình làm các việc là:  (giờ)  Vậy Bình còn đủ thời gian để xem hết phim  **• Bài tập 66** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  | 0 | Dòng 1 | |  |  |  |  | **0** | Dòng 2 | |  |  |  |  | **0** | Dòng 3 |   ***\* Nhận xét:*** Số đối của số đối của một số bằng chính số đó:  **• Bài tập 67** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***  =  =  =  =  **• Bài tập 68** (SGK - Tr. 34)  ***Giải***  a)  =  =  d)  **• Bài tập chép**  ***Giải***  a) 1 -  =  =  -  =  = ;  -  =  =  -  =  = ;  -  =  =  b)  +  +  +  +  =  =  +  +  +  +  =  = 1 -  +  -  + ... +  -  = 1 -  = |

**3.Hoạt động vận dụng**

- Thế nào là hai số đối nhau ?

- Nêu quy tắc phép trừ phân số ?

Cho x =  - . Hãy chọn kết quả đúng trong các kết quả sau:

A.  ; B. 1 ; C. 

Kết quả đúng B. x=1 vì:

x =  - =  -  =  -  = 1

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Nắm vững định nghĩa 2 số đối nhau, qui tắc trừ phân số. Thuộc và biết vận dụng quy tắc trừ phân số . Khi thực hiện phép tính chú ý tránh nhầm dấu

- BTVN: 68b, c (SGK - Tr. 34); 78; 79; 80 (SBT - Tr. 15; 16)

- Ôn qui tắc nhân hai phân số ở tiểu học

***Ngày soạn: 09. 03. 2018 Ngày giảng: 17 . 3. 2018***

**Tiết 84 . PHÉP NHÂN PHÂN SỐ**

**I.MỤC TIÊU**

**1/ Kiến thức**: Học sinh biết và vận dụng được qui tắc nhân phân số

**2/ Kỹ năng:** Có kĩ năng nhân phân số và rút gọn phân số khi cần thiết

**3/ Thái đô:** Rèn tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện phép tính

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép nhân phân số đã học ở tiểu học.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

***\* Câu hỏi:***

Phát biểu qui tắc phép trừ phân số ? Viết dạng tổng quát. Chữa bài tập 68c (SGK - Tr. 35)

***\* Yêu cầu trả lời***

**•** Muốn trừ một phân số cho một phân số ta cộng số bị trừ với số đối của số trừ.

Tổng quát:  với a, b, c, d ∈ **Z** ; b, d ≠ 0

**• Chữa bài tập 68c:**



**\* Khởi động**

**?** Phát biểu qui tắc nhân hai phân số ở tiểu học ? Nêu dạng tổng quát.

**-** Muốn nhân một phân số với một phân số ta nhân tử với tử, mẫu với mẫu

Tổng quát:  với a, b, c, d ∈ **N** ; b, d ≠ 0

**GV:** Bạn vừa nhắc lại qui tắc nhân hai phân số với tử và mẫu là các số tự nhiên, còn muốn nhân 2 phân số có tử và mẫu là các số nguyên thì làm như thế nào ? Hình vẽ ở góc khung tròn đầu bài thể hiện qui tắc gì ? Ta cùng giải đáp vấn đề này trong bài hôm nay

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Quy tắc (20 phút)**   - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| - GV:Áp dụng qui tắc nhân 2 phân số ở tiểu học thực hiện phép tính:  = ?  - HS:Trả lời  - GV:Treo bảng phụ ghi bài tập ?1 lên bảng  - HS:2 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  - GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  - GV:Qui tắc trên vẫn đúng với các phân số có tử và mẫu là các số nguyên  - HS:1 em đọc qui tắc (SGK - Tr. 36)  - GV:Ghi dạng tổng quát lên bảng  - GV:Áp dụng qui tắc làm ví dụ sau:  = ? ;  = ?  - HS:Lên bảng thực hiện  - GV:Lưu ý HS rút gọn trước khi nhân  - GV:Cho HS làm ?2 (SGK - Tr. 36). Treo bảng phụ ghi bài tập ?2  - HS: 2 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  - GV:Nhận xét bài làm trên bảng  - GV:Yêu cầu HS cả lớp hoạt động nhóm làm ?3 (SGK - Tr. 36)  - HS:Đại diện ba nhóm lên bảng thực hiện  - GV:Gọi lần lượt nhận xét bài làm trên.  GV:Nhận xét, sửa sai (Nếu có) | **• Ví dụ:**    **?1 SGK - Tr. 35**  ***Giải***  a)  b)  **• Qui tắc:** SGK - Tr. 36    (a, b, c, d ∈ **Z**; b, d ≠ 0)  **• Ví dụ:**      **?2 SGK - Tr. 36**  ***Giải***  a)  b)  **?3 SGK - Tr. 36**  ***Giải***  a)  b)  c) |

1. **Nhận xét (7 phút)**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập.

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| - GV:Cho HS tự đọc phần nhận xét  - Làm bài ?4  - HS: 3 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  - HS:Nhận xét bài làm trên bảng?  - GV:Nhận xét, sửa sai (Nếu có)  - Hình vẽ ở góc khung tròn ở đầu bài thể hiện qui tắc gì ?  - HS:Thể hiện qui tắc nhân hai phân số. | **• Nhận xét.** SGK - Tr. 36  (với a, b, c ∈ Z; c ≠ 0)  **?4 SGK - Tr. 36**  ***Giải***  a)  b)  c) |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| GV:Cho HS cả lớp làm bài tập 69 (SGK - Tr. 36). Gọi 3 HS lên bảng làm bài tập 69  HS:Thực hiện  HS:Nhận xét bài làm trên bảng?  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  GV:Đọc và nghiên cứu nội dung bài tập 70 (SGK - Tr. 37)?  HS:Thảo luận nhóm làm bài tập 70  HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày bài giải - Các nhóm còn lại nhận xét.  Gv: nhận xét, chốt kiến thức. | **• Bài tập 69** (SGK - Tr. 36)  ***Giải***  a)  =  ; b)  =  =  c)  =  ; d)  =  e)  =  ; f)  =  **• Bài tập 70** (SGK - Tr. 37)  ***Giải*** |

**4.Hoạt động vận dụng**

- Phát biểu qui tắc nhân hai phân số ?

- Muốn nhân 1 số nguyên với 1 phân số ta làm như thế nào?

- GV:Treo bảng phụ: Hoàn thành sơ đồ sau để thực hiện phép nhân (- 20).



Từ cách làm trên, hãy rút ra nhận xét

Giải



\* Khi nhân một số nguyên với một phân số, ta có thể:

- Nhân số đó với **tử** rồi lấy kết quả **chia cho mẫu** hoặc

- Chia số đó cho **mẫu** rồi lấy kết quả **nhân với tử**

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Tính: B **=**

\*Về nhà:

- Học thuộc qui tắc và công thức tổng quát của phép nhân phân số

- BTVN:69; 71; 72 (SGK - Tr. 36; 37); 83; 84 (SBT - Tr. 17)

- Ôn tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên. Đọc trước bài.

***Ngày soạn: 11. 03. 2018 Ngày giảng : 19 . 3. 2018***

**Tuần 30**

**Tiết 85 . TÍNH CHẤT CƠ BẢN CỦA PHÉP NHÂN PHÂN SỐ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Học sinh biết tính chất cơ bản của phép nhân phân số: Giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng.

**2. Kỹ năng**: Có kĩ năng vận dụng các tính chất trên để thực hiện phép tính hợp lý, nhất là khi nhân nhiều phân số

**3. Thái độ**: Rèn tính cẩn thận. Có ý thức quan sát đặc điểm các phân số để vận dụng các tính chất cơ bản của phép nhân phân số.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên đã học. Đọc trước bài, bảng phụ nhóm và bút dạ.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

***\* Câu hỏi:***

Phát biểu qui tắc nhân hai phân số. Viết dạng tổng quát. Chữa bài tập 84a,c (SBT - Tr. 17)

***\* Yêu cầu trả lời:***

**•** Muốn nhân hai phân số ta nhân các tử với nhau và nhân các mẫu với nhau.

Tổng quát:  (Với a, b, c, d ∈ Z ; b, d ≠ 0)

• Chữa bài tập 84 (SBT - Tr. 17)

a) .26 =  = - 10

b) = . =  = 

***\* Khởi động:***

***Đốbạn:*** + Phát biểu các tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên. Viết dạng tổng quát

**+** Các tính chất cơ bản của phép nhân các số nguyên: Với a, b, c ∈ **Z**

- Giao hoán: a.b = b.a

- Kết hợp: (a.b).c = a.(b.c)

- Nhân với số 1: a.1= 1.a = a

- Phân phối của phép nhân đối với phép cộng: a.(b + c) = a.b + a.c

Phép nhân phân số cũng có tính chất cơ bản như phép nhân số nguyên các tính chất đó được phát biểu như thế nào ? Ta học bài hôm nay:

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |

**1. Các tính chất (7 phút)**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| Bài ?1 đã được bạn thứ hai trả lời về nhà các em hoàn thiện vào vở  - Gv: Cho HS cả lớp đọc phần 1 (SGK - Tr. 37, 38)  - HS:Đọc to  - Phép nhân phân số có những tính chất cơ bản nào?  - HS:Giao hoán, kết hợp, nhân với số 1, tính chất phân phối  - HS:Lần lượt gọi từng HS phát biểu bằng lời các tính chất đó. Ghi tổng quát lên bảng  - GV:Trong tập hợp số nguyên tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên được áp dụng trong những bài toán nào ?  - HS:Áp dụng trong những bài toán như: Nhân nhiều số - Tính nhanh, tính hợp lí  - GV:Đối với phân số có các tính chất cơ bản của phép nhân cũng được vận dụng như vậy. Nhờ tính chất giao hoán và kết hợp của phép nhân, khi nhân nhiều phân số ta có thể đổi chỗ hoặc nhóm các phân số lại theo bất cứ cách nào để cho việc tính toán được thuận tiện. | **?1 SGK - Tr. 37 (3 phút)**  **• Tính chất:**  Với a, b, c, d, p, q ∈ **Z** b, d, q ≠ 0  - Giao hoán:    - Kết hợp:    - Nhân với số 1:    - Tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng: |

1. **Áp dụng**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |
| --- | --- |
| GV: Đọc và nghiên cứu ví dụ (SGK - Tr. 38)  -Gọi 1 em lên bảng làm bài (có giải thích) - Dưới lớp làm vào vở.  - HS: hiện  - Nhận xét bài làm trên bảng  - GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  - GV:Gọi 2 HS lên bảng làm ?2. Yêu cầu có giải tích các bước thực hiện  - HS:2 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở.  - HS:Nhận xét bài làm trên bảng  - GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có) | **• Ví dụ:**  SGK - Tr. 38  ***Giải***  Ta có:  M =  (T/c giao hoán)  =  (T/c kết hợp)  = 1. (- 10) = - 10 (T/c nhân với số 1)  ?2 (SGK - Tr. 38)  ***Giải***  A =  = (Tính chất giao hoán)  =  (Tính chất kết hợp)  =  =  (Tính chất nhân với số 1)  B =  = (Tính chất phân phối  =  =  (T/c nhân với số 1) |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - GV:Treo bảng phụ nội dung bài tập 73 (SGK - Tr. 38)  - Hãy chọn câu đúng ?  - HS:Câu thứ hai đúng  -GV:Treo bảng phụ ghi bài tập 75  (SGK - Tr. 39)  - HS: Hoạt động nhóm  - GV:Phát phiếu học tập ghi bài tập 75 cho các nhóm - Lưu ý áp dụng tính chất giao hoán của phép nhân  - HS:Đại diện 1 nhóm lên bảng điền vào bảng phụ - Các nhóm còn lại nhận xét  GV:Tính giá trị biểu thức một cách hợp lý:  A =  - Muốn tính hợp lý biểu thức trên em phải làm thế nào ?  - HS: Áp dụng tính chất phân phối của phép nhân đối với phép cộng  - HS:Lên bảng thực hiện  - Dưới lớp làm vào vở | **• Bài tập 73 (SGK - Tr. 38)**  ***Giải***  - Câu thứ nhất sai  - Câu thứ hai đúng: “Tích của hai phân số bất kì là 1 phân số có tử là tích của hai tử và mẫu là tích của hai mẫu”  **• Bài tập 75 (SGK - Tr. 39)**  ***Giải***   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |   **• Bài tập 76 (SGK - Tr. 39)**  ***Giải***  A =  =  =  =  = 1 |

**4. Hoạt động vận dụng**

Đo và ghi lại kích thước của một phòng trong ngôi nhà của em dưới dạng phân số với đơn vị là mét rồi tính diện tích và chu vi của căn phòng

GV cho HS về nhà làm

**5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Tìm tích:

\*Về nhà

- Học và nắm vững các tính chất cơ bản của phép nhân phân số

- BTVN: 76b, c; 77 (SGK - Tr. 39); 89; 90; 91; 92 (SBT - Tr. 18; 19)

………………………………………………………………………………..

***Ngày soạn: 12. 03. 2018 Ngày giảng: 20 . 3. 2018***

**Tiết 86. LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1) Kiến thức**: Học sinh được củng cố và khắc sâu phép nhân phân số và các tính chất cơ bản của phép nhân phân số

**2) Kỹ năng:** Có kĩ năng vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học về phép nhân phân số và các tính chất cơ bản của phép nhân phân số để giải toán.

**3) Thái độ:** Rèn cho học sinh tính cẩn thận, chính xác khi tính toán và trình bày bài giải

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ, phấn màu.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập tính chất cơ bản của phép nhân số nguyên đã học. Đọc trước bài, bảng phụ nhóm và bút dạ.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

***\* Câu hỏi:***

Tính giá trị biểu thức sau một cách hợp lý:

B = 

***\* Yêu cầu trả lời:***

B = 

= 

= 

= 0

**\* Khởi động:** Mời bạn lớp trưởng lên cho lớp chơi trò chơi “Truyền hộp quà” kèm theo bài hát. Khi bài hát kết thúc, hộp quà đến tay bạn nào thì bạn ấy sẽ mở hộp quà trả lời câu hỏi.

- Phátbiểu các tính chấtcơ bẩn của phép nhân phân số?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Chữa bài tập về nhà *(5 phút)***   - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập .  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV:Gọi 2 HS lên bảng chữa bài tập 77a, b(SGK - Tr. 39).  HS:Thực hiện  HS:Nhận xét bài làm của bạn  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  - Ở bài tập trên em có cách giải nào khác không ?  HS:Còn cách thay giá trị của chữ số vào rồi thực hiện theo thứ tự thực hiện phép tính  - Tại sao em không chọn cách đó ?  GV:Vậy trước khi giải một bài tập cần đọc kĩ nội dung yêu cầu của bài toán rồi tìm cách giải hợp lí | **• Bài tập 77** (SGK - Tr. 39)  ***Giải***  a) A =  =  =  =  Với a = , ta có:  A =  b) B =  =  =  =  Với b = , ta có:  B = |

**2. Luyện tập *(23 phút)***

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành. hđ nhóm .

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| GV:Gọi 4 HS lên bảng giải bài tập 80 – HS:Dưới lớp làm vào vở  HS:Nhận xét bài làm trên bảng?  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có)  GV:Treo bảng phụ nôị dung bài tập lên bảng  - Hãy đọc kĩ đề bài và phát hiện chỗ sai?  HS:Sai ở chỗ bỏ quên dấu ngoặc thứ nhất dẫn tới bài giải sai  GV:Nghiên cứu nội dung bài 83 (SGK - Tr. 41) và tóm tắt nội dung bài toán  - Bài toán có mấy đại lượng ? Là những đại lượng nào ?  HS:Bài toán có 3 đại lượng: v, t và s  - Có mấy bạn tham gia chuyển động ?  HS:Có hai bạn tham gia chuyển động  GV:Hãy tóm tắt nội dung bài toán vào bảng? (GV đã kẻ sẵn bảng)  - Muốn tính quãng đường AB ta phải làm thế nào ?  HS:Phải tính quãng đường AC và BC  - Muốn tính quãng đường AC và BC ta làm như thế nào ?  HS:Tính thời gian Việt đi ; thời gian Nam đi  rồi tính quãng đường  - Lên bảng giải bài tập?  HS:Thực hiện  GV:nhận xét ,chốt kiến thức  GV:Treo 2 bảng phụ ghi nội dung bài tập 79 (SGK - Tr. 40). Tổ chức 2 đội chơi, mỗi đội 10 HS thi ghép chữ nhanh. Luật chơi như sau:  - Các đội phân công cho mỗi thành viên thực hiện một phép tính rồi điền chữ tương đương ứng với kết quả vừa tính được vào ô trống sao cho dòng chữ được ghép đúng tên và với thời gian ngắn nhất  - Người thứ nhất về chỗ người thứ hai tiếp tục lên cứ như vậy cho đến hết. Bạn cuối cùng phải ghi rõ tên nhà bác học  Hai đội bắt đầu thi với nhau  HS:Lên bảng thực hiện  GV:nhận xét ,củng cố lại toàn bài | **• Bài tập 80** (SGK - Tr. 40)  ***Giải***  a) 5. =  =  =  b)  +  =  + =  =  =  =  =  c)  - . =  -  =  -  = 0  d)  = =  = =  **• Bài tập chép**  Hãy tìm chỗ sai trong bài giải sau:    = =  Sai ở chỗ bỏ quên ngoặc thứ nhất dẫn tới bài giải sai  **• Bài tập 83** (SGK - Tr. 41)  ***Tóm tắt:***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | v | t | S | | Việt | 15km/h | 40’ = | AC | | Nam | 12km/h | 20’ = | BC |   ***Giải***  Thời gian Việt đi từ A đến C là:  7h30’ - 6h50’ = 40’ =  Quãng đường AC dài là: (km)  Thời gian Nam đi từ B đến C là:  7h30’ - 7h10’ = 20’ =  Quãng đường BC dài là: (km)  Quãng đường AB dài là:  10 + 4 = 14 (km)  Đáp số: 14km  **• Bài tập 79 (SGK - Tr. 40)**  ***Giải***  **T:**  **U:**  **E:**  **H:**  **G:**  **O:**  **N:**  **I:**  **V:**  **L:**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **L** | **U** | **O** | **N** | **G** | **T** | **H** | **E** | **V** | **I** | **N** | **H** |   Nhà toán học Việt Nam nổi tiếng ở thế kỉ XV là **“Lương Thế Vinh”** |

**3.Hoạt động vận dụng**

Tính giá trị của biểu thức A=  ; B = 

- Để tính giá trị của A ta làm như thế nào?

HS:Rút gọn phân số trước

; 

***Giải***

a) A =  = ... =

=  = 

Vậy A = 

b) B =  = ... =

= 

; 

Vậy B = 

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

-Với mỗi bài tập cần đọc kĩ bài để tìm cách giải đơn giản và hợp lí nhất.

-Tránh những sai lầm khi thực hiện phép tính

-BTVN: 78; 81; 82 (SGK - Tr. 40; 41); 91; 92; 93; 94; 95 (SBT - Tr. 19)

................................................................

***Ngày soạn: 16. 03. 2018 Ngày giảng:24 . 3. 2018***

**Tiết 87 : PHÉP CHIA PHÂN SỐ**

### I.MỤC TIÊU

**1. Kiến thức:** Học sinh hiểu khái niệm số nghịch đảo và biết cách tìm số nghịch đảo của một số khác 0. Học sinh hiểu và vận dụng được qui tắc chia phân số

**2. Kỹ năng:** Có kĩ năng thực hiện phép chia phân số

**3. Thái độ:** Giáo dục cho học sinh tính cẩn thận, chính xác khi tính toán

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV**: Bảng phụ ghi quy tắc chia phân số cho phân số, các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số đã học ở tiểu học. Đọc trước bài

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi

Phát biểu qui tắc nhân phân số ? Viết dạng tổng quát ? Áp dụng tính:

A = .

***\* Yêu cầu trả lời:***

**• Quy tắc nhân phân số:**  Muốn nhân hai phân số ta nhân các tử với nhau và nhân các mẫu với nhau. Tổng quát:  (a, b, c, d ∈ Z; b, d ≠ 0)   
• A = . = . = .() = .(- 9) = - 4

Đối với phân số cũng có phép toán như các số nguyên. Vậy phép chia phân số có thể thay bằng phép nhân phân số được không ? Chúng ta trả lời câu hỏi này qua bài học hôm nay:

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |
| 1. **Số nghịch đảo**   - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV:Thực hiện phép nhân sau:  ;  HS:2 em lên bảng thực hiện - Dưới lớp làm vào vở  HS:Nhận xét bài làm trên bảng?  GV: Nhận xét, sửa sai (nếu có).  GV:Ta nói: là số nghịch đảo của(- 8), (- 8) cũng là số nghịch đảo của . Hai số: (- 8) và  là hai số nghịch đảo của nhau.  GV:Treo bảng phụ nội dung ?2 lên bảng.  HS:Trả lời như bên  GV:Vậy thế nào là hai số nghịch đảo của nhau ?  HS: Hai số gọi là hai số nghịch đảo của nhau nếu tích của chúng bằng 1.  GV: Đó chính là định nghĩa của số nghịch đảo.  HS: Đọc lại định nghĩa (SGK - 42)  Vận dụng làm ?3 (SGK - 42)  HS:4 em trả lời 4 câu.  GV: Lưu ý HS cách trình bày tránh sai lầm khi viết số nghịch đảo của : | **?1 SGK - Tr. 41**  ***Giải***      **?2 SGK - Tr. 41**  ***Giải***  Cũng vậy ta nói là **số nghịch đảo** của ;  là **số nghịch đảo** của . Hai số  và  là hai số **nghịch đảo của nhau.**  **• Định nghĩa: SGK - Tr. 42**  **?3 SGK - Tr. 42**  ***Giải***  Số nghịch đảo của  là  = 7  Số nghịch đảo của - 5 là  Số nghịch đảo của  là  Số nghịch đảo của  là  *(a, b ∈ Z; a ≠ 0, b ≠ 0)* |

1. **Phép chia phân số**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.,

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| GV:Chia lớp thành 2 dãy.  Dãy1: Tính  (Theo cách ở tiểu học)  Dãy 2: Tính  2 em ở 2 dãy lên bảng trình bày bài giải.  HS: Thực hiện.  - So sánh kết quả của 2 phép tính?    - Em có nhận xét gì về mqh giữa và ?  HS: và  là 2 phân số nghịch đảo của nhau.  - Ta đã thay phép chia phân số  bằng phép tính nào?  HS:trả lời  - Thực hiện phép tính: ?    GV:Vậy chia một số nguyên cho một phân số cũng chính là chia một phân số cho một phân số.  GV:Qua hai ví dụ trên hãy phát biểu quy tắc chia một phân số cho một phân số?  HS:phát biểu  HS:Đọc quy tắc (SGK - Tr. 42).  GV:Treo bảng phụ ghi nội dung ?5 lên bảng.  HS:Lần lượt 3 em lên bảng điền vào chỗ chấm để hoàn thành 3 phép tính của ?5 HS:Dưới lớp làm bài vào vở.  HS:Nhận xét bài làm trên bảng.  GV: Nhận xét.  - Thực hiện phép tính: ?    Qua VD trên hãy cho biết muốn chia một phân số cho một số nguyên khác 0 ta làm như thế nào ?  HS:trả lời  GV:Đó chính là nội dung của nhận xét (SGK - 42). | **?4 SGK - Tr. 42**  ***Giải***      ⇒  **• Ví dụ:**  =  =  **• Quy tắc:** SGK - Tr. 42  ;  (a, b, c, d ∈ Z, b ≠ 0,  c ≠ 0, d ≠ 0)  **?5** SGK - Tr. 42  ***Giải***  a)  b(  c)  **• Nhận xét:** SGK - Tr. 42    (a, b, c ∈ Z ; b, c ≠ 0) |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo , giao tiếp, hợp tác

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| GV:cho HS HĐ nhóm ?6 (SGK - Tr. 42)  Nhóm 1, 2 câu a  Nhóm 3,4 câu b  Nhóm 5,6 câu c  HS thảo luận theo nhóm  HS:Đại diện 3 nhóm lên bảng các nhóm còn lại nhận xét  HS:Nhận xét bài làm trên bảng.  GV:Nhận xét, sửa sai (nếu có). | **?6** SGK - Tr. 42  ***Giải***  a)  =  =  b) =  =  c) |

**4.Hoạt động vận dụng**

Một ca nô xuôi dòng một khúc sông từ A đến B mất 6 giờ, ngược dòng khúc sông từ B về A mất 7 giờ30 phút.Hỏi khi đó một cụm bèo trôi từ A đến B mất bao lâu?

GV hướng dẫn HS về nhà làm

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

BTVN: 84a, c, d, e; 86; 87; 88 (SGK - Tr. 43); 97; 98; 103 (SBT - Tr. 20). HS khá, giỏi làm bài 101; 102 (SBT - Tr. 20).

*Hướng dẫn bài tập 97:* Trước tiên thực hiện các phép tính để tìm a, b, c rồi tìm các số nghịch đảo của các số đó. VD: . Số nghịch đảo của  là 12.

***Ngày soạn: 19. 03. 2018 Ngày giảng: 27 . 3. 2018***

**Tiết 88. LUYỆN TẬP**

**I. MỤC TIÊU**

**1.Kiến thức:** Học sinh biết vận dụng được quy tắc chia phân số trong giải bài toán. Làm thành thạo các phép tính, yêu cầu tính nhanh, đúng chính xác và hợp lí

**2. Kỹ năng:** Có kĩ năng tìm số nghịch đảo của một số khác không và kĩ năng thực hiện phép chia phân số, tìm x.

**3.Thái độ:** Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, linh hoạt trong các bài tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (6 phút)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi

- Phát biểu qui tắc chia phân số ? Viết tổng quát ?

***\* Yêu cầu trả lời:***

**• Quy tắc chia phân số:**  Muốn chia một phân số hay một số nguyên cho phân số, ta nhân số bị chia với số nghịch đảo của số chia.

**• Tổng quát:**  ; a :  (c ≠ 0)

Gv nhận xét vào bài mới

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Thầy trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **Luyện tập *(30 phút)***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo , giao tiếp, hợp tác  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV cho HS nghiên cứu đề bài tập  HS:Lên bảng làm bài tập  HS:Trình bày câu a  HS:Nhận xét bài làm của bạn  GV:Rút ra nhận xét?  GV:Lên bảng chữa bài 88  HS:Lên bảng  HS:Nhận xét bài làm của bạn  GV:Nghiên cứu bài tập 90, hãy cho biết để tìm x, ta làm như thế nào ?  HS:Định hướng cách giải từng câu  HS: 3 em lên bảng thực hiện ?  HS:Thực hiện - Dưới lớp cùng làm bài và nhận xét bài làm của bạn  GV:Theo dõi bài và kiểm tra HS dưới lớp làm, sửa sai và hướng dẫn các em cùng giải  GV:Nhận xét và nêu hướng giải câu e và g rồi gọi 2 em lên bảng giải  HS:Dưới lớp cũng làm nhận xét, sửa sai (Nếu có)  Gv:Nghiên cứu đề bài 93 - Hãy thảo luận nhóm để tìm các cách giải khác nhau  HS:Đại diện 2 nhóm lên bảng  HS:Các nhóm khác nhận xét  - Còn cách tính nào khác không ?  GV:Kiểm tra kết quả một số nhóm, tìm những cách giải khác nhau và chốt cách giải bài tập  GV:Nghiên cứu bài 92 và phân tích đề  - Bài toán này là bài toán dạng nào ta đã biết ?  HS:Là dạng toán chuyển động  - Muốn tính thời gian Minh đi từ nhà đến trường và từ trường về nhà ta làm như thế nào ?  HS:Trước hết phải tính được quãng đường Minh đi từ nhà tới trường, sau đó mới tính thời gian từ trường về nhà. | **• Bài tập 87** (SGK - Tr. 43)  ***Giải***  a) Tính giá trị mỗi biểu thức:  : 1 = . 1 =  ;  :  = . =  :  = .  =  b) So sánh số chia với 1:  1 = 1 ;  < 1 ;  > 1  c) So sánh kết quả với số bị chia:  =  ;  > ;  <  *Kết luận:*  - Nếu chia một phân số cho 1, kết quả bằng chính phân số đó  - Nếu chia một phân số cho một số nhỏ hơn 1, thì kết quả lớn hơn phân số bị chia  - Nếu chia một phân số cho một số lớn hơn 1, thì kết quả nhỏ hơn phân số bị chia  **• Bài tập 88** (SGK - Tr. 43)  ***Giải***  Chiều rộng của hình chữ nhật là:  :  = . =  (m)  Chu vi của hình chữ nhật là:  + = . 2 =  (m)  **• Bài tập 90** (SGK - Tr. 43)  ***Giải***   |  |  | | --- | --- | | a)      Vậy  b)    Vậy  c)  ⇒  ⇒ x =  ⇒ x = | d)      x =  Vậy x =  e)  - .x =  .x =  -  .x = -  x = -  :  Vậy x = - |   g)      x =  Vậy x =  **• Bài tập 93** (SGK - Tr. 44)  ***Giải***  a) **C1:**  **C2:**  b)  =  =  **• Bài tập 92 (SGK - Tr. 44)**  ***Giải***  Quãng đường Minh đi từ nhà đến trường là:    Thời gian Minh đi từ trường về nhà là:  2 : 12 = 2. =  (Giờ) |

**3.Hoạt động vận dụng**

Treo bảng phụ nội dung các bài tập sau:

**• Bài tập 1:** Hãy chọn kết quả đúng trong các kết quả sau: Số nghịch đảo của

 -  là:

**A.** - 12 **B.** 12 **C.**  **D.** 

**• Bài tập 2:** Bài giải sau đúng hay sai?

 : =  :  +  :  = . + . =  +  = 

Sai vì phép chia không có tính chất phân phối

**Chốt lại:** Không được nhầm lẫn tính chất phép nhân phân số sang phép chia phân số . Phép chia phân số là phép toán ngược của phép nhân phân số.

**4.Hoạt động tìm tòi , mở rộng**

Hai vòi nước A và B cùng chảy vào một bể không có nước . Sau 10 phút người ta đóng vòi B. Hỏi vòi A phải chảy thêm trong bao lâu nữa thì bể đầy nước? Biết rằng một mình vòi A chảy đầy bể trong 45 phút, một mình vòi B chảy đầy bể trong 30 phút.

\*Về nhà

- BTVN: 89; 91 (SGK - Tr. 43, 44); 98; 99; 100; 105; 106; 107; 108 (SBT - Tr. 20, 21)

- Đọc trước bài: Hỗn số - Số thập phân - Phần trăm.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 23/3/2018*** | ***Ngày dạy : 31/3/2018*** |

**Tiết 89:HỖN SỐ. SỐ THẬP PHÂN. PHẦN TRĂM**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh hiểu đư­ợc các khái niệm về hỗn số, số thập phân, phần trăm.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng viết phân số (có giá trị tuyệt đối lớn hơn 1) d­ưới dạng hỗn số và ngư­ợc lại, biết sử dụng đúng kí hiệu phần trăm.

**3/ Thái độ** : Rèn tính cẩn thận,chính xác khi giải toán.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ** (kết hợp trong bài)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Hộp quà may mắn

GV giới luật chơi :

* Có 3 hộp quà mầu xanh, đỏ, tím tương ứng với 3 câu hỏi mỗi bạn được mở 1 hộp quà và trả lời câu hỏi tương ứng , trả lời đúng được một phần qùa trả lời sai bạn khác có quyền trả lời.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi

1 - Em hãy cho ví dụ về hỗn số, số thập phân, phần trăm đã đư­ợc học ở Tiểu học.

2 - Hãy nêu cách viết phân số lớn hơn 1 d­ưới dạng hỗn số.

3 - Ng­ược lại, muốn viết một hỗn số dư­ới dạng một phân số ta làm như­ thế nào?

Đáp án

- Ví dụ : + Hỗn số : 

+ Số thập phân : 0,5 ; 15,23.

+ Phần trăm : 3% ; 50%.

- Muốn viết một phân số lớn hơn 1 d­ưới dạng một hỗn số ta chia tử cho mẫu,

thư­­ơng tìm đư­­ợc là phần nguyên của hỗn số, số d­ là tử của phân số kèm theo còn mẫu giữ nguyên.

- Muốn viết một hỗn số dư­­ới dạng một phân số ta nhân phần nguyên với mẫu rồi cộng với tử, kết quả tìm đư­­ợc là tử của phân số, còn mẫu là mẫu đã cho.

\* GV nhận xét, vào bài

***2.* Hoạt động hình thành kiến thức mới.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Hỗn số(8ph).***  Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành  Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV hư­ớng dẫn học sinh cách viết phân số d­ới dạng hỗn số :  + Thực hiện phép chia  + Vậy  (Đọc là một ba phần t­ư).  HS thực hiện viết theo h­ư­ớng dẫn của GV | **Ví dụ**      PhÇn nguyªn PhÇn ph©n sè |
| GV cho HS làm **.**  Gọi 2 HS lên bảng.  GV: Nhận xét các phân số  ?  HS:  đều lớn hơn 1.  GV: Khi nào thì một phân số viết đư­­ợc  dư­­ới dạng hỗn số ?  HS: - Khi phân số lớn hơn 1.  GV: Ta có thể viết một hỗn số d­ưới dạng một phân số :  GV cho HS làm .  GV giới thiệu :  … cũng là hỗn số. Chúng lần l­ư­ợt là số đối của các hỗn số  .  GV: Viết phân số  dư­ới dạng hỗn số ?  H­ướng dẫn : + Viết  +  GV yêu cầu HS đọc chú ý SGK.  GV: Ngư­­ợc lại  áp dụng : Viết các hỗn số sau dư­­ới dạng phân số : . | **?1 (SGK - Tr. 44)**    .  **?2 (SGK - Tr. 44)**    nên:  nên :  **• Chú ý:** (SGK - 45) |
| ***Hoạt động 2 : Số thập phân(***8ph).  Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành  Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV: Cho .  - Viết các phân số đó d­ư­ới dạng phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10.  GV: Các phân số đó gọi là các phân số thập phân. Vậy phân số thập phân là gì ?  GV gọi vài HS phát biểu. | **• Khái niệm phân số thập phân:** (SGK - Tr. 45)  **• Ví dụ**    - Phân số thập phân là phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10. |
| GV: Các phân số thập phân có thể viết  dư­­ới dạng số thập phân :    GV yêu cầu HS làm tiếp với các phân số    - Nhận xét thành phần của số thập phân?  - Nhận xét số chữ số của phần thập với số chữ số 0 ở mẫu của phân số thập phân?  GV cho HS làm ; | -Sè thËp ph©n gåm hai phÇn :  + PhÇn sè nguyªn viÕt bªn tr¸i dÊu phÈy  + PhÇn thËp ph©n viÕt bªn ph¶i dÊu phÈy.  - Sè ch÷ sè cña phÇn thËp ph©n ®óng b»ng ch÷ sè 0 ë mÉu cña ph©n sè thËp ph©n.  :    : |
| ***Hoạt động 3 : Phần trăm****(7ph).*  Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV: Những phân số có mẫu là 100 còn đ­ược viết dư­­ới dạng %  ví dụ :    GV cho HS làm | HS làm bài  : |

***3.Hoạt động luyện tập***

Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm,

Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não,chia nhóm

Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.hợp tác, giao tiếp.

Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| Gv:Treo bảng phụ nội dung bài tập: Nhận xét cách viết sau (Đúng hoặc sai, nếu sai hãy sửa thành đúng)  HS:Thảo luận nhóm  a) - 3 = - 3 +  b) - 2 = - 2 +  c) 10,234 = 10 + 0,234  d) - 2,013 = - 2 + (- 0,013)  e) - 4,5 = - 4 + 0,5 | **• Bài tập chép**  ***Giải***  a) Sai. Sửa lại: - 3 = - 3 +  b) Đúng  c) Đúng  d) Đúng  e) Sai. Sửa lại: - 4,5 = - 4 + (- 0,5) |

**4*.*Hoạt động vận dụng**

- Cho HS nhắc lại các khái niệm về hỗn số, số thập phân, phần trăm.

*GV: Chốt lại:* Qua tiết học này ta thấy với một phân số lớn hơn 1 có thể viết được dưới dạng hỗn số, dưới dạng số thập phân và phần trăm.

- Các em hãy trả lời câu hỏi trong khung dưới đầu bài “Có đúng là  = 2 = 2,25 = 225% không ”?

HS:Đúng vì  = 2 = 2,25 =  = 225%

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Học bài.

- Làm các bài tập từ 94 đến 98 (sgk46) và các bài tập từ 195 ;197;201;206 (SBT/46).

- Hư­ớng dẫn bài 96/sgk : So sánh  và .

Cách 1: So sánh bình thư­ờng.

Cách 2 : 

- Phần nguyên bằng nhau, phần phân số nào lớn hơn thì phân số đó lớn hơn.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 25/3/2018*** | ***Ngày soạn : 2/4/2018*** |

**Tiết 90: LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức**: Học sinh biết cách thực hiện các phép tính đối với hỗn số, biết tính nhanh khi cộng hoặc nhân hỗn số.

**2/ Kĩ năng**: Học sinh đ­ược rèn kĩ năng về viết hỗn số d­ưới dạng phân số và

ngư­ợc lại, viết phân số dư­ới dạng số thập phân và dùng kí hiệu % (ngư­ợc lại viết các % dư­ới dạng số thập phân).

**3/ Thái độ** : Rèn tính cẩn thận chính xác khi làm toán. Rèn tính nhanh và t­ duy sáng tạo khi giải toán.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

# \* Kiểm tra bài cũ (kết hợp trong bài)

Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi :

1. Định nghĩa phân số thập phân ? Nêu thành phần của số thập phân ? Viết các phân số sau dưới dạng phân số thập phân, số thập phân và phần trăm:  ; .

***\* Đáp án***

*• Phân số thập phân:*Phân số thập phân là phân số mà mẫu là luỹ thừa của 10.

Thành phần của số thập phân: Gồm hai phần

+ Phần số nguyên viết bên trái dấu phẩy.

+ Phần thập phân viết bên phải dấu phẩy

**•**  =  = 0,4 = 40% ;  =  = 0,15 = 15%

***2.* Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành  Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,  Phẩm chất**:** Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| **Dạng 1: Cộng hai hỗn số.**  **Bài 99 (sgk/47).**  - Bạn Cư­ờng đã tiến hành cộng hai phân số nh­ thế nào?  - Có cách nào tính nhanh hơn không?  HS:Hoạt động nhóm để thực hiện câu b  - Muốn cộng hai hỗn số ta làm thế nào ?  HS:Muốn cộng hai hỗn số ta cộng phần nguyên với nhau, cộng phần phân số với nhau. Sau đó cộng kết quả lại.  **Dạng 2: Nhân, chia hỗn số.**  **Bài 102 (sgk/47).**  Treo bảng phụ: Bạn Hoàng làm phép nhân 4.2 như sau:  4.2 = . =  = 8  Có cách nào tính nhanh hơn không ? Nếu có, hãy giải thích cách làm đó ?  HS:Trả lời  - Có cách nào tính nhanh hơn không?  GV:Làm bài tập101 (SGK - Tr. 47)  Gợi ý: Thực hiện phép nhân hoặc chia hai hỗn số bằng cách viết hỗn số dưới dạng phân số  2 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở - Nhận xét  **Dạng 3: Tính giá trị biểu thức.**  **Bài 100 (sgk/47).**  GV gọi 2 HS lên bảng, cả lớp làm vào vở.  Hai hs lên bảng làm bài 100/sgk : | **Bài 99 (sgk/47).**  a)  -Bạn Cư­ờng đã viết hỗn số d­ưới dạng phân số rồi tiến hành cộng hai phân số khác mẫu.  b)      **Bài 102 (sgk/47).**  C2:    **• Bài tập 101** (SGK - Tr. 47)  ***Giải***  a) 5. 3 = .  =  =  = 20  b) 6:4 = : =  =  =  = 1  **Bài 100 (sgk/47).** |
| **Bài 103 (sgk/47).**  GV: Khi chia một số cho 0,5 ta chỉ việc nhân số đó với 2. Ví dụ: 37 : 0,5 = 37.2 = 74; 102 : 0,5 = 102.2 = 204  - Hãy giải thích tại sao lại làm như vậy?  HS:  GV: Tương tự khi chia a cho 0,25 ; Cho 0,125 ta làm thế nào ?  a : 0,25 = a :  = a.4  a : 0,125 = a :  = a.8  Cho ví dụ minh hoạ  *GV:Chốt lại:* Cần phải nắm vững cách viết một số thập phân ra phân số và ngược lại. Một vài số thập phân thường gặp mà được biểu diễn dưới dạng phân số đó là: 0,25 =  ; 0,5 =  0,75 =  ; 0,125 = . Để thành thạo các bài tập về viết các phân số dưới dạng số thập phân rồi dùng kí hiệu % và ngược lại  GV:Cho HS hoạt động nhóm đồng thời hai bài tập 104 và 105 (SGK - Tr. 47)  - Để viết một phân số dưới dạng số thập phân, phần trăm ta làm thế nào ?  HS:Ta có thể viết phân số đó dưới dạng phân số thập phân, rồi chuyển dưới dạng số thập phân, phần trăm  GV:Ta có thể làm cách khác như sau: Chia tử cho mẫu  Ví dụ:  = 7 : 25 = 0,28 | **Bài 103 (sgk/47).**  a) Khi chia một số cho 0,5 ta chỉ việc nhân số đó với 2.  37 : 0,5 = 37.2 = 74  Vì 37 : 0,5 = 37 :  = 37.2 = 74  102 : 0,5 = 102.2 = 204  Vì 102 : 0,5 = 102 :  = 102.2 = 204  **Tổng quát:** a : 0,5 = a :  = a.2 ( a ∈ Z)  b) a : 0,25 = a :  = a.4  a : 0,125 = a :  = a.8  **Ví dụ:** 32 : 0,25 = 32.4 = 128  124 : 0,125 = 124. 8 = 992  **• Bài tập 104** (SGK - Tr. 47)  ***Giải***  =  = 0,28 = 28%  = 4,75 = 475%  = 0,4 = 4%  **• Bài tập 105** (SGK - Tr. 47)  ***Giải***  7% =  = 0,07 ; 45% =  = 0,45  216% =  = 2,16 |

**3.Hoạt động vận dụng**

Một người đi xe máy từ A đến B với vận tốc trung bình km/h hết 3,2 giờ.Lúc về người ấy đi với vận tốc trung bình 40km/h. Tính thời gian người ấy đi từ B về A.

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Ôn lại các dạng bài tập vừa làm.

- Làm các bài tập còn lại trong sgk/47 và các bài tập từ 207 đến 211 (SBT/46)

.......................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 26/3/2018*** | ***Ngày soạn : 3/4/2018*** |

**Tiết 91: LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ VÀ**

**SỐ THẬP PHÂNVỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH CASIO HOẶC MÁY TÍNH NĂNG T­ƯƠNG Đ­ƯƠNG**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : HS đư­ợc củng cố tính tổng (hiệu) hai hỗn số, phân số thập phân, số thập phân.

**2/ Kĩ năng** :

- HS đ­ược rèn luyện kĩ năng về thực hiện các phép tính về phân số và số thập phân.

- HS luôn tìm đư­ợc các cách khác nhau để tính tổng hoặc hiệu hai phân số.

**3/ Thái độ** : Học sinh biết vận dụng linh hoạt sáng tạo các tính chất của phép tính và quy tắc dấu ngoặc để tính giá trị biểu thức một cách nhanh nhất.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ(**Kết hợp trong giờ)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Hộp quà may mắn

GV giới luật chơi :

* Có 3 hộp quà mầu xanh, đỏ, tím tương ứng với 3 câu hỏi mỗi bạn được mở 1 hộp quà và trả lời câu hỏi tương ứng , trả lời đúng được một phần qùa trả lời sai bạn khác có quyền trả lời.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi

1 - Em hãy cho ví dụ về hỗn số, số thập phân, phần trăm đã đư­ợc học ở Tiểu học.

2 - Hãy nêu cách viết phân số lớn hơn 1 d­ưới dạng hỗn số.

3 - Ng­ược lại, muốn viết một hỗn số dư­ới dạng một phân số ta làm như­ thế nào?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Luyện tập các phép tính về phân số.***  Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm,  Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não,chia nhóm  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.hợp tác, giao tiếp.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| **Bài 106 (sgk/48).**  Gv:Treo bảng phụ nội dung bài 106: Hoàn thành các phép tính  - Để thực hiện bài tập trên ở bước thứ nhất em phải làm công việc gì ?  Hs: Quy đồng mẫu số  - Em hãy hoàn thành bước quy đồng mẫu các phân số này?  1 HS lên bảng. Cả lớp làm vào vở.  Gv:Hãy dựa vào cách trình bày mẫu ở bài 106 để làm bài tập 107 (SGK - Tr. 48)  Hs:4 em lên bảng - Dưới lớp làm vào vở Hs:Nhận xét bài làm  **Bài 108 (sgk/49).**  GV chia lớp thành hai nhóm thảo luận sau đó gọi đại diện nhóm lên trình bày.  HS: đại diện nhóm lên trình bày bài giải  Các nhóm khác nhận xét.  Gv nhận xét, chốt. | **Bài 106 (sgk/48).**    **• Bài tập 107** (SGK - Tr 48)  ***Giải***  a)  +  -  =  =  =  b)  +  -  =  =  c)  =  = -  = - 1  d)  =  =  **Bµi 108 (sgk/49).**  a/ TÝnh tæng :  C¸ch 1:    C¸ch 2:    b/ TÝnh hiÖu :  C¸ch 1:    Cách 2: |
| ***Hoạt động 2 : Dạng toán tìm x.***  Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| **Bài tập.** Tìm x, biết :  a) 0,5 . x -  b)  Gv:Hãy nêu cách làm | a) 0,5 . x - |
| HS:Lên bảng - Dưới lớp làm vào vở  Gv: nhận xét, chốt kiến thức | b) |

**3.Hoạt động vận dụng**

Lớp 6A có 42 HS được chia làm 3 loại: Giỏi, khá, Tb. Biết rằng số HSG bằng 1/6 số HS khá, số HS Tb bằng 1/5 tổng số HS giỏi và khá. Tìm số HS của mỗi loại.

*Hướng dẫn:*

Gọi số HS giỏi là x thì số HS khá là 6x,

số học sinh trung bình là (x + 6x).

Mà lớp có 42 học sinh nên ta có: 

Từ đó suy ra x = 5 (HS)

Vậy số HS giỏi là 5 học sinh.

Số học sinh khá là 5.6 = 30 (học sinh)

Số học sinh trung bình là (5 + 30): 5 = 7 (HS)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Cho: A= và B=. So sánh A và B

**\*Về nhà**

- Xem lại các bài tập đã chữa.

- Làm các bài tập 107, 109, 110(c, d) ; 111 (sgk/48 + 49).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn :30 /3/2018*** | ***Ngày dạy :7/4/2018*** |

***Tiết 92:*LUYỆN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ VÀ**

**SỐ THẬP PHÂN VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH CASIO HOẶC MÁY TÍNH NĂNG T­ƯƠNG Đ­ƯƠNG**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Thông qua tiết luyện tập học sinh được củng cố và khắc sâu các kiến thức về cộng trừ nhân chia số thập phân.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng vận dụng linh hoạt kết quả đã có và tính chất của các phép toán để tìm được kết quả mà không cần tính toán.

**3/ Thái độ** : Qua giờ luyện tập nhằm rèn cho học sinh về quan sát, nhận xét đặc điểm các phép tính về số thập phân và phân số.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** : Dụng cụ học tập - Ôn tập phép chia phân số.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**( Kết hợp trong bài)

**\* Khởi động**

Gv cho hs hái hoa dân chủ trả lời câu hỏi

Câu 1. Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước kết quả đúng :

Số nghịch đảo của - 3 là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3 | B. - 3 | C. | D. |

Câu 2. Làm bài 111 (sgk/49).

Đáp án

Câu 1. Chọn D.  (Giải thích : vì - 3 .  = 1).

Câu 2. Làm bài tập : Số nghịch đảo của  là 

Số nghịch đảo của  (hay ) là 

Số nghịch đảo của  là - 12

Số nghịch đảo của 0,31  là .

\* GV nhận xét , vào bài.

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, HĐ nhóm.*  *- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.*  **-** *Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác.*  *- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự c* | |
| **Bài 112 (sgk/49).**  GV đưa đề bài lên bảng phụ.  GV chia hs lớp thành bốn nhóm thảo luận, mỗi nhóm làm một ý.  Hoạt động nhóm với các yêu cầu sau: Quan sát, nhận xét và vận dụng tính chất của các phép tính để ghi kết quả vào ô trống ?  Sau đó gọi đại diện các nhóm lên bảng trình bày.  Đại diện trả lời và giải thích vì sao  GV nhận xét, sửa sai (nếu có).  **Bài 113 (sgk/50).**  Hoàn toàn tương tự bài 112, GV gọi ba hs lên bảng làm, hs dưới lớp làm vào vở.  Ba hs lên bảng làm, mỗi hs làm một ý :  **Bài 114 (sgk/50).** Tính :    - Em có nhận xét gì về bài tập trên ?  (HS : Bài tập trên gồm các phép tính cộng trừ, nhân, chia số thập phân, phân số và hỗn số. Biểu thức trên còn có dấu ngoặc).  - Hãy đổi số thập phân, hỗn số ra phân số rồi thực hiện phép tính.  GV gọi 1 hs lên bảng làm.  Một hs lên bảng làm bài :  GV cho hs lớp nhận xét.  GV nhấn mạnh :  + Thứ tự thực hiện phép tính.  + Rút gọn phân số nếu có về dạng phân số tối giản trước khi thực hiện phép tính cộng, trừ phân số.  + Trong mọi bài toán phải nghĩ đến tính nhanh (nếu được).  GV: Tại sao trong bài tập 114 ta không đổi các phân số ra số thập phân?  HS : Vì trong dãy tính có  và  khi đổi ra số thập phân cho ta kết quả gần đúng. Vì vậy không nên làm theo cách này. | **Bài 112 (sgk/49).**  Nhãm 1 : (36,05 + 2678,2) + 126  = 36,05 + (2678,2 + 126)  = 36,05 + 2804,2 (theo a)  = **2840,25** (theo c)  Nhãm 2 : (126 + 36,05) + 13,214  = 126 + (36,05 + 13,214)  = 126 + 49,264 (theo b)  = **175,264** (theo d)  Nhãm 3 : (678,27 + 14,02) + 2819,1  = (678,27 + 2819,1) + 14,02  = 3497,37 + 14,02 (theo e)  = **3511,39** (theo g)  Nhãm 4 :  3497,37 - 678,27 = **2819,1** (theo e)  **Bài 113 (sgk/50).**  a. (3,1 . 47) . 39 = 3,1 . (47 . 39)  = 3,1 . 1833  = 5682,3  b. (15,6 . 5,2). 7,02 = (15,6 . 7,02). 5,2  = 109,512 . 5,2  = 569,4624  c.  5682,3 : (3,1 . 47) = (5682,3 : 3,1) : 47  = 1833 : 47  = 39  **Bài 114 (sgk/50).** Tính : |

**3.Hoạt động vận dụng**

**Bài tập:** Lúc 6 giờ 50 phút bạn Việt đi xe đạp từ A đến B với vận tốc 15 km/h. Lúc 7 giờ 10 phút bạn Nam đi xe đạp từ B đến A với vận tốc 12 km/h/ Hai bạn gặp nhau ở C lúc 7 giờ 30 phút. Tính quãng đường AB.

*Hướng dẫn*

Thời gian Việt đi là:

7 giờ 30 phút – 6 giờ 50 phút = 40 phút =  giờ

Quãng đường Việt đi là:

=10 (km)

Thời gian Nam đã đi là:

7 giờ 30 phút – 7 giờ 10 phút = 20 phút =  giờ

Quãng đường Nam đã đi là  (km)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Ôn lại các kiến thức đã học từ đầu chương III.

- Tiết sau kiểm tra một tiết.

1/ Tính :

a/ (1,11 + 0,19 - 2,6) : (2,06 + 0,54) -  : 2

b/ 

2/ Tính bằng hai cách :

a/  b/ 

c/  d/ 

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 2/4/2018*** | ***Ngày dạy : 10/4/2018*** |

**Tiết 93: KIỂM TRA CHƯ­ƠNG III**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Cung cấp thông tin nhằm đánh giá mức độ nắm vững một cách hệ thống về phân số (phân số bằng nhau ; rút gọn phân số ; cộng, trừ, nhân, chia phân số). Nắm vững và hiểu khái niệm phân số, hỗn số, số thập phân, phần trăm.

**2/ Kĩ năng** : Cung cấp thông tin về mức độ thành thạo kĩ năng tính đúng, nhanh, vận dụng linh hoạt các định nghĩa, tính chất vào giải toán nhất là giải toán về phân số.

**3/ Thái độ** :Rèn luyện tính kiên trì, linh hoạt, cẩn thận, chính xác, các phán đoán và lựa chọn phương pháp hợp lí.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II. HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Kết hợp trắc nghiệm và tự luận(TN 50%;TL 50%)

**III.MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Cấp độ    Chủ đề | Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | | | | | | Tổng |
| Cấp độ  thấp | | Cấp  độ cao | | | | |  |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | | TL | | |  |
| Phân số.  Phân số bằng nhau.  Tính chất cơ bản của phân số. | - Nhận dạng  đ­ược phân số, các phân số bằng nhau. | | - Biết từ tích a.d = b.c (với b, d khác 0) suy ra  và ng­ược lại từ  suy ra  đ­ưîc a.d = b.c. | | - Vận dụng khái niệm phân số bằng nhau để tìm thành phần ch­a biết.  - Vận dụng tính chất cơ bản của phân số để viết một phân số có mẫu âm thành một phân số bằng nó có mẫu  d­ương. | | | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | C1  0,25 |  | C2,14  0,5 |  | C3 ; 11  0,5 |  | C13  0,25 | | | |  | 6  1,5  15 |
| Rút gọn phân số,phân số tối giản. Quy đồng mẫu số nhiều phân số.So sánh phân số. |  | | - Hiểu đư­ợc phân số tối giản. | | - Vận dụng đ­ưîc tÝnh chÊt c¬ b¶n  cña ph©n sè ®Ó rót gän ph©n sè, quy ®ång mÉu nhiÒu ph©n sè, so s¸nh ph©n sè. | | | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | C4,19  0,5 |  | C10,20  0,5 | C21  0,5 | |  | |  | | 5  1,5  15 |
| Các phép tính  về phân số. | - Nhận biết  đư­ợc số đối, số nghịch đảo của một phân số. | |  | | - Vận dụng đư­ợc các quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số vào giải bài tập. | | | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ | C5,17  0,5 |  | C16,18  0,5 |  | C6 ;7,15  0,75 | C22 ; 23a, b  2,5 |  | | | | C25  1 | 10  5,25  52,5 |
| Hỗn số. Số thập  phân.  Phần trăm. |  | | - Viết đ­ược một phân số  dư­ới dạng hỗn số, số thập phân, phần trăm và ng­ược lại. | | - Làm đúng dãy các phép tính với phân số, hỗn số, số thập phân trong trư­êng hîp ®¬n gi¶n. | | | | | | |  |
| Số câu  Số điểm  Tỉ lệ |  |  | C8 ; 9 ; 12  0,75 |  |  | C16  1 |  | | |  | | 4  1,6  16 |
| Tổng số câu  Tổng số điểm  Tỉ lệ | 3  0,75  7,5 |  | 9  2,25  22,5 |  | 7  1,75  14 | 4  4  70 | 1  0,25  2,5 | | | 1  1  10 | | 25  10  100 |

**b.ĐỀ BÀI:**

**ĐỀ CHẴN**.

**I,Trắc nghiệm:(5 điểm).**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

**Câu 1**.  là một phân số, nếu có :

|  |  |
| --- | --- |
| A. a, b  **N** | B. a, b  **Z** |
| C. a, b  **N** ; b  0 | D. a, b  **Z** ; b  0 |

**Câu 2**. Từ đẳng thức a . d = b . c (với a, b, c, d  Z\*), ta lập được bao nhiêu cặp phân số bằng nhau ? Hãy chọn phương án đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 4 | B. 3 | C. 2 | D. 1 |

**Câu 3**. Viết một phân số có mẫu âm thành một phân số bằng nó có mẫu dương.

Trong các cách viết sau, cách viết đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 4**. Phân số  tối giản, nếu có :

|  |  |
| --- | --- |
| A. a và b là hai số nguyên tố cùng nhau. | B. và  là hai số nguyên tố cùng nhau. |
| C.  và b là hai số nguyên tố cùng nhau. | D. a vµ  lµ hai sè nguyªn tè cïng nhau. |

**Câu 5**. Chỉ ra cặp số nghịch đảo của nhau trong các cặp số sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.  và | B.  và | C.  và | D.  và |

**Câu 6**. Tính nhanh giá trị của biểu thức  ta được kết quả là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. 1 | C. – 1 | D. 0 |

**Câu 7**. Kết quả của phép tính  là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 8**. Viết hỗn số  dưới dạng phân số theo cách :

|  |  |
| --- | --- |
| A. | B. |
| C. | D. |

**Câu 9**. Chỉ ra cách viết đúng trong các cách viết sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 45 = 0,45 | B. 116 = 0,116 | C. 7 = 0,7 | D. 190 = 0,19 |

**Câu 10**. Chọn câu đúng với các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.

|  |  |
| --- | --- |
| A.  >  >  >  >  > | B.  >  >  >  >  > |
| C.  >  >  >  >  > | D.  >  >  >  >  > |

**Câu 11**. Tìm x  Z, biết : . Chọn kết quả đúng :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 16 | B. 16 | C. 4 | D. - 4 |

**Câu 12**. 3 giờ 30 phút được viết dưới dạng số thập phân với đơn vị giờ là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3,3 | B. 3,5 | C. 3,2 | D. 3,6 |

**Caâu 13**: Cho bieåu thöùc  vôùi n nguyeân. Ñeå M laø phaân soá thì:

A. n phaûi baèng 3 B. n phaûi khaùc 3

C. n phaûi nhoû hôn 3 C. n phaûi lôùn hôn 3

**Caâu 14**: Cho bieát . Soá x thích hôïp laø:

A. x = 20 B. x = 63 C.x = -20 D. x = 57

**Caâu 15**: Keát quaû cuûa pheùp tröø laø:

A.  B.  C.  D. 

**Caâu 16**: Keát quaû cuûa pheùp chia: -5 :  laø:

A.  B. 10 C. -10 D. 

**Caâu 17**: Coù ngöôøi noùi:

A. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø 1 B. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø –1

C. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø caû hai soá 1 vaø –1 D. Khoâng coù soá nghòch ñaûo cuûa –1

**Caâu 18**: Keát quaû cuûa pheùp chia  laø:

A.  B.  C.  D. 

**Caâu 19**: Phaân soá nhoû nhaát trong caùc phaân soá sau: ;  ;  ;  laø:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 20** : Biết  thì x bằng:

A.  B.  C.  D. 1

**II, Tự luận :(5 điểm).**

**Câu 21 (0,5 điểm)**.

So sánh :  và .

**Câu 22 (0,5điểm)**. Tìm x, biết : 

**Câu 23 (2 điểm)**. Tính.

a)  b) 

**Câu 24 (1 điểm)**. Tính giá trị của biểu thức :

A = 

**Câu 17 (1 điểm)**.Tính tổng

A =

**ĐỀ LẺ**.

**I, Trắc nghiệm:(5 điểm).**

***Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.***

**Caâu 1** : Cho bieåu thöùc  vôùi n nguyeân. Ñeå M laø phaân soá thì:

A. n phaûi baèng 3 B. n phaûi khaùc 3

C. n phaûi nhoû hôn 3 C. n phaûi lôùn hôn 3

**Caâu 2**: Cho bieát . Soá x thích hôïp laø:

A. x = 20 B. x = -20 C. x = 63 D. x = 57

**Caâu 3**: Keát quaû cuûa pheùp tröø laø:

A.  B.  C.  D. 

**Caâu 4**: Keát quaû cuûa pheùp chia: -5 :  laø:

A.  B. –10 C. 10 D. 

**Caâu 5**: Coù ngöôøi noùi:

A. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø 1 B. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø –1

C. Soá nghòch ñaûo cuûa –1 laø caû hai soá 1 vaø –1 D. Khoâng coù soá nghòch ñaûo cuûa –1

**Caâu 6**: Keát quaû cuûa pheùp chia  laø:

A.  B.  C.  D. 

**Caâu 7**: Phaân soá nhoû nhaát trong caùc phaân soá sau: ;  ;  ;  laø:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 8** : Biết  thì x bằng:

A.  B.  C.  D. 1

**Câu 9**.  là một phân số, nếu có :

|  |  |
| --- | --- |
| A. a, b  **N** | B. a, b  **Z** ; b  0 |
| C. a, b  **Z** | D. a, b  **N** ; b  0 |

**Câu 10**. Từ đẳng thức a . d = b . c (với a, b, c, d  Z\*), ta lập được bao nhiêu cặp phân số bằng nhau ? Hãy chọn phương án đúng.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 1 | B. 2 | C. 3 | D. 4 |

**Câu 11**. Viết một phân số có mẫu âm thành một phân số bằng nó có mẫu dương.

Trong các cách viết sau, cách viết đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu12**. Phân số  tối giản, nếu có :

|  |  |
| --- | --- |
| A.  và  là hai số nguyên tố cùng nhau. | B. a và  là hai số nguyên tố cùng nhau. |
| C. a và b là hai số nguyên tố cùng nhau. | D.  và b là hai số nguyên tố cùng nhau. |

**Câu 13**. Chỉ ra cặp số nghịch đảo của nhau trong các cặp số sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A.  và | B.  và | C.  và | D.  và |

**Câu 14**. Tính nhanh giá trị của biểu thức  ta được kết quả là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 1 | B. 0 | C. | D. 1 |

**Câu 15**. Kết quả của phép tính  là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 16**. Viết hỗn số  dưới dạng phân số theo cách :

|  |  |
| --- | --- |
| A. | B. |
| C. | D. |

**Câu 17**. Chỉ ra cách viết đúng trong các cách viết sau :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 190 = 0,19 | B. 45 = 0,45 | C. 116 = 0,116 | D. 7 = 0,7 |

**Câu 18**. Chọn câu đúng với các phân số được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến nhỏ.

|  |  |
| --- | --- |
| A.  >  >  >  >  > | B.  >  >  >  >  > |
| C.  >  >  >  >  > | D.  >  >  >  >  > |

**Câu 19**. Tìm x  Z, biết : . Chọn kết quả đúng :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. - 16 | B. - 4 | C. 4 | D. 16 |

**Câu 20**. 3 giờ 30 phút được viết dưới dạng số thập phân với đơn vị giờ là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 3,2 | B. 3,3 | C. 3,5 | D. 3,6 |

**II, Tự luận:(5 điểm).**

**Câu 21 (0,5 điểm)**.

So sánh :  và .

**Câu 22 (0,5điểm)**. Tìm x, biết : 

**Câu 23 (2 điểm)**. Tính.

a)  b) 

**Câu 24 (1điểm)**. Tính giá trị của biểu thức :

A = 

**Câu 25 (1 điểm)**.Tính tổng

A =

**c. ĐÁP ÁN - BIỂU ĐIỂM** :

***Mỗi câu khoanh đúng được 0,25 điểm.***

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đề chẵn | D | A | B | B | A | D | C | B | A | C |
| Đề lẻ | B | C | B | C | D | A | B | A | B | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đề chẵn | D | B | B | C | B | C | D | A | B | A |
| Đề lẻ | A | A | D | B | A | C | B | A | B | C |

**II, Tự luận (6 điểm)**

***(Nếu hs không làm giống đáp án nhưng đúng thì vẫn cho đủ số điểm đã quy định).***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Câu |  | Đáp án | Điểm |
| 21  (0,5 đ) | a | So sánh :  và .  ;  <    < | 0,5 đ |
| 22  (0,5đ) |  | | 0,5  0,25  0,25  0,25 |
| 23  (2 đ) | a |  | 0,5  0,25  0,25 |
| b |  | 1 |
| 24  (1đ) | Tính giá trị của biểu thức :  A =  A =  A =  A = | | 0,5  0,25  0,25 |
| 25  (1đ) | A =  A = .  A = . = | | 0, 5  0, 5 |

**\*. Dặn dò**

- Nghiên cứu trước bài “ Tìm giá trị phân số của một số cho trước”

………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /4/2018*** | ***Ngày dạy : /4/2018*** |

**Tiết 94 : TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh nhận biết và hiểu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**2/ Kĩ năng :** Có kĩ năng vận dụng quy tắc đó để tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**3/ Thái độ** : Có ý thức áp dụng quy tắc này để giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ** (Kết hợp trong bài)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Nhóm nào nhanh hơn ?

Nối phép tính ở cột bên trái với giá trị của nó ở cột bên phải trong bảng sau :

|  |  |
| --- | --- |
| Phép tính | Kết quả |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Ví dụ (15ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV cho hs đọc ví dụ (sgk/50), một hs đọc to trước lớp.  - Đề bài cho ta biết điều gì và yêu cầu tính gì ?  HS:Tóm tắt bài toán?  - Muốn tìm số hs thích đá bóng ta phải tìm  của 45 hs. Muốn vậy, ta phải nhân 45 với .  Gọi HS đứng tại chỗ làm.  HS:thực hiện | **1**, **Ví dụ:**  **Tóm tắt**  Tổng số học sinh là : 45 em  số học sinh thích đá bóng.  60% thích đỏ cầu.  thích chơi bóng bàn.  thích chơi bóng chuyền.  -Tính số học sinh thích đá bóng, đá cầu, bóng bàn, bóng chuyền ?  ***Giải*** :  Số học sinh thích đá bóng là :  45 .  = 30 (em)  Số học sinh thích đá cầu là :  45 . 60% = 45 .  = 27 (em).  Sè häc sinh thÝch ch¬i bãng bµn lµ :  45 .  = 10 (em)  Sè häc sinh thÝch ch¬i bãng chuyÒn lµ :  45 . = 12 (em) |
| GV: Cách làm đó gọi là tìm giá trị phân số của một số cho trước.  - Vậy muốn tìm giá trị phân số của một số cho trước ta làm thế nào ?  -Muốn tìm giá trị phân số của một số cho trước ta lấy số cho trước nhân với phân số đó.  GV: muốn tìm  của số b cho trước ta làm thế nào? | **Tổng quát**  - Muèn t×m  cña sè b cho tr­íc ta lÊy b .  (m, n  N, n  0). |
| ***Hoạt động 2 : Quy tắc- Luyện tập vận dụng qui tắc(28ph)***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV gọi một vài hs đọc quy tắc (sgk/51).  GV: Tính  của 14 ?  HS:Thực hiện.  GV yêu cầu hs làm bài  sgk. | **2**, **Quy tắc:** (sgk/51).  14 . = 6  Vậy  của 14 bằng 6.    a/  b/  (tÊn)  c/ 1 . 0,25 = 1 .  =  (h) |

**3/ Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| Tương tự, GV cho hs làm bài 115 sgk/51.  GV cho hs làm bài 116 (sgk/51).  Gọi hs đứng tại chỗ tính :  +) 16 % của 25  +) 25 % của 16  So sánh :  Sau đó GV hướng dẫn hs làm ý a.  a) 84 % của 25.  Gọi hs lên bảng làm ý b.   1. 48% của 50.   GV nhận xét chốt kiến thức | **Bài 115 (sgk/51).**  a/  b/  c/  d/  **Bài 116 (sgk/51).**  25. 16% = 25. = 4  16. 25% = 16.  = 4  Vậy 25. 16% = 16. 25%  a) 25 . 84% = 25% . 84 =  = 21  b) 50 . 48% = 50% . 48 =  . 48 = 24. |

**4.Hoạt động vận dụng**

Bạn Lan có 45 cái kẹo,Lan cho bạn Hải số kẹo , cho bạn Mai 20% số kẹo của mình.Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

GV cho HS thực hiện

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Em hãy tìm hiểu qua tài liệu, qua Internet: Một quả trứng gà thường nặng khoảng bao nhiêu gam;mỗi thành phần của nó như vỏ, lòng trắng, lòng đỏ chiếm bao nhiêu phần trăm khối lượng của nó và tác dụng của trứng gà.

\*Về nhà:

- Học thuộc lí thuyết.

- Làm các bài tập từ 117 đến 120 (sgk/51 + 52) và các bài tập từ 218 đến 222 (SBT/49).

- Tiết sau luyện tập.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 9/4/2018*** | ***Ngày dạy : 17/4/2018*** |

**Tiết 95:** **LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh được củng cố và khắc sâu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng thành thạo tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**3/ Thái độ** : Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các bài tập mang tính thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

- GV nêu yêu cầu kiểm tra :

Câu 2. Làm bài 118 (sgk/52).

- hs lên bảng kiểm tra :

Bài 118/sgk/52.

a) 21 .  = 9 (viên)

b) 21 - 9 = 3 (viên)

- GV nhận xét và cho điểm.

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi : Nêu quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV:Gọi 3HS lên làm bài 115 (SGK-51)  3HS lên bảng thực hiện  Cả lớp cùng theo dõi  GV:Cho hs làm bài 118(SGK,52)  - Đọc nội dung đề bài?  - Tìm số bi của Dũng?  - Tìm số bi của Tuấn?  HS: thực hiện  GV:Cho học sinh đọc đầu bài 119? Bạn An nói có đúng không ?  GV YCHS hoạt động nhóm  HS: Thảo luận nhóm  GV:Hướng dẫn học sinh sử dụng máy tính bỏ túi để tìm giá trị phân số của một số cho trước  VD : Tìm 9% của 70 lấy 70.9 ấn nút % ra kết quả  HS:áp dụng làm bài 120 (52-SGK)  GV:Gọi HS đọc tóm tắt bài 121 ( 53-SGK)  Quãng đường từ HN-HP: 120 km xe lửa xuất phát từ HN đi được quãng đường  Xe lửa cách Hải Phòng bao nhiêu km?  Gọi 1HS lên trình bày bài giải?  HS:thực hiện  Gv: nhận xét, chốt kiến thức  **Bài 122 (sgk/53).**  HS đọc đề bài 122/sgk.  - Để tìm khối lượng hành em làm thế nào ?  HS: Tìm 5% của 2kg.  - Thực chất bài toán này thuộc loại toán gì ?  - Tìm giá trị phân số của một số cho trước.  Số cho trước là 2.  - Xác định phân số và số cho trước?  - Phân số 5% =  Yêu cầu hs tính  GV:Tương tự, gọi 2 hs đứng tại chỗ tính khối lượng đường và muối. | **Bài 115 (SGK-51)**  a) Tìm  của 8,7  8,7 . =  b) Tìm  của  .=  c) Tìm của  .  =  **Bài 118 ( SGK-52)**  *Giải*  a) Số bi của Dũng là của 21  21.  = 9 ( viên bi )  b)Số bi còn lại của Tuấn là:  21 - 9 = 12 (viên bi)  **Bài 119 ( 52-SGK)**  *Giải*  ( .) : = ( :) . = 1 .  =  Vậy An nói đúng  **Bài 120 (SGK-52)**   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Phép tính | Nút ấn | Kết quả | | Tìm 9% của 70  Tìm 6% của 87  Tìm 12% ,26% 35% của 1500  Tìm 28% của 1200 của 4500 của 6800 | 70.9%  87.6%  1500. 12%  1500.26%  1500.35%  28.1200%  28.4500%  28.6800% | 6,3  5,22  180  390  525  336  1260  1904 |   **Bài 121 (SGK-53)**  *Giải*  Xe lửa xuất phát từ Hà Nội đã đi được quãng đường là :  102 .  = 61,2 (km)  Vậy xe lửa còn cách Hải phòng là  102 – 61,2 = 40,8 (km)  Đáp số : 40,8 km  **Bài 122 (sgk/53).**  Khối lượng hành là :  2 . 5% = 2 .  = 0,1 (kg)  Khối lượng đường cần dùng là :  2 .  = 0,002 (kg)  Khối lượng muối cần dùng là :  2 .  = 0,15 (kg) |

**3.Hoạt động vận dụng**

Một miếng đất hình chữ nhật dài 220m, chiều rộng bằng ¾ chiều lài. Người ta trông cây xung quanh miếng đất, biết rằng cây nọ cách cây kia 5m và 4 góc có 4 cây. Hỏi cần tất cả bao nhiêu cây?

*Hướng dẫn:*

Chiều rộng hình chữ nhật:  (m)

Chu vi hình chữ nhật: (m)

Số cây cần thiết là: 770: 5 = 154 (cây)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Bác An có 30 500 000 đồng, bác dùng 35% số tiền đó mua xe cho con gái đi học, số tiền bác gủi tiết kiệm và số tiền còn lại bác mua sắm đồ dùng. Em hãy tính số tiền mà bác An dùng cho mỗi việc

**\*Về nhà**

- Ôn lại bài.

- Làm bài tập 125/sgk và các bài tập từ 223 đến 227 (SBT).

- Mang máy tính bỏ túi tiết sau thực hành.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 13/4/2018*** | ***Ngày dạy : 21/4/2018*** |

**Tiết 96: LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Tiếp tục củng cố các quy tắc tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**2/ Kĩ năng :** Rèn kĩ năng đổi đơn vị đo thời gian, kĩ năng giải bài toán tìm giá trị phân số của một số cho trước.

**3/ Thái độ** :Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các bài tập mang tính thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ ( Kết hợp trong bài)**

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi :

- Phát biểu quy tắc tìmgiá trị phân số của một số cho trước ?

- Tìm : 6,5% của 320 m ;  của 35 km ;  của 3 giờ.

- Nêu quy tắc (như sgk).

- Làm bài : 320 . 6,5% = 20,8. Vậy 6,5% của 320 m bằng 20,8 m.

35 .  = 10. Vậy  của 35 km bằng 10 km.

3 .  = . Vậy  của 3 giờ bằng  giờ, hay bằng 30 phút.

- GV nhận xét, vào bài

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo giao tiếp, hợp tác  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| **Bài 123 SBT/ 34.**  GV hướng dẫn học sinh làm câu a và b.  HS làm dưới sự hướng dẫn của GV.  Tương tự GVgọi 3 HS lên bảng làm.  3 HS lên bảng làm tiếp .  GV nhận xét.  **Bài 126 SBT/ 34.**  GV yêu cầu HS đọc và tóm tắt đề bài.  HS tóm tắt đề bài :  GV cho HS hoạt động theo nhóm  HS Thảo luận theo nhóm  Đại diện 1 hóm lên bảng trình bày  GV nhận xét.  **Bài 127 SBT/35**.  GV yêu cầu hs đọc kĩ đề bài.  Gọi một hs tóm tắt đề.  HS đọc đề bài.  Một hs nêu tóm tắt :  Hai hs lên bảng trình bày hai cách giải :  GV gọi hai hs lên bảng làm bài, yêu cầu mỗi hs giải một cách.  GV và hs lớp nhận xét. | **Bài 123 SBT/ 34.**  a/ 5,25h =  b/ 10,5h =  c/ 3,75h =  d/ 2,1 h =  e/ 4,6 h =  **Bài 126 SBT/ 34.**  - Lớp có 45 hs.  - TB :  hs của lớp.  - Khá :  hs còn lại.  - Tính số học sinh giỏi?  ***Giải*** :  Số học sinh trung bình của lớp 6A là:  45 .  = 21 (hs)  Số học sinh còn lại là:  45 - 21 = 24 (hs)  Số học sinh khá là:  24.  = 15 (hs)  Số học sinh giỏi là:  24 - 15 = 9 (hs)  **Bài 127 SBT/35**.  - Bốn thửa ruộng : 1 tấn thóc.  - Số thóc ba thửa ruộng đầu lần lượt bằng  ; 0,4 và 15 tổng số thóc ở 4 thửa.  - Tính khối lượng thóc thu hoạch được ở thửa thứ tư ?  ***Cách 1***: Phân số chỉ số thóc thu hoạch ở thửa thứ tư là :    Khối lượng thóc thu hoạch được ở thửa thứ tư là:  1000. = 200 (kg).  ***Cách 2***:  Số thóc thu hoạch được ở thửa 1 là:  1000.  = 250 (kg)  Số thóc thu hoạch ở thửa 2 là:  1000. 0,4 = 400 (kg)  Số thóc thu hoạch ở thửa 3 là:  1000.  = 150 (kg)  Số thóc thu được ở thửa 4 là:  1000 - (250 + 400 + 150 ) = 200 (kg). |

**3.Hoạt động vận dụng**

Ba lớp 6 có 102 học sinh. Số HS lớp A bằng 8/9 số HS lớp B. Số HS lớp C bằng 17/16 số HS lớp A. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

*Hướng dẫn:*

Số học sinh lớp 6B bằng  học sinh lớp 6A (hay bằng )

Số học sinh lớp 6C bằng  học sinh lớp 6A

Tổng số phần của 3 lớp: 18+16+17 = 51 (phần)

Số học sinh lớp 6A là: (102 : 51) . 16 = 32 (học sinh)

Số học sinh lớp 6B là: (102 : 51) . 18 = 36 (học sinh)

Số học sinh lớp 6C là: (102 : 51) . 17 = 34 (học sinh)

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Làm bài 124; 125 SBT.

- Làm thêm bài tập sau : Lớp 6B có 48 hs, số học sinh giỏi bằng  số học sinh cả lớp. Số học sinh trung bình bằng 250% số học sinh giỏi, còn lại là học sinh khá. Tính số học sinh mỗi loại của lớp 6B.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 5/4/2018*** | ***Ngày soạn : 23/4/2018*** |

**Tiết 97:TÌM MỘT SỐ BIẾT GIÁ TRỊ MỘT PHÂN SỐ CỦA NÓ.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sih nhận biết và hiểu quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng vận dụng quy tắc đó để tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

**3/ Thái độ** : Biết vận dụng quy tắc để giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

**\* Khởi động:** Ai tìm nhanh hơn

Tìm số x biết x = 22

**2.Hoạt động 4hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình.  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não .  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV đưa ra ví dụ :  số học sinh của lớp 6a là 27  Nói lớp 6a có bao nhiêu học sinh  GV:Nếu gọi số học sinh lớp 6a là x  Ta phải tìm của x bằng 27  Có nghĩa là x. = 27  x = 27:  = 27 . = 45  GV:Như vậy để tìm số biết của có bằng 27 ta lấy 27 chia cho.  ? Muốn tìm một số biết  của nó bằng a ta làm như thế nào?  HS: a:  GV:Quy tắc ( SGK – 54 ) :  ? HS phát biểu quy tắc  ? 1 tìm một số biết của nó bằng 14 ?  ? Tìm một số biết của nó bằng ?  HS đọc ?2  Đi tìm 350lít nước ứng với phân số nào ?  HS: 1-  ( dung tích bể )  - a trong bài ?2 là số nào ?  (350lít )  là số nào () ?  HS làm bài 126 ( 54- SGK)  Tìm một số biết  2 HS lên bảng trình bày. | 1. **Ví dụ (10’)**   Gọi số HS lớp 6a là x  Theo đề bài :  Ta phải tìm của x bằng 27  Có nghĩa là x. = 27  x = 27:  x = 27 .  x = 45  Đáp số : Lớp 6A có 45 HS  **2. Quy tắc** ( SGK-54 )  ?1 (SGK-55)  a) 14 : = 14.  = 49  b)  =  số đó là  ?2  350 lít chính là :  1-  ( dung tích bể )  a:  = 350 :  = 350 . = 1000(lít)  **Bài 126 ( 54-SGK)**  a)  của nó bằng 7,2  Số phải tìm là 7,2 :  = 10,8  b)  bằng -5  Số phải tìm là -5 :  = - 3,5 |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm

- Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.

- Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.

- Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

|  |  |
| --- | --- |
| Bài 127( 54SGK):  GV:Cho HS hoạt động nhóm  HS:Thảo luận theo nhóm  Đại diện 1 nhóm lên bảng trình bày  Bài 129 ( 54 SGK)  Học sinh đọc đầu bài nghiên cứu cách giải  Gv: nhận xét ,chốt kiến thức | **Bài 127( 54SGK)**  a) Số phải tìm là  13,32 : =  = 13,32 . = 93,24 :3( theo 1)  = 31,08 ( theo 2 )  b) Số phải tìm  31,08 :  = 31,08 .  = 93,24 : 7 ( từ2 )  = 13,32 ( từ 1 )  **Bài 129( 55- SGK)**  Số đậu đen đã nấu chín là  1,2 . 24% = 5( kg )  Lượng sữa trong chai là 18 : 4,5 % = 400(g) |

**4.Hoạt động vận dụng**

- GV đưa bài tập sau lên bảng phụ :

a/ Muốn tìm  của số a cho trước (x, y ) ta tính  *a.*

b/ Muốn tìm *giá trị phân số của một số trước.* ta lấy số đó nhân với phân số.

c/ Muốn tìm một số biết  số của nó bằng a ta tính: *a : *

………………..

d/ Muốn tìm *một số biết  của số đó bằng c* ta lấy c :  ( a, b )

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Gia đình bác An muốn mua 1 chiếc ti vi mới, bác an đã tham khảo giá của 2 cửa hàng về cùng loại ti vi mà mình thích. Giá niêm yết của 2 cửa hàng là như nhau nhưng vào dịp cuối năm nên:Cửa hàng A khuyến mại giảm giá 15% và tặng thêm 800 000 đồng;Cửa hàng b khuyến mại giảm giá 20%

Bác An đã mua ti vi ở của hàng A và tính ra tiết kiệm được 200 000 đồng so với số tiền nếu mua chiêc ti vi như thế ở cửa hàng Bn đã giảm giá được bao nhiêu phần trăm?

\*Về nhà

+ So sánh hai dạng toán.

+ Làm bài 127 đến 131 SGK/ 54

+ Bài 128; 131 SBT/ 24

+ Chuẩn bị máy tính bỏ túi

.................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 16/4/2018*** | ***Ngày dạy : 24/4/2018*** |

***Tiết 98* : LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh được củng cố và khắc sâu kiến thức về tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

**2/ Kĩ năng** :

- Có kĩ năng thành thạo khi tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

- Sử dụng máy tính bỏ túi đúng thao tác khi giải toán về tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

**3/ Thái độ** : Biết vận dụng quy tắc để giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ** (kết hợp trong bài)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi :

- Phát biểu quy tắc tìm một số khi biết  của nó bằng a

- GV nhận xét -> vào bài

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| **Dạng 1 : Tìm x.**  **Bài 132 SGK/ 55**.  HS đọc đề bài  - Để tìm x ta phải làm thế nào?  HS:Ta phải đổi hỗn số ra phân số.  GV gọi HS đứng tại chỗ nêu cách làm, GV ghi bảng.  Tương tự GV gọi 1 hs lên bảng làm câu b.  HS: lên bảng thực hiện.  GV: nhận xét, chốt kiến thức.  **Dạng 2: Toán đố.**  **Bài 133 SGK/ 55**.  GV gọi HS đọc và tóm tắt đề bài.  GV: Lượng thịt là 0,8 kg  Lượng thịt = lượng cùi dừa.  - Như vậy,  lượng cùi dừa tương ứng với bao nhiêu kg?  GV: Vậy tìm lượng cùi dừa thuộc loại toán nào?  HS:Tìm một số biết giá trị một phân số của nó.  - Hãy nêu cách tính lượng cùi dừa.  HS: thực hiện  GV: L­îng cïi dõa lµ 1,2 kg.  L­îng ®­êng = 5% l­îng cïi dõa.  -VËy t×m l­îng ®­êng thuéc d¹ng to¸n nµo?  HS:T×m gi¸ trÞ ph©n sè cña mét sè cho tr­íc.  Nªu c¸ch tÝnh ?  HS:- L­îng ®­êng cÇn dïng lµ :  1,2 . 5 % =  (kg) | **Bài 132 SGK/ 55**.   |  |  | | --- | --- | | a/ | b/ |   **Bài 133 SGK/ 55**.  **Tóm tắt**  Lượng thịt =  lượng cùi dừa.  Lượng đường = 5% lượng cùi dừa.  Có : 0,8 kg thịt.  Tính lượng cùi dừa và lượng đường?  **Giải:**  lượng cùi dừa ứng với 0,8 kg.    Lượng cùi dừa cần để kho 0,8 kg thịt là : 0,8 :  (kg) |
| *GV nhấn mạnh* lại hai dạng toán cơ bản trên.  **Bài 135 SGK/ 56**.  GV phân tích : Thế nào là kế hoạch (dự định) và trên thực tế đã thực hiện được  kế hoạch là như thế nào?  GV: 560 sản phẩm ứng với bao nhiêu phần của kế hoạch?  GV yêu cầu hs làm vào vở và gọi một hs lên bảng làm.  **Dạng 3: Sử dụng máy tính bỏ túi.**  HS đọc và thực hành theo SGK.  GV yêu cầu hs đọc và thực hành theo SGK.  GV yêu cầu HS sử dụng máy tính bỏ túi để kiểm tra lại đáp số bài 134 | **Bài 135 SGK/ 56**  Thực hiện :  kế hoạch.  Làm tiếp : 560 sản phẩm.  Tính số sản phẩm theo kế hoạch.  ***Giải*** :  560 sản phẩm ứng với  (kế hoạch)  Vậy số sản phẩm được giao theo kế hoạch là :  560 :  (sản phẩm)  Bài 134 : SGK |

**3.Hoạt động vận dụng**

Lãi suất tiết kiệm là 7% /năm. Một người gửi tiền trong một năm được số tiền lãi là 6 314 000. Hỏi người đó đã gửi ngân hàng bao nhiêu tiền?

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Giữ nguyên tử số, hãy thay đổi mẫu số của phân số  soa cho giá trị của nó giảm đi  giá trị của nó. Mẫu số mới là bao nhiêu?

\*Về nhà

- Học bài.

- Làm bài tập 128 ; 129 ; 130 SBT/ 24.

- Chuẩn bị máy tính bỏ túi (casio - fx 220).

.................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 20/4/2018*** | ***Ngày dạy : 28/4/2018*** |

**Tiết 99: LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** :Tiếp tục củng cố quy tắc tìm một số biết giá trị một phân số của nó.

**2/ Kĩ năng** :

- Rèn kĩ năng thành thạo tìm một số biết giá trị phân số của nó.

- Rèn kĩ năng phân tích đề bài để giải các bài toán đó.

**3/ Thái độ** : Biết vận dụng quy tắc để giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ (**Kiểm tra 15 phút)

\* Khởi động :Ai nhanh hơn?tìm x?

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV&HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Luyện tập(27ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV yêu cầu HS đọc đề bài 131 SBT/ 24.  GV hướng dẫn học sinh phân tích theo sơ đồ.   |  |  | | --- | --- | | Cuốn sách:  Ngày 1 :  Ngày 2 :  Ngày 3 : | 90 trang |   GV: Hãy tìm phân số chỉ 90 trang sách ngày thứ 3?  Số trang sách còn lại sau ngày thứ nhất tính thế nào?  Phân số chỉ số trang sách còn lại sau ngày thứ nhất?  Tìm số trang của cuốn sách?  **Bài 133 SBT/ 24**.  GV hướng dẫn HS vẽ sơ đồ.   |  |  | | --- | --- | | Số trứng :  Bán :  Còn : | 28 quả |   GV: hãy tìm phân số chỉ 30 quả trứng? (28 quả + 2 quả = 30 quả)  GV: Tính số trứng mang đi bán?  **Bài 132 SBT/ 24**.  GV gọi HS lên bảng tóm tắt đề bài.  GV yêu cầu hs suy nghĩ và lên bảng làm.  Gv :nhận xét, chốt kiến thức | **Bài 131 SBT/ 24.**  Phân số chỉ 90 trang sách đọc ngày thứ 3 là  Số trang còn lại sau ngày thứ nhất là :  (trang)  Phân số chỉ số trang còn lại sau ngày thứ nhất là : 1 -  (số trang sách)  Vậy số trang của cuốn sách là :  240 :  = 360 (trang)  **Bài 133 SBT/ 24**.  Phân số chỉ 30 quả trứng là :  (số trứng)  Vậy số trứng mang đi bán là :  30 :  = 54 (quả)  **Bài 132 SBT/ 24**.   |  |  | | --- | --- | | TÊmv¶i :    Bít ®i | 8m    7/11 |   TÊm v¶i dµi bao nhiªu mÐt ?  - Ph©n sè øng víi phÇn v¶i ®· b¸n ®i lµ  (tÊm v¶i)  VËy tÊm v¶i dµi :  8 :  (m) |

***Hoạt động 2 : Kiểm tra 15 phút.***

Câu 1. (3điểm)Tìm x , biết :



Câu 2. (4điểm) Thực hiện phép tính ( *tính nhanh nếu có thể* ) :

a)  b) (

c) 

d) M 

Câu 3(3điểm)

Trên đĩa có 24 quả táo.Hạnh ăn 25% số táo. Sau đó Hoàng ăn  số táo còn lại. Hỏi trên đĩa còn mấy quả táo?

**ĐÁP ÁN VÀ THANG ĐIỂM**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Nội dung*** | ***Điểm*** |
| Bài 1. |  | 0,5  0,5  0,5  1  0,5 |
| Bài 2. | a)(  = 0 +  b)  = (  = (  =  c) =-  = - =1  d)  M | 0,5  0.5  0,5  0,5  0.5  0.5  0.5  0.5 |
| **Bài 3** | Hạnh ăn được số quả táo trên đĩa là:  25%. 24 = .24 = .24 = 6 (quả)  Số táo còn lại là:  24 - 6 = 18 (quả)  Hoàng ăn số quả táo còn lại là:  . 18 =  = 8 (quả)  Trên đĩa còn số quả táo là:  18 - 8 = 10 (quả)  ĐS: 10 (quả) | 0,75  0,5  0,75  0,5  0,5 |

***3.Hoạt động vận dụng***

- GV thu bài và nhận xét ý thức làm bài của hs.

***4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng***

+ Ôn lại hai dạng toán đã học.

+ Làm bài 134; 135 SBT/ 25

+ Đọc trước bài tiếp theo.

.........................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 20/4/2018*** | ***Ngày dạy : 28/4/2018*** |

**Tiết100: TÌM TỈ SỐ CỦA HAI SỐ**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Học sinh hiểu được ý nghĩa và biết cách tìm tỉ số của hai số, tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.

**2/ Kĩ năng** :Có kĩ năng tìm tỉ số, tỉ lệ phần trăm, tỉ lệ xích.

**3/ Thái độ** :Có ý thức áp dụng các kiến thức và kĩ năng nói trên vào việc giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ (**Kết hợptrong giờ)

**\* Khởi động:** Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi :

- Phát biểu quy tắc tìm một số khi biết  của nó bằng a

- GV nhận xét -> vào bài

**2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Tỉ số của hai số(15ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ. | |
| GV yêu cầu HS tính : 100 : 50 = ?  GV: 2 là thương trong phép chia 100 cho 50. Khi đó ta nói 2 là tỉ số của 100 và 50.  GV lấy ví dụ :  4 : 5 = 0,8  0,8 cũng là tỉ số.  - Vậy tỉ số giữa hai số a và b là gì ?  GV yêu cầu HS lấy ví dụ về tỉ số.  GV: Tỉ số  và phân số  khác nhau như thế nào?  GV: Trong các cách viết sau, cách viêt nào là phân số ? Tỉ số ?    GV yêu cầu HS đọc ví dụ SGK/ 56.  GV: Nhận xét về đơn vị các đoạn thẳng ? Quy về một đơn vị ?  Tính tỉ số độ dài của AB và CD ?  Tỉ số đó có nghĩa là gì ? | ***Khái niệm:***  - Tỉ số giữa hai số a và b là thương của phép chia số a cho số b ( b 0).  Kí hiệu :  hoặc a : b  Ví dụ :  - Tỉ số  thì a và b có thể là các số nguyên, số thập, hỗn số, phân số, … Còn phân số  thì a, b phải là các số nguyên.  Trong các cách viết trên, phân số là :    Tỉ số là cả 6 cách viết trên.  Ví dụ SGK/ 56.  AB = 20 cm  CD = 1m = 100 cm  - Tỉ số độ dài của đoạn thẳng AB và CD là    - Đoạn thẳng AB bằng  đoạn thẳng CD. |
| ***Hoạt động 2 : Tỉ số phần trăm(10ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV: Trong thực hành ta thường sử dụng tỉ số dưới dạng tỉ số phần trăm với kí hiệu phần trăm () thay cho .  Ví dụ : Tìm tỉ số phần trăm của hai số 78,1 và 25.    GV: Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b ta làm thế nào ?  Yêu cầu 2 hs lên bảng làm . | - Muốn tìm tỉ số phần trăm của hai số a và b ta nhân a với 100 rối chia cho b và viết kí hiệu % vào kết quả : .  a)  b)  tạ = 0,3 tạ = 30 kg. |
| ***Hoạt động 3 : Tỉ lệ xích(7ph).***  - Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm  - Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não, kĩ thuật chia nhóm.  - Năng lực: Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.  - Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ | |
| GV giới thiệu tỉ lệ xích.  Kí hiệu : T : Tỉ lệ xích.  T =  (cùng đơn vị đo)  a : K/c giữa hai điểm trên bản vẽ.  b : K/c giữa hai điểm tương ứng trên thực tế.  GV yêu cầu HS đọc ví dụ SGK.  GV cho HS làm  - Em hiểu thế nào về tỉ lệ xích  ? | Kí hiệu : T : Tỉ lệ xích.  T =  (cùng đơn vị đo)  a : K/c giữa hai điểm trên bản vẽ.  b : K/c giữa hai điểm tương ứng trên thực tế.  a = 1 cm  b = 1 km = 100 000 cm  T =  a = 16,2 cm  b = 1620 km = 162 000 000 cm  T =  TØ lÖ xÝch T  cã nghÜa lµ 1 ®¬n vÞ ®é dµi trªn b¶n vÏ t­¬ng øng víi  10 000 000 ®¬n vÞ ®é dµi trªn thùc tÕ. |

**3.Hoạt động luyện tập**

- Làm BT,Biến đổi tỉ số giữa 2 số về tỉ số của hai số nguyên:

=

**4.Hoạt động vận dụng**

Lớp 6a có 37 học sinh . kết quả khảo sát đầu năm có 15 em dưới trung bình.

a, Tính tỉ số phần trăm kết quả khảo sát Toán từ trung bình trở lên của lớp 6a?

b, Em có suy nghĩ gì về kết quả trên?

(KQ:a, 59,5%

b, Kết quả này còn thấp . Vì vậy chúng em cần phải cố gắng nhiều hơn nữa.)

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Tại Sea Games, người ta cho biết tỉ số trân chung kết bóng đá nữ giữa đội tuyển Việt Nam và đội tuyển Myanma là 2:1.Theo em , từ “tỉ số”ở đây hiểu theo nghĩa nào? Em hãy tìm một vài tỉ số nữa trong đời sống và phân biệt giữa tỉ số trong toán học và tỉ số trong đời sống

\*Về nhà:

- Làm các bài tập từ 137 đến 141 (sgk/58) và các bài tập từ 243 đến 253 (SBT/54 + 55).

- Tiết sau luyện tập

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /4/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

Tiết 101:BẮT ĐẦU TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO: TỈ SỐ PHẦN TRĂM (SÁCH TNST LỚP 6 CHỦ ĐỀ 2)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu được cách tính tỉ số phần trăm

2. Kỹ năng:

Tính được tỉ số phần trăm dưạ trên số liệu điều tra việc sử dụng Facebook của hs

3. Thái độ: Hs có ý thức học tập đúng đắn

**4. Năng lực- phẩm chất:**

**a) Năng lực**

HS có năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**b) Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ**

II. CHUẨN BỊ:

1.Giáo viên: Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi học bài : tỉ số của hai số đến khi học xong bài 17: Biểu đồ phần trăm , Gv giao nhiệm vụ cho HS

- Thiết bị: + SGK toán lớp 6 tập 2.

+ Giấy , bút, máy tính cầm tay

+ Máy tính có kết nối Internet.

- Hình thức hoạt động: Làm việc theo nhóm 3-5 người

2. Học sinh: SGK, sách TNST, dụng cụ học tập...

**III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **GV chia nhóm và giao nhiệm vụ** | **1. HS nhận nhiệm vụ**  - Mỗi nhóm từ 3-5 học sinh, HS tự bầu nhóm trưởng. |
| **Định hướng học sinh tìm kiếm thông tin**  - Gợi ý học sinh tìm kiếm thông tin, đặt ra môt số câu hỏi liên quan. | **2. Tìm kiếm thông tin.**  - Học sinh tìm kiếm thu thập thông tin theo chủ đề.  +Thông tin từ SGK toán 6 tập 1 phần hình học bài 7,8,10; SGK vật lí 6 bài 1 bài 2.  + Thông tin từ các nguồn khác trên Internet. |
| **Hướng dẫn các nhóm sử lí thông tin.**  - Kiểm tra nội dung tìm kiếm của các nhóm  - Hướng dẫn các nhóm sử lí thông tin tìm kiếm được ghi số liệu vào bảng trình bày trên giấy A4   |  |  | | --- | --- | | TS học sinh | ............... | | Số HS giơ tay biểu quyết | ............... | | Số HS không đồng ý | .................... | | Tỉ lệ giơ tay biểu quyết đồng ý | .................. | | **3.Xử lí thông tin**  - Nhóm trưởng yêu cầu các thành viên trong nhóm trình bày kết quả tìm kiếm được theo sự phân công.  - Cả nhóm thống nhất lựa chọn thông tin tìm kiếm được ghi số liệu vào bảng. |
| **GV hỗ trợ HS ý tưởng và chuẩn bị phiếu điều tra**  - Họp nhóm để thống nhất ý tưởng chung cho các nhóm.  - YC nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.  - Hướng dẫn HS cách phân công công việc cho các thành viên trong nhóm để đảm bảo bạn nào cũng có nhiệm vụ  - Chuẩn bị phiếu điều tra  **Hướng dân xử lí số liệu điều tra**  - Theo dõi nhắc nhở HS thực hiện điều tra chính xác, tính tỉ số phần trăm, vẽ các biểu đồ tỉ lệ phần trăm( khác nhau) | **4. hình thành ý tưởng và chuẩn bị phiếu điều tra**  - Cả nhóm thảo luận thống nhất ý tưởng.  - Nhóm trưởng phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên.  + Đi điều tra lấy số liệu các anh chị lớp 7,8,9 trong giờ ra chơi,  + Điều tra tối thiểu 50 hs  + Thư kí...  - Các thành viên thực hiện nhiệm vụ được phân công.  **5.Xử lí số liệu điều tra**  - Cá nhân thống kê theo mẫu 2  - Thống kê theo nhóm sau đó tính tỉ số phần trăm để hoàn thành phiếu tổng hợp theo mẫu 3  - Vẽ các biểu đồ tỉ lệ phần trăm |

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

SGK Toán lớp 6, tập 2, phần số học:

Bài 16: Tìm tỉ số của hai số

Bài 17: Biểu đồ phần trăm

Người đọc ..........................................................Ngày đọc..................................

|  |  |
| --- | --- |
| Từ khóa | Nội dung đọc liên quan đến từ khóa |
| Tỉ số của hai số |  |
| Tie số phần trăm |  |
| Các loại biểu đồ phần trăm |  |
| ........................................................  .......................................................  ....................................................... |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /4/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

**Tiết 102:BIỂU ĐỒ PHẦN TRĂM.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : HS biết đọc các biểu đồ phần trăm dạng cột, ô vuông, hình quạt.

**2/ Kĩ năng** : Có kĩ năng dựng các biểu đồ phần trăm dạng cột và ô vuông.

**3/ Thái độ** : Có ý thức tìm hiểu các biểu đồ phần trăm trong thực tế và dựng các biểu đồ phần trăm với các số liệu thực tế.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

**\* Khởi động: Ai nhanh hơn?**

Một trường học có 800 hs, số hs đạt hạnh kiểm tốt là 480 em, số hs đạt hạnh kiểm khá bằng  số hs đạt hạnh kiểm tốt, còn lại là hs đạt hạnh kiểm trung bình. Tính số hs đạt hạnh kiểm khá, TB và tỉ số % giữa số hs các loại với số hs cả lớp ?

**Đáp án**

Số hs đạt hạnh kiểm khá là : 

Số hs đạt hạnh kiểm TB là : 800 – ( 480 + 280) = 40 (em)

Tỉ số % của số hs đạt hạnh kiểm tốt so với cả lớp là : 

Tỉ số % của số hs đạt hạnh kiểm khá so với cả lớp là : 

Tỉ số % của số hs đạt hạnh kiểm TB so với cả lớp là : 

\* GV nhận xét vào bài

**2.Hoạt động hình thành kiến thức**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***Hoạt động 1 : Biểu đồ phần trăm(30ph).***  \* Phương pháp: Vấn đáp, luyện tập,  \* Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏiđộng não, hỏi đáp.  \* Năng lực: Tư duy sáng tạo, tư duy logic.  \* Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, tự lập. | |
| Yêu cầu hs quan sát hình 13 (sgk/60).  - ở biểu đồ này, tia thẳng đứng ghi gì ? tia nằm ngang ghi gì ?  - Chú ý : Số ghi trên tia đứng bắt đầu từ 0, các số ghi theo tỉ lệ. | ***a) Biểu đồ phần trăm dạng cột****:*  - Tia thẳng đứng ghi số phần trăm, tia nằm ngang ghi các loại hạnh kiểm. |
| - Các cột có chiều cao bằng tỉ số phần trăm tương ứng, có mầu hoặc kí hiệu khác nhau.  GV cho hs làm bài  Gọi một hs nêu tóm tắt đề bài.  HS làm bài :  Yêu cầu cả lớp làm bài vào vở.  Gọi một hs lên bảng làm câu a.  Gọi tiếp hs khác lên bảng vẽ biểu đồ.  GV yêu cầu hs quan sát hình 14 (sgk/60).  - Biểu đồ này có bao nhiêu ô vuông ?  Có 100 ô vuông, mỗi ô vuông biểu thị  1%   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  | 35% khá | |  | |  |  | 60% tốt | |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | 5% trung bình | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | Tóm tắt : Lớp có 40 hs.  Đi xe buýt : 6 bạn  Đi xe đạp : 15 bạn  Còn lại đi bộ.  a) Tính tỉ số % mỗi loại hs so với cả lớp ?  b) Biểu diễn bằng biểu đồ cột.  ***Giải*** :  a) Tỉ số phần trăm số hs đi xe buýt so với cả lớp là :  Tỉ số phần trăm số hs đi xe đạp so với cả lớp là :  Tỉ số phần trăm số hs đi bộ so với cả lớp là :   1. Vẽ biểu đồ   **Số học sinh**  Đi xe buýt  Đi xe đạp  Đi bộ  **Số phần trăm**  0  60  47,5  37,5  30  15  ***b)******Biểu đồ phần trăm dạng ô vuông:***  HS quan sát hình 14/sgk.  - Có 100 ô vuông. |

**3.Hoạt động luyện tập**

- GV đưa bài 150 (sgk/61) lên bảng phụ, yêu cầu hs quan sát biểu đồ và đọc các tỉ số phần trăm.

- HS quan sát biểu đồ dạng cột của bài 150/sgk (H.16) và đọc :

a) Số bài đạt điểm 10 là : 8%.

b) Số bài đạt điểm 7 là nhiều nhất, chiếm 40%.

c) Số bài đạt điểm 9 là : 0%.

d) Số bài đạt điểm 6 là 32%, ứng với 16 bài.

Vậy tổng số bài kiểm tra toán của lớp 6C là : 16 : 32% = 50 (bài).

**4.Hoạt động vận dụng**

Tìm hiểu thêm(qua thầy cô giáo, hoặc Internet) một số số liệu sau rồi làm vào vở:

Tổng số học sinh của trường em hiện nay là ....... học sinh, số học sinh nam là ............. em .Tính tỉ số phần trăm của số học sinh nam và của số học sinh nữ so với số học sinh toàn trường

**5.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Nắm chắc cách đọc các loại biểu đồ phần trăm và cách vẽ.

- Làm các bài tập từ 151 đến 153 (sgk/61; 62) và các bài tập từ 260 đến 264 (SBT/57).

..........................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /4/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

Tiết 103+104 :BÁO CÁO THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ: TỈ SỐ PHẦN TRĂM

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

Hiểu được cách tính tỉ số phần trăm

2. Kỹ năng:

Tính được tỉ số phần trăm dưạ trên số liệu điều tra việc sử dụng Facebook của hs

3. Thái độ: Hs có ý thức học tập đúng đắn

**4. Năng lực- phẩm chất:**

**a) Năng lực**

HS có năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác

**b) Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ**

II. CHUẨN BỊ:

1.Giáo viên: Thời gian thực hiện: 1 tuần trước khi học bài : tỉ số của hai số đến khi học xong bài 17: Biểu đồ phần trăm , Gv giao nhiệm vụ cho HS

- Thiết bị: + SGK toán lớp 6 tập 2.

+ Giấy , bút, máy tính cầm tay

+ Máy tính có kết nối Internet.

- Hình thức hoạt động: Làm việc theo nhóm 3-5 người

2. Học sinh: SGK, sách TNST, dụng cụ học tập...

**III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| - GVYC hs nói rõ cách thực hiện, cách điều tra , cách tính tỉ số phần trăm và nêu khó khăn khi thực hiện  - cho Hs thảo luận tự do, tranh luận, phản biện với nhau về các mức độ sử dụng Facebook.  - Chấp nhận sự sai khác giữa các nhóm  Về KQ điều tra | **Báo cáo sản phẩm**  - Báo cáo trên giấy A4 về công thức tính tỉ số phần trăm, cách ứng dụng tỉ số phần trăm vào thực tế  - Báo cáo về cách tính tỉ số phần trăm Facebook dựa trên kết quả điều tra của phiếu điều tra tổng hợp. |
| **Đánh giá sản phẩm và hoạt động**  GV tổ chức cho HS tự đánh giá giữa các nhóm dựa vào tiêu chí đánh giá sản phẩm ở cuối chủ đề 2 sách HĐTNSTtrong các môn học lớp 6 ,  - GV: đưa ra đánh giá chung :  + Về kiến thức: cách tính tỉ số phần trăm theo các mức độ sử dụng Facebook.  +Về kĩ năng:Dựa trên hình vẽ, biểu đồ phần trăm trên mẫu 1,2,3 cách xử lí, cách vẽ, mầu sắc, bố cục....  +Về năng lực: Gv hỏi cách thực hiện và các thao tác điều tra, lấy phiếu, tính toán, sử dụng biểu đồ phần trăm. | **Đánh giá sản phẩm và hoạt động**  **\*Về sản phẩm**  - Số lượng phiếu điều tra thu được lớn hơn 50 phiếu  - Phiếu tổng hợp điều tra có số liệu phù hợp với số phiếu thu được  **\*Về hoạt động**  - Có sự phân chia hoạt động cho các thành viên trong nhóm  - Các thành viên trong nhóm được tìm kiếm thông tin, điều tra sử lí số liệu.  - Nhóm thống nhất đưa ra được kết luận về thực trạng sử dụng Facebook của HS |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /5/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

**Tiết 105:ÔN TẬP CHƯƠNG .**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Học sinh hệ thống lại các kiến thức trọng tâm của phân số cà ứng dụng so sánh phân số. Các phép tính về phân số và tính chất.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kỹ năng rút gọn phân số, so sánh phân số, tính giá trị biểu thức, tìm x.

- Rèn luyện khả năng so sánh, phân tích, tổng hợp cho học sinh.

**3. Thái độ:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ*:*** (kiểm tra sự chuẩn bị của HS).

Tổ chức cho học sinh tham gia trò chơi :  Chuyền hộp quà

GV giới thiệu luật chơi :

* Lớp phó văn nghệ bắt nhịp cho lớp hát một bài hát ngắn.

Các em vừa hát, vừa vỗ tay đồng thời chuyền hộp quà cho bạn bên cạnh.

* Khi bài hát kết thúc, hộp quà trên tay bạn nào thì bạn đó có quyền mở hộp quà và trả lời câu hỏi bên trong hộp quà.
* Trả lời đúng được nhận một phần quà, trả lời sai cơ hội cho những bạn còn lại.

Câu hỏi sử dụng trong trò chơi :

- Thế nào là phân số? Cho ví dụ một phân số nhỏ hơn 0, một phấn số bằng 0, một phân số lớn hơn 0.

- Phát biểu tính chất cơ bản về phân số? nêu dạng tổng quát ?

GV: Để củng cố các kiến thức đã được học trong chương III, hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau hệ thống lại toàn bộ những kiến thức đã học.

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| \* Phương pháp: Vấn đáp, luyện tập,  \* Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, hoạt động nhóm, động não, hỏi đáp.  \* Năng lực: Tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, tư duy lôgic, giao tiếp. mc  \* Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, tự lập. | |
| ***HĐ 1: Phân số, tính chất cơ bản của phân số*** *(17’)*  GV: Thế nào là phân số? Cho ví dụ một phân số nhỏ hơn 0, một phấn số bằng 0, một phân số lớn hơn 0.  HS: chữa bài 154 (SGK-64)  - Phát biểu tính chất cơ bản về phân số? nêu dạng tổng quát ?  - Vì sao bất kỳ một phân số có mẫu âm nào cũng viết được dưới dạng một phân số có mẫu dương.  HS: làm bài 155    HS: Có thể viết một phân số bất kỳ có mẫu âm thành phân số bằng nó và có mẫu dương bằng cách nhân cả tử và mẫu của phân số đó với (-1)  GV :Yêu cầu học sinh làm bài 156  a/  b/  - Muốn rút gọn một phân số ta làm như thế nào?  HS: Ta rút gọn đến phân số tối giản.  ? Vậy thế nào là ps tối giản?  Để so sánh hai phân số ta làm như thế nào?  Muốn so sánh 2 phân số:  + viết chúng dưới dạng 2 phân số có cùng 1 mẫu dương.  + so sánh các tử với nhau ps nào có tử lớn hơn thì lớn hơn.  Y/c HS làm **BT 158.**  Còn cách nào khác ?  Nêu cách làm khác.  HS: nhận xét.  GV: chốt lại.  ***HĐ 2: Các phép tính về phân số*** *(20’)*  HS: nhắc lại các quy tắc.  Yêu cầu học sinh làm bài 162(SGK- 64)  Tìm x  GV cho Hs hoạt động nhóm  HS: HĐ nhóm  HS: các nhómnhận xét. | ***I. Ôn tập khái niệm phân số, tính chất cơ bản của phân số:***  **1. Khái niệm phân số:**  Ta gọi với a, b Z , b 0 là 1 phân số, a là tử , b là mẫu. Ví dụ:  ***Bài 154***: (SGK- 64)  a/ x < 0  b/ x = 0  c/ 0 < x < 3 và x  Z nên: x {1;2}  d/ x = 3  e/3 < x 6; x  Z nên: x {4;5;6}  **2. Tính chất cơ bản của phân số:**  ***Bài 155:*** (SGK- 64)  ***Bài 156:*** (SGK-64)  Kết quả:  a/  b/  ***Bài 158:*** (SGK- 64)  Có:  ***II. Các phép tính về phân số:***  **1. Quy tắc các phép tính về phân số:**  a/ Cộng 2 phân số cùng mẫu số  b/ Trừ hai phân số  c/ Nhân phân số.  d/ Chia phân số.  **2. Tính chất của phép cộng và phép nhân phân số.**  ***Bài 162:*** (SGK- 65)  (2,8x – 32) : = - 90  2,8x – 32 = -90.  2,8x -32 = - 60  2,8x = -28  x = -10 |

**3.Hoạt động vận dụng**

Treo bảng phụ:

1/ Khoanh tròn vào chữ cái đứng trước câu trả lời đúng:

a/ 

Số thích hợp trong ô trống là:

A: 12; B : 16; C: - 12

b/ 

Số thích hợp trong ô trống là:

A: - 1; B: 1; C:- 2

2/ Đúng hay sai:

a/ 

b/ 

c/ 

HS: trình bày miệng lời giải.

1/ a/ C b/ B

2/ a/ Đúng. b/ Sai c/ Sai.

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

1, Một hình chữ nhật có diện tích là:m2, chiều rộng là:m. Tính chu vi hình chữ nhật đó?

2, Tìm x, biết:

a/  b/ 

Về nhà*:* - Ôn tập các kiến thức chương III, Ôn lại ba bài toán cơ bản về phân số.

- BTVN: 157, 159, 160 (SGK - 64).

......................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /5/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

***Tiết 106* ÔN TẬP CUỐI NĂM (Tiết 1)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Ôn tập một số ký hiệu tập hợp. Ôn tập dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9 Số nguyên tố và hợp số. Ước chung và bội chung của hai hay nhiều số.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện việc sử dụng một số kí hiệu tập hợp. Vận dụng các dấu hiệu chia hết, ước chung và bội chung vào bài tập.

**3. Thái độ:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ*:*** (lồng trong giờ học).

**\* Khởi động:** “Hộp quà may mắn”

Có 4 hộp quà mầu xanh, đỏ , tím, vàng . mỗi hộp quà tương ứng với 1 câu hỏi nếu trả lời đúng được 1 phần quà, sai bạn khác có quyền trả lời.

1. Một số ký hiệu tập hợp?
2. Các dấu hiệu chia hết cho 2, 3, 5, 9?
3. Số nguyên tố và hợp số?
4. Ước chung và bội chung của hai hay nhiều số?

**2.Hoạt động luyện tập**

| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| \* Phương pháp: Vấn đáp, luyện tập,  \* Kĩ thuật: Kĩ thuật đặt câu hỏi, hoạt động nhóm, động não, hỏi đáp.  \* Năng lực: Tư duy sáng tạo, năng lực hợp tác, tư duy lôgic, giao tiếp. mc  \* Phẩm chất: Tự tin, tự chủ, tự lập. | |
| ***HĐ 1: Ôn tập về tập hợp*** *(12’)*  HS: Đọc các kí hiệu :  ?  Thuộc; không thuộc, tập hợp con,  giao, tập rỗng.  Cho ví dụ sử dụng các kí hiệu trên ?  Yêu cầu học sinh làm bài 168  (SGK- 66)  Điền kí hiệu thích hợp ()  vào ô vuông.  Z; 0 N; 3,275 N;  N Z = N; N Z  GV y/c HS chữa bài 170.  HS: đọc đề, lên giải.  ***HĐ 2: Các dấu hiệu chia hết*** *(12’)*  Yêu cầu học sinh phát biểu các  dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9?  Những số như thế nào thì chia hết  cho cả 2 và 5? Cho ví dụ.  Những số như thế nào thì chia hết  cho cả 2, 5, 3, 9? Cho ví dụ?  Yêu cầu học sinh làm bài tập sau:  Bài tập 1:  a/ 6\*2 chia hết cho 3 mà không  chia hết cho 9  b/ \*53\* chia hết cho cả 2,3,5 và 9  c/ \*7\* chia hết cho 15  GV:Cho HS hoạt động nhóm  HS: thảo luận nhóm, đại diện trình bày.  HS: nhận xét.  ***HĐ 3: Số nguyên, hợp số, ước chung, bội chung*** *(14’)*  Thế nào là số nguyên tố. Hợp số?  Số nguyên tố và hợp số giống và  khác nhau ở chỗ nào?  UCLN của 2 hay hay nhiều số là gì?  BCNN của hai hay nhiều số là gì?  Điền các từ thích hợp vào chỗ chống trong bảng và so sánh  cách tìm  ƯCLN và BCNN của hai hay  nhiều số?  Yêu cầu học sinh làm bài tập sau:  Tìm số tự nhiên x biết rằng:  a/ 70 x; 84  x và x >8  b/ x 12; x  25 và 0 <x <500 | ***I. Ôn tập về tập hợp:***  1. Đọc các kí hiệu  ***Bài 168:*** (SGK- 66)  Điền kí hiệu thích hợp () vào  ô vuông.  Z; 0  N; 3,275  N;  N  Z = N; N  Z  ***Bài 170:*** (SGK- 67)  Tìm giao của tập hợp C các số chẵn và  tập hợp L các số lẻ.  ***II. Dấu hiệu chia hết:***  Dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9.  ***Bài 1:***  a/ 6\*2 chia hết cho 3 mà không chia  hết cho 9  b/ \*53\* chia hết cho cả 2,3,5 và 9  c/\*7\* chia hết cho 15  ***Giải:***  a/ 642; 672  b/ 1530  c/ \*7\*  15  \*7\*  3 ,  5  375, 675, 975, 270, 570, 870  ***III.Ôn tập về số nguyên tố, hợp số, ước chung, bội chung***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Cách tìm | ƯCLN | BCNN | | PT các số ra thừa số nguyên tố |  |  | | Chọn ra các thừa số nguyên tố | Chung | Chung và riêng | | Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ. | Nhỏ nhất | Lớn nhất |   Kết quả:  a/ x  ƯC (70,84) và x > 8  x = 14  b/ x  BC (12,25,30) và 0 < x < 500   * x = 300 |

**3.Hoạt động vận dụng**

- (GV chốt lại kiến thức cơ bản của toàn tiết học).

Các câu sau đúng hay sai:

a/  **Sai**.

b/  **Đúng.**

c/  **Sai.**

d/  **Đúng.**

e/ 2610 chia hết cho 2, 3, 5, 9. **Đúng**

f/ 34218 **Sai.**

g/ UCLN(36, 60, 84) = 6 **Sai**

h/ BCNN(35, 15, 105) = 105 **Đúng.**

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Ôn tập các kiến thức về 5 phép tính cộng, trừ, chia, luỹ thừa trong N, Z phân số, rút gọn, so sánh phân số.

- Làm các bài tập 169, 171, 172, 174 (SGK - 66, 67).

- Trả lời các câu hỏi 2, 3, 4, 5 (SGK -66).

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /5/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

***Tiết 107:* ÔN TẬP CUỐI NĂM (Tiết 2)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:** Ôn tập các qui tắc cộng, trừ, nhân, chia, luỹ thừa các số tự nhiên, số nguyên, phân số. Ôn tập các kĩ năng rút gọn phân số,so sánh phân số, ôn tập các tính chất của phép cộng và phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện các kĩ năng thực hiện các phép tính, tính nhanh, tính hợp lý.

- Rèn luyện khả năng so sánh, tổng hợp cho HS.

**3. Thái độ:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ** (lồng trong giờ học).

\* **Khởi động**: Sử dụng sơ đồ tư duy để ôn tập cho HS kiến thức về so sánh phân số, các phép toán về phân số

**2.Hoạt động luyện tập**

| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| ***HĐ 1: Rút gọn phân số, so sánh phân số***  *(20’)*  *Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi,*  Muốn rút gọn một phân số ta làm như thế nào?  Bài tập 1:  Rút gọn phân số sau:  a/  b/  c/  d/  GV:Kết quả rút gọn đa là các phân số tối giản chưa?  Thế nào là phân số tối giản?  Bài 2: So sánh các phân số:  a/  b/  c/  d/  **Bài 174:**  GV: cho HS hoạt động nhóm,  HS thảo luận nhóm, đại diện trình bày.  HS: nhận xét.  GV: chốt lại.  *Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành*  *Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não*  ***HĐ 2: Quy tắc và tính chất các phép toán*** *(18’)*  So sánh tính chất cơ bản của phép cộng và phép nhân số tự nhiên, số nguyên, phân số.  Các tính chất cơ bản của phép cộng và phép nhân có ứng dụng gì trong tính toán.  GV: Chốt lại: Để tính nhanh, tính hợp lí giá trị biểu thức.  **Bài 171 (SGK- 67)**  A = 27 + 46 + 70 + 34 + 53  B = -377- ( 98 – 277)  C = -1,7 .2,3 + 1,7.(-3,7) – 1,7.3 – 0,17: 0,1  Yêu cầu học sinh làm bài tập sau:  **Bài 169** (SGK-66)  Điền vào chỗ trống  a/Với a, n  N  an = a.a.a với ….  Với a  0 thì a0 = …  b/ Với a, m, n N  am.an = ….  am : an = ….. với …. | ***I.Ôn tập rút gọn phân số, so sánh phân số:***  Muốn rút gọn phân số, ta chia cả tử và mẫu của phân số cho một ước chung của chúng  ***Bài 1****:*  a/  = b/ =  c/  = d/ =2    ***Bài 2****:*So sánh các phân số:  a/  b/  c/  d/  ***Bài 174*** (SGK- 67)  Ta có:      hay A > B  ***II.Ôn tập quy tắc và tính chất các phép toán****.*  Các tính chất:  - Giao hoán  - Kết hợp  - Phân phối của phép nhân đối với phép cộng.  ***Bài 171:*** (SGK- 67)  A = 27 + 46 + 70 + 34 + 53  = (27 + 53 ) +( 46 + 34) + 79  = 80 + 80 + 79 = 239  B = -377- (98 – 277) =  (- 377 + 277) – 98  = - 100- 98 = - 198  C =-1,7.2,3+1,7.(-3,7) –1,7.3–  0,17: 0,1  = - 1,7 (2,3 + 3,7 + 3 + 1)  = - 1,7 .10 = - 17  ***Bài 169:*** (SGK- 66)  Điền vào chỗ trống  a/ Với a, n N  an = a.a.a với n0  Với a 0 thì a0 =1  b/ Với a, m, n N  am.an = am+n  am : an = am-n với a 0 ; m  n |

**3.Hoạt động vận dụng**

- (GV chốt lại kiến thức cơ bản của toàn tiết học).

Chia đều 60 chiếc kẹo cho tất cả học sinh lớp 6A3 thì còn dư 13 chiếc. Hỏi lớp 6A3 có bao nhiêu học sinh?

***Giải:***

Gọi số HS lớp 6A3 là x (HS)

Số kẹo đã chia là :

60 – 13 = 47 (chiếc)

 x Ư(47) và x > 13

 x = 47

Vậy số HS của lớp 6A3 là 47 HS

**4.Hoạt động tìm tòi,mở rộng**

- Ôn tập các phép tính phân số: quy tắc và các tính chất.

- Bài tập về nhà số 176 (SGK -67).

- Tiết sau ôn tập tiếp về thực hiện dãy tính và tìm x.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /5/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

***Tiết 108* ÔN TẬP CUỐI NĂM (Tiết 3)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Ôn tập các phép tính về phân số. Luyện tập dạng toán tìm x.

**2. Kỹ năng:**

- Rèn luyện kĩ năng thực hiện phép tính, tính nhanh, tính hợp lý giá trị của biểu thức.

- Rèn luyện khả năng trình bày bài khoa học, chính xác, phát triển tư duy của HS.

**3. Thái độ:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

- HS 1: Chữa BT 86 b, d.

- HS 2: Chữa BT 91 (SBT)

\* Tiết học này chúng ta tiếp tục ôn tập các phép tính về phân số. Luyện tập dạng toán tìm x.

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  ***HĐ 1: Ôn tập các bài toán thực hiện phép tính*** *(14’)*  Cho học sinh luyện tập bài 91 (SBT)  Tính nhanh:  Q = (  Em có nhận xét gì về biểu thức Q?  Vậy Q bằng bao nhiêu? vì sao?  Vì trong tích có 1 thừa số bằng 0 thì tích sẽ bằng 0.  Bài 2: Tính giá trị của biểu thức:  a/ A =  Em có nhận xét gì về biểu thức.  Chú ý cần phân biệt thừa số với phân số  trong hỗn số 5  B = 0,25.1  Hãy đổi số thập phân, hỗn số ra phân số.  Nêu thứ tự phép toán của biểu thức?  HS HĐ nhóm.  Y/c HS làm BT 176  2 HS đồng thời lên bảng.  *Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, luyện tập thực hành*  *Kĩ thuật: Đặt câu hỏi, động não*  ***HĐ 2: Ôn tập dạng toán tìm x*** *(15’)*  Bài 1: Tìm x.  GV hướng dẫn HS giải bt 1.  HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  GV nhận xét và chốt lại.  Yêu cầu làm bài tập 2  x – 25% x =  HS thực hiện theo hướng dẫn của GV.  GV nhận xét và chốt lại.  Ta cần xét phép tính nào trước?  Xét phép nhân trước  Muốn tìm thừa số chưa biết ta làm như thế nào?  Sau xét tiếp phép cộng…từ đó tìm x.  Gọi một học sinh lên bảng làm. | **I. Luyện tập thực hiện phép tính:**  **Bài 1** (Bài 91 – SBT /19)  Tính nhanh:  Q = (  Có:    Vậy: Q = (  **Bài 2**: Tính giá trị của biểu thức:  a/ A =  =  B = 0,25.1 =  =  **Bài 176** (SGK-67)  a/  =  =  =  b/ B =  T=  = (0,605 + 0,415). 100 = 1,02. 100 = 102  M =  =  Vậy B =  **II. Toán tìm x**  **Bài 1**: Tìm x biết        **Bài 2:**  x – 25% x =  x(1 – 0,25) = 0,5  0,75x = 0,5    x =  **Bài 3** :            x = -2 |

**3. Hoạt động vận dụng**

- (GV chốt lại kiến thức cơ bản của toàn tiết học).

Tìm x: (50% + 2

(50% + 2

(





x = - 13

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

- Ôn tập tính chất và quy tắc các phép toán, đổi hỗn số, số thập phân, số phần trăm ra phân số.

- Chú ý áp dụng quy tắc chuyển vế khi tìm x.

- Ôn tập 3 bài toán cơ bản về phân số (ở chương III)

+ Tìm giá trị phân số của 1 số cho trước.

+ Tìm 1 số biết giá trị phân số của nó.

+ Tìm tỉ số của 2 số a và b.

- Chuẩn bị cho tiết sau làm bài thi cuối năm.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 27 /4/2018*** | ***Ngày dạy : 4/5/2018*** |

**Tiết 109,110:KIỂM TRA HỌC KÌ II-90, ( SỐ HỌC VÀ HÌNH HỌC )**

**I. MỤC TIÊU:**

**1.Kiến thức:** Đánh giá nhận thức của HS về vấn đề lỉnh hội kiến thức đã học.

**2.Kĩ năng:** Rèn luyện kỉ năng vận dung vào việc giải các bầi tập trong chương.

**3.Thái độ**: Rèn tính trung thực trong kiểm tra, độc lập sáng tạo làm bài.

**4. Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b)Phẩm chất**: tự tin,tự chủ

**II.HÌNH THỨC KIỂM TRA**

Kết hợp trắc nghiệm và tự luận(TN50%’TL50%)

**III .MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tên chủ đề** | **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | | **Vận dụng** | | | | **Cộng** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **Cấp độ thấp** | | **Cấp độ cao** | |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **Chủ đề 1:**  **Các phép tính về số nguyên.**  **Bội và ước của một số nguyên.** | Nắm được thứ tự thực hiện các phép tính, quy tắc chuyển vế, quy tắc các phép tính về số nguyên, hiểu được bội và ước của một số nguyên | | | |  | Vận dụng quy tắc các phép tính về số nguyên để làm các bài tập chứng minh, tính toán (câu hỏi Pi sa) | | | |  |
| Số câu hỏi | C1,2,17 |  | C3, 16,18 | |  | C4 | 1 |  | 1 | 9 |
| Số điểm | 0,75 |  | 0,75 | |  | 0,25 | 0,5 |  | 0,5 | 2,75 |
| Tỉ lệ % |  |  |  | |  |  |  |  |  | 27,5% |
| **Chủ đề 2:**  **Phân số** | Nhận biết phân số bằng nhau, so sánh phân số |  | Nắm vững quy tắc các phép tính về phân số | | | Vận dụng quy tắc các phép tính về phân số để giải các bài tập, 3 bài toán cơ bản về phân số, bài tập về dãy các phân số viết theo quy luật, bài toán về phần trăm, toán chuyển động, toán về công việc đồng thời… (câu hỏi Pi sa) | | | |  |
| Số câu hỏi | C5,15 ,19 ,7 |  | C20 | 2 | | C6,8 | 2 |  | 1 | 17 |
| Số điểm | 1 |  | 0,25 | 1 | | 0, 5 | 1 |  | 0,5 | 4,25 |
| Tỉ lệ % |  |  |  |  | |  |  |  |  | = 42,5% |
| **Chủ đề 3:**  **Góc** | Nhận biết góc nhọn, góc vuông, góc tù,  góc bẹt |  | Biết vẽ góc, công số đo góc | | | Vận dụng các dấu hiệu nhận biết tia nằm giữa để tính số đo góc và chứng minh tia phân giác của một góc | | | |  |
| Số câu hỏi | C9,12,13 |  | C10 ,14 |  | | C11 | 1 |  |  | 8 |
| Số điểm | 0,75 |  | 0, 5 |  | | 0,25 | 1,5 |  |  | 3 |
| Tỉ lệ % |  |  |  |  | |  |  |  |  | 30% |
| **Tổng số câu** | **10** | | **8** | | | **10** | | | | **28** |
| **Tổng số điểm** | **2,5** | | **2,5** | | | **5** | | | | **10** |
| **Tỉ lệ %** | **25%** | | **25%** | | | **50%** | | | | **100%** |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: TOÁN 6**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

**MÃ ĐỀ 1**

**I.TRẮC NGHIỆM :(5 điểm). C*họn đáp án đúng nhất rồi ghi vào bài làm của em:***

**Câu 1**: Cho a, b  Z. Trong các phép tính tìm số nguyên x sau đây, hãy chỉ ra các phép tính **đúng :**

|  |  |
| --- | --- |
| A. a + x = b  x = a **-** b | B. a **-** x = b  x = a **+** b |
| C. a + x = b  x = b **-** a | D. a **-** x = b  x = b - a |

**Câu 2**: Trên tập hợp các số nguyên Z, các cách tính đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. (**-** 5) .  = **-** 20 | B. (**-** 5) . 4 = 20 | C. (**-** 5) . 4 = **-** 20 | D. (**-** 5) .  = **-** 9 |

**Câu 3**: Cho tập hợp M = {2 ; - 3 ; 6 ; - 9 ; 12 ; 3 ; 5}. Có bao nhiêu phần tử của M là bội của 3 ? chọn kết quả **đúng** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |

**Caâu 4**: Cho bieát . Soá x thích hôïp laø:

A. x = 10 B. x = -10 C. x = 63 D. x = 57

**Câu 5**: Các phân số nào sau đây bằng phân số . Chọn phương án **đúng**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 6**: Các phép tính nào có kết quả bằng -1

A. 2 - 3 B. 2 – 1 C.17 + 16 D. 5 +

**Câu 7**: 45 phút chiếm bao nhiêu phần của 1 giờ ?

A.  giờ B.  giờ C.  giờ D.  giờ

**Câu 8**: Một lớp 14 học sinh nam và 28 học sinh nữ. Số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp? Các đáp án đúng là:

A. B. C. D.

**Câu 9**: = 890 thì là:

A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

**Câu 10**: Cho hai góc và là hai góc bù nhau, biết = a0 thì bằng:

1. 900- a0 B. 1800- a0 C. 90o +ao D. 90o

**Câu 11**: Góc AOB có số đo bằng 1300 . Tia OC nằm giữa hai tia OA; OB, biết rằng góc AOC =600 Số đo của góc BOC là:

A. 550  B. 650  C. 700  D. 600

**Câu 12**: Cho góc xOy = 600 và Oz là tia phân giác của góc xOy. Khi đó góc phụ với góc xOz sẽ có số đo là:

A.600 B.1500 C. 1200 D. 900

***Caâu 13***: Tia phaân gaùc cuûa moät goùc laø:

A. Tia naèm giöõa hai caïnh cuûa goùc aáy

B. Tia taïo vôùi hai caïnh cuûa goùc aáy hai goùc baèng nhau

C. Tia naèm giöõa hai caïnh cuûa goùc vaø taïo vôùi hai caïnh aáy hai goùc baèng nhau

D. Caû 3 caâu ñeàu sai

***Caâu 14***: Cho hai goùc keà vaø phuï nhau, bieát goùc thöù nhaát baèng 40o, goùc thöù hai coù soá ño laø:

A. Baèng goùc thöù nhaát C. Baèng 50o

B. Lôùn hôn goùc thöù nhaát D. Baèng nöûa goùc thöù nhaát

***Caâu 15***: Phaân soá khoâng baèng phaân soá  laø:

A.  B.  C. D. 

***Caâu 16***: Cho bieát –12 . x < 0. Soá thích hôïp vôùi x coù theå laø:

A. x = -2 B. x = -1 C. x = 2 D. x = 0

***Caâu 17***: Cho bieát –6 . x = 18. Keát quaû ñuùng khi tìm soá nguyeân x laø:

A. –3 B. 3 C. 24 D. 12

***Caâu 18***: Treân taäp hôïp soá nguyeân **Z**, caùc öôùc cuûa –2 laø:

A. 1 vaø –1 B. 2 vaø -2 C. 1; -1; 2; vaø –2 D. 1; -1; 2

***Caâu 19***: Hoãn soá  ñöôïc vieát döôùi daïng phaân soá:

A.  B.  C.  D. 

***Caâu 20***: Keát quaû cuûa pheùp chia  laø:

A.  B.  C.  D. 

**II.Tự luận:(5 điểm).**

**Câu 21**: (1đ) : Thực hiện phép tính:

a) 

b)

**Câu 22**:(0,5đ) Tìm x biết: x + 25 = - 15

**Câu 23**:(0,5điểm) Cho x.Với giá trị nào của x thì biểu thức A = 1200 - có GTLN,tìm giá trị lớn nhất đó.

**Câu 24**:(1đ) Trường có 1008 học sinh . Số học sinh khối 6 bằng  tổng số học sinh toàn trường . Số học sinh nữ của khối 6 bằng  số học sinh khối 6 .

a)Tính số học sinh nữ , nam của khối 6 .

b)Số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh khối 6?

**Câu 25**:(1,5đ)Trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ 2 tia Oy, Oz sao cho góc , .

Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao? Tính góc yÔz ? Tia Oz có là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?

**Câu 26:** (0,5đ) Tìm số tự nhiên x biết rằng:



-----Hết----

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2017 – 2018**

**MÔN: TOÁN 6**

Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

**MÃ ĐỀ 2**

**I.TRẮC NGHIỆM :(5 điểm). C*họn đáp án đúng nhất rồi ghi vào bài làm của em:***

**Câu 1**: = 890 thì là:

A. Góc nhọn B. Góc tù C. Góc vuông D. Góc bẹt

**Caâu 2** : Keát quaû khi ruùt goïn  laø:

B. B. 19 C. 40 D.

**Câu 3**: Những biểu thức nào sau đây có giá trị bằng 28

A. với x = -1 B. 2x2 + 10 với x = 3

|  |  |
| --- | --- |
| C. 3x2 + 42 với x = 4 | D. - 5x3 + 5 với x = -3 |

**Câu 4**: Các phân số nào sau đây bằng phân số . Chọn phương án **đúng**:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. | B. | C. | D. |

**Câu 5**: Cho a, b  Z. Trong các phép tính tìm số nguyên x sau đây, hãy chỉ ra các phép tính **đúng :**

|  |  |
| --- | --- |
| A. a + x = b  x = a **-** b | B. a **-** x = b  x = a **+** b |
| C. a + x = b  x = b **-** a | D. a **-** x = b  x = b - a |

**Câu 6**: 45 phút chiếm bao nhiêu phần của 1 giờ ?

A.  giờ B.  giờ C.  giờ D.  giờ

**Câu 7**: Cho tập hợp M = {2 ; - 3 ; 6 ; - 9 ; 12 ; 3 ; 5}. Có bao nhiêu phần tử của M là bội của 3 ? chọn kết quả **đúng** :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. 5 | B. 4 | C. 3 | D. 2 |

**Câu 8**: Một lớp 14 học sinh nam và 28 học sinh nữ. Số học sinh nam chiếm bao nhiêu phần số học sinh cả lớp? Các đáp án đúng là:

A. B. C. D.

***Caâu 9***: Keát quaû cuûa pheùp chia: -3 :  laø:

A.  B. –6 C. 10 D. 

***Caâu 10***: Phaân soá toái giaûn cuûa phaân soá  laø:

A.  B.  C.  D. 

**Câu 11**: Cho hai góc và là hai góc bù nhau, biết = a0 thì bằng:

1. 900- a0 B. 1800- a0 C. 90o +ao D. 90o

**Câu 12**: Trên tập hợp các số nguyên Z, các cách tính đúng là :

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| A. (**-** 5) .  = **-** 20 | B. (**-** 5) . 4 = 20 | C. (**-** 5) . 4 = **-** 20 | D. (**-** 5) .  = **-** 9 |

**Câu 13**: Góc AOB có số đo bằng 1300 . Tia OC nằm giữa hai tia OA; OB, biết rằng góc AOC =600 Số đo của góc BOC là:

A. 550  B. 650  C. 700  D. 600

**Câu 14**: Các phép tính nào có kết quả bằng -1

A. 2 - 3 B. 2 – 1 C.17 + 16 D. 5 +

***Caâu 15***: Tia phaân gaùc cuûa moät goùc laø:

A. Tia naèm giöõa hai caïnh cuûa goùc aáy

B. Tia taïo vôùi hai caïnh cuûa goùc aáy hai goùc baèng nhau

C. Tia naèm giöõa hai caïnh cuûa goùc vaø taïo vôùi hai caïnh aáy hai goùc baèng nhau

D. Caû 3 caâu ñeàu sai

***Caâu 16***: Phaân soá khoâng baèng phaân soá  laø:

A.  B.  C. D. 

**Câu 17**: Cho góc xOy = 600 và Oz là tia phân giác của góc xOy. Khi đó góc phụ với góc xOz sẽ có số đo là:

A.600 B.1500 C. 1200 D. 900

***Caâu 18***: Cho bieát –12 . x < 0. Soá thích hôïp vôùi x coù theå laø:

A. x = -2 B. x = -1 C. x = 2 D. x = 0

***Caâu 19***: Hoãn soá  ñöôïc vieát döôùi daïng phaân soá:

A.  B.  C.  D. 

***Caâu 20***: Cho hai goùc keà vaø phuï nhau, bieát goùc thöù nhaát baèng 40o, goùc thöù hai coù soá ño laø:

A. Baèng goùc thöù nhaát C. Baèng 50o

B. Lôùn hôn goùc thöù nhaát D. Baèng nöûa goùc thöù nhaát

**II.Tự luận:(5 điểm).**

**Câu 21**: (1đ) : Thực hiện phép tính:

a) 

b)

**Câu 22**:(0,5đ) Tìm x biết: x + 25 = - 15

**Câu 23**:(0,5điểm) Cho x.Với giá trị nào của x thì biểu thức A = 1200 - có GTLN,tìm giá trị lớn nhất đó.

**Câu 24**:(1đ) Trường có 1008 học sinh . Số học sinh khối 6 bằng  tổng số học sinh toàn trường . Số học sinh nữ của khối 6 bằng  số học sinh khối 6 .

a)Tính số học sinh nữ , nam của khối 6 .

b)Số học sinh nữ chiếm bao nhiêu phần trăm số học sinh khối 6?

**Câu 25**:(1,5đ)Trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox vẽ 2 tia Oy, Oz sao cho góc , .

Trong ba tia Ox, Oy, Oz tia nào nằm giữa hai tia còn lại? Vì sao? Tính góc yÔz ? Tia Oz có là tia phân giác của góc xOy không? Vì sao?

**Câu 26:** (0,5đ) Tìm số tự nhiên x biết rằng:



-----Hết---

ĐÁP ÁN VÀ BIỂU ĐIỂM

A.TRẮC NGHIỆM(5 điểm)

Mỗi câu trả lời đúng được 0,2 điểm

MÃ ĐỀ 1

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | C | A | A | B | D | B | B | C | A | B |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | C | A | C | C | B | C | A | C | D | A |

MÃ ĐỀ 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
| Đáp án | A | D | B | D | C | B | A | C | B | D |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | B | A | C | B | C | B | A | C | D | C |

B.TỰ LUẬN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **21**  **a**  **( 0,5điểm)** | =  =  = | 0,25  0,25 |
| **b (0,5điểm)** | = = 2 + 3 + = 5 | 0,25  0,25 |
| **Câu 22**  **(0,5 điểm)** | x + 25 = -15  x = -15 – 25  x = - 40 | 0,25  0,25 |
| **23**  **(0,5 điểm)** | A = 1200 - .  Ta có 0  Nên 1200 -  Dấu = xảy ra khi = 0 x – 5 = 0 x = 5  Do đó Max A = 1200 khi x = 5 | 0,25  0,25 |
| **24**  **(1 điểm)** | Số học sinh khối 6 là: 1008.  = 360 (học sinh)  Số học sinh nữ của khối 6 là: 360.= 144 (học sinh)  Số học sinh nam của khôi 6 là: 360 – 144 = 216 ( học sinh)  Số phần trăm học sinh nữ so với số học sinh cả khối 6 là:  (144:360).100% = 40% | 0,25    0,25  0,25  0,25 |
| **25**  **( 1,5 điểm)** | y z        O x  - Trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox,  ta có> nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.  Vì tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy nên  xÔz + zÔy = xÔy  Thay xÔz = 500  , xÔy = 1000 vào ta có:  500 + zÔy = 1000  zÔy = 500  - Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy  và zÔy = xÔz = 500  Nên Oz có là tia phân giác của góc xOy | 0,25  0,25  0,25    0,25  0,25 |
| **Câu 26**  **( 0,5 điểm)** | Biến đổi ta được:    Tính được x = 2008 | 0, 5  0, 5 |

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn: /5/2018*** | ***Ngày dạy: /5/201****8* |

***Tiết 111* : TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II ( PHẦN SỐ HỌC )**

**I.MỤC TIÊU:**

**1**. **Kiến thức** : - HS hiểu được cách trình bày và giải quyết các bài yêu cầu của bài kiểm tra học kì II.

**2.** **Kĩ năng**: - HS có kĩ năng nhận biết và vận dụng kiến thức đã học để chữa bài

- Rèn khả năng phân tích, suy luận lô gíc, tổng hợp kiến thức.

**3.Thái độ**: - Tự giác, tích cực, nhanh nhẹn , cẩn thận và yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV**: - Phương tiện: ra đề kiểm tra theo ma trận của PGD, in cho mỗi HS một đề.

- Phương pháp: Tự nghiên cứu

**2.HS**: làm lại bài kiểm tra vào vở.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức** *(1’)*

**2. Kiểm tra bài cũ : Không**

**3. Tiến trình dạy học:**

**a.Chữa bài - nêu biểu điểm** .

GV: Trả bài kiểm tra HK cho HS.

HS: Lên bảng chữa bài ( GV gọi HS lên bảng làm lại từng câu)

GV bổ sung và hoàn thiện lời giải – cho biểu điểm từng phần-đánh giá chung bài làm của cả lớp, cụ thể:

MÃ ĐỀ 1

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 |
| Đáp án | C | A | A | B | D | B | B | C | B | C | A | C | D | A |

MÃ ĐỀ 2

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 12 | 14 | 16 | 18 | 19 |
| Đáp án | D | B | D | C | B | A | C | B | D | A | B | B | C | D |

B.TỰ LUẬN

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Đáp án** | **Điểm** |
| **21**  **a**  **( 0,5điểm)** | =  =  = | 0,25  0,25 |
| **b (0,5điểm)** | = = 2 + 3 + = 5 | 0,25  0,25 |
| **Câu 22**  **(0,5 điểm)** | x + 25 = -15  x = -15 – 25  x = - 40 | 0,25  0,25 |
| **23**  **(0,5 điểm)** | A = 1200 - .  Ta có 0  Nên 1200 -  Dấu = xảy ra khi = 0 x – 5 = 0 x = 5  Do đó Max A = 1200 khi x = 5 | 0,25  0,25 |
| **24(1 điểm)** | Số học sinh khối 6 là: 1008. = 360 (học sinh)  Số học sinh nữ của khối 6 là: 360.= 144 (học sinh)  Số học sinh nam của khôi 6 là: 360 – 144 = 216 ( học sinh)  Số phần trăm học sinh nữ so với số học sinh cả khối 6 là:  (144:360).100% = 40% | 0,25    0,25  0,25  0,25 |
| **Câu 31**  **( 0,5 điểm)** | Biến đổi ta được:    Tính được x = 2008 | 0,25  0,25 |

**b.Nhận xét ưu khuyết điểm :**

GV: Nhận xét ưu khuyết điểm-tuyên dương- phê bình- rút kinh nghiệm lớp.

\*Ưu điểm: - Một số trình bày rõ ràng, sạch đẹp. Nắm bắt được kiến thức cơ bản của chương trình.

\* Nhược điểm: Nhiều bài làm còn chưa tốt, chữ viết cẩu thả, trình bày không rõ ràng , không biết cách giải quyết vấn đề, không nắm bắt được kiến thức cơ bản, do đó trắc nghiệm còn sai nhiều.

- Chất lượng một số bài còn chưa cao, tuy nhiên toàn lớp đã có tiến bộ so với HKI.

GV: thông báo điểm của mỗi HS trước lớp

**\* . Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Ôn lại các kiến thức cơ bản của chươngI,II, III( phần số học) - xem phần tóm tắt các kiến thức cần nhớ)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : /5/2018*** | ***Ngày dạy : /5/2018*** |

***Tiết 29:* TRẢ BÀI KIỂM TRA HỌC KÌ II( PHẦN HÌNH HỌC )**

**I.MỤC TIÊU:**

**1**. **Kiến thức** : - HS hiểu được cách trình bày và giải quyết các bài yêu cầu của bài kiểm tra học kì II.

**2.** **Kĩ năng**: - HS có kĩ năng nhận biết và vận dụng kiến thức đã học để chữa bài

- Rèn khả năng phân tích, suy luận lô gíc, tổng hợp kiến thức.

**3.Thái độ**: - Tự giác, tích cực, nhanh nhẹn , cẩn thận và yêu thích môn học.

**II. CHUẨN BỊ:**

**1. GV**: - Phương tiện: ra đề kiểm tra theo ma trận của PGD, in cho mỗi HS một đề.

- Phương pháp: Tự nghiên cứu

**2.HS**: làm lại bài kiểm tra vào vở.

**III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

**1. Ổn định tổ chức** *(1’)*

**2. Kiểm tra bài cũ : Không**

**3. Tiến trình dạy học:**

**a.Chữa bài - nêu biểu điểm** .

GV: Trả bài kiểm tra HK cho HS.

HS: Lên bảng chữa bài ( GV gọi HS lên bảng làm lại từng câu)

GV bổ sung và hoàn thiện lời giải – cho biểu điểm từng phần-đánh giá chung bài làm của cả lớp, cụ thể:

**\*.Chữa bài -nêu biểu điểm** .

GV: Trả bài kiểm tra HK cho HS.

HS: Lên bảng chữa bài ( GV gọi HS lên bảng làm lại từng câu)

GV bổ sung và hoàn thiện lời giải – cho biểu điểm từng phần-đánh giá chung bài làm của cả lớp, cụ thể:

1. **Trắc nghiệm :** Mỗi câu đúng được 0,25đ

**Mã đề 1**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **9** | **10** | **11** | **12** | **13** |
| **A** | **B** | **C** | **A** | **C** |

**Mã đề 2**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **11** | **13** | **15** | **20** |
| **A** | **B** | **C** | **C** | **C** |

1. **Tự luận**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **25**  **( 1,5 điểm)** | y z  1000  500  O x  - Trên một nửa mặt phẳng bờ chứa tia Ox,  ta có> nên tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy.  Vì tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy nên  xÔz + zÔy = xÔy  Thay xÔz = 500  , xÔy = 1000 vào ta có:  500 + zÔy = 1000  zÔy = 500  - Tia Oz nằm giữa hai tia Ox và Oy  và zÔy = xÔz = 500  Nên Oz có là tia phân giác của góc xOy | 0,25  0,25  0, 5  0,5 |

**4. Củng cố**

**Nhận xét ưu khuyết điểm** :

GV: Nhận xét ưu khuyết điểm-tuyên dương- phê bình- rút kinh nghiệm lớp.

\*Ưu điểm: - Một số trình bày rõ ràng, sạch đẹp. Nắm bắt được kiến thức cơ bản của chương trình.

\* Nhược điểm: Nhiều bài làm còn chưa tốt, chữ viết cẩu thả, trình bày không rõ ràng , không biết cách giải quyết vấn đề, không nắm bắt được kiến thức cơ bản, do đó trắc nghiệm còn sai nhiều.

- Chất lượng một số bài còn chưa cao, tuy nhiên toàn lớp đã có tiến bộ so với HKI.

GV: thông báo điểm của mỗi HS trước lớp

**5 . Dặn dò**

- Học bài cũ.

- Ôn lại các kiến thức cơ bản của chươngI,II, III( phần hình học) - xem phần tóm tắt các kiến thức cần nhớ)

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 8/5/2017*** | ***Ngày soạn : 16/5/2017*** |

**Tiết 103: LUYỆN TẬP.**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố kiến thức về tỉ số phần trăm và các dạng biểu đồ phần trăm.

**2/ Kĩ năng** : Rèn luyện kĩ năng tính tỉ số phần trăm, đọc các biểu đồ phần trăm, vẽ các biểu đồ phần trăm dạng cột và dạng ô vuông.

**3/ Thái độ** :Trên cơ sở số liệu thực tế, dựng các biểu đồ phần trăm, kết hợp giáo dục ý thức vươn lên cho hs.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

GV gọi một HS lên bảng chữa bài 151/SGK/61

**Chữa BT 151/SGK/61**

Khối lượng của bê tông là:

1+ 2 + 6 = 9 (tạ)

Tỉ số phần trăm của xi măng là:

 .100% 11%

Tỉ số phần trăm của cát là:

 .100% 22%

Tỉ số phần trăm của sỏi là:

 .100% 67%

GV gọi HS khác n/xét bài trên bảng, GV sửa chữa nếu cần.

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV & HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành  Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não  **Bài 152 (sgk/61).**  HS đọc đề bài.  - Năm học 1998 - 1999 cả nước có :  13 076 trường tiểu học, 8583 trường THCS và 1641 trường THPT.  Dựng biểu đồ cột biểu diễn tỉ số phần trăm các loại trường nói trên so với cả nước.  GV cho hs tính tỉ số phần trăm theo yêu cầu của đề bài. Sau đó gọi một hs lên bảng vẽ biểu đồ.  HS: thực hiện  ***Bài tập thực tế:***  Trong tổng kết học kỳ I vừa qua, lớp ta có 8 học sinh giỏi, 16 HS khá, 2 học sinh yếu, còn là học sinh trung bình. Biết lớp có 40 học sinh, dựng biểu đồ ô vuông biểu thị kết quả trên.  - Để dựng biểu đồ ô vuông trước tiên ta làm như thế nào?  HS:Tính các tỉ số phần trăm của học sinh giỏi, khá, yếu, TB.  GV:Yêu cầu học sinh thực hiện trên giấy kẻ ô vuông.  Củng cố:  Để vẽ các biểu đồ phần trăm ta phải làm như thế nào?  Phải tính tỉ số phần trăm.  Nêu lại cách vẽ biểu đồ hình cột biểu đồ hình vuông.  ***Bài tập bổ sung:***  Gv:Treo bảng phụ:  Kết quả bài kiểm tra toán của một lớp 6 như sau:  Có 6 điểm 5, 8 điểm 6, 14 điểm 7, 12 điểm 8, 6 điểm 9, 4 điểm 10. Hãy dựng biểu đồ hình cột biểu thị kết quả trên.  GV:Cho học sinh hoạt động theo nhóm  HS:Thảo luận nhóm, đại diện lên bảng làm bài. | **Bài 152 (sgk/61).**  - Trường tiểu học chiếm :    - Trường THCS chiếm :    - Trường THPT chiếm :    ***Bài tập thực tế:***  ***Giải:***  Số học sinh giỏi chiếm:  Số HS khá chiếm :  Số HS yếu chiếm:  Số học sinh TB chiếm:  100% - (20% +40%+5%) = 35%   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | 20% | |  |  |  | 40% | | |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  | 35% | | |  | | 5% | | |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |   ***Bài tập bổ sung:***  Kết quả bài làm:   * Điểm 5 chiếm 12% * Điểm 6 chiếm 16% * Điểm 7 chiếm 28% * Điểm 8 chiếm 24% * Điểm 9 chiếm 12% * Điểm 10 chiếm 8%   (%)  12  16  28  24  **8**    5 6 7 8 9 10 Điểm số |

**3.Hoạt động vận dụng**

Năm học 2015-2016, cả nuocws ta có 15407 trường tiểu học ,10837 trường THCS và 2714 trường THPT.Em hãy dựng biểu đồ hình cột biểu diễn tỉ số phần trăm các loại trường nói trên trong hệ thống giáo dục phổ thông Việt Nam

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Theo thống kê trên thế giới, ung thư phổi là một trong những căn bệnh gây tử vong hàng đầu.Tại Việt Nam, theo thống kê của bộ y tế, ung thư phổi đứng hàng thứ 2 về tỉ lệ tử vong của các loại ung thư hàng năm với cả hai giới nam và nữ.

Mỗi năm cả nước có hơn 20000 bệnh nhân ung thư phổi mới được phát hiện và có tới 17000 trường hợp tủ vong. Riêng tại Bệnh viện Phổi Trung ương, trong năm 2015, số người mắc bệnh này đến khám và điều trị lên tới 16 677 người. Em hãy tính xem trung bình trong một năm số bệnh nhân bị tử vong vì bệnh ung thư phổi là bao nhiêu phần trăm so với bệnh nhân ung thư phổi mới được phát hiện.

\*Về nhà

- Ôn lại ba bài toán cơ bản về phân số.

- Làm các bài tập còn lại trong SBT

................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 12/4/2018*** | ***Ngày dạy :20/5/2018*** |

***Tiết 105:* ÔN TẬP CHƯƠNG III VỚI SỰ TRỢ GIÚP CỦA MÁY TÍNH HOẶC MÁY CÓ TÍNH NĂNG T­ƯƠNG Đ­ƯƠNG. *(Tiếp theo)***

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:** Tiếp tục củng cố các kiến thức trọng tâm của chương, hệ thống ba bài toán cơ bản về phân số.

**2. Kỹ năng:** Rèn luyện kỹ năng tính giá trị biểu thức, giải toán đố.

**3. Thái độ:** Rèn luyện thái độ nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ*:***

***-*** HS1: Phân số là gì? Phát biểu và viết dạng tổng quát tính chất cơ bản của phân số?

Chữa bài 162b (SGK- 65): Tìm x biết : (4,5 – 2x ) .1

- HS 2: Chữa BT 152 (SBT-27)

\* ***Đặt vấn đề:*** Giờ học trước chúng ta đã ôn tập chương III được 1 tiết. Hôm nay chúng ta sẽ tiếp tục củng cố các kiến thức trọng tâm của chương và hệ thống ba bài toán cơ bản về phân số.

**2.Hoạt động luyện tập**

| **Hoạt động của GV-HS** | **Nội dung cần đạt** |
| --- | --- |
| *Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành*  *Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não*  ***HĐ 1: Chữa bài tập trong SGK*** *(18’)*  Yêu cầu học sinh làm bài 164.  Đọc và tóm tắt đầu bài.  Để tính số tiền Oanh trả, trước hết ta cần tìm gì?  Hãy tính giá bìa của cuốn sách ?  Đây là bài toán dạng nào?  Bài toán tìm một số biết giá trị phần trăm của nó.  HS hoạt động cặp đôi  Yêu cầu học sinh làm bài 165  Đọc và tóm tắt đầu bài.  10 triệu đồng thì mỗi tháng được lãi suất bao nhiêu tiền? sau 6 tháng được lãi bao nhiêu?  GV:YC hs hoạt động theo nhóm  HS:Thảo luận theo nhóm  Yêu cầu học sinh làm bài 166.  Đọc và tóm tắt đầu bài.  Dùng sơ đồ để gợi ý cho học sinh.  Học kỳ I  HSG  HS còn lại  Học kì II:  HSG  HS còn lại  Để tính số HS giỏi học kỳ I của lớp 6D ta làm như thế nào?  HS: nhận xét.  GV: chốt lại.  ***HĐ 2: Bài tập bổ sung*** *(15’)*  Yêu cầu học sinh làm bài tập sau:  Khoảng cách giữa hai thành phố là 105 km.trên một bản đồ, khoảng cách đó dài là 10,5cm  a/ Tìm tỉ lệ xích của bản đồ.  b/ Nếu khoảng cách giữa hai điểm trên bản đồ là 7,2 cm thì trên thực tế khoảng cách đó là bao nhiêu km?  Để tính tỉ lệ xích ta áp dụng công thức nào?  Để tính khoảng cách giữa hai điểm trên thực tế ta làm như thế nào?  HS hđ nhóm.  Viết phân số  dưới dạng tích của hai phân số, dưới dạng thương của hai phân số.  HS thực hiện giải theo sự hướng dẫn của GV. GV nhận xét, chốt lại. | ***Bài 164:*** (SGK- 65)  Tóm tắt:  10% giá bìa là 1200đ  Tính số tiền Oanh trả ?  ***Giải:***  Giá bìa của cuốn sách là:  1200:10% = 12 000 (đ)  Số tiền Oanh đã mua cuốn sách là:  12 000 – 1200 = 10 800đ  Hoặc 12 000.90% = 10 800 (đ).  ***Bài 165:*** (SGK- 65)  Lãi xuất 1 tháng là    Nếu gửi 10 triệu đồng thì lãi  hàng tháng là:  10 000 000 .  (đ)  Sau 6 tháng, số tiền lãi là:  56 000.3 = 16 8000 (đ).  ***Bài 166***: (SGK- 65)  ***Giải:***  Học kỳ I, số HS giỏi = số HS  còn lại =  số HS cả lớp.  Học kỳ II, số HS giỏi =  số  HS còn lại =  số HS cả lớp.  Phân số chỉ số HS đã tăng là:  (số HS cả lớp)  Số HS cả lớp là :  8:  (HS)  Số HS giỏi kỳ I của lớp là :  45.  (HS).  ***Bài 4:***  Tóm tắt:  Khoảng cách thực tế:  105 km = 10500000 cm  Khoảng cách bản đồ :10,5 cm  a/ Tìm tỉ lệ xích  b/ Nếu AB trên bản đồ = 7,2cm  thì AB trên thực tế là bao nhiêu?  ***Giải:***  a/ T =  b/ b =  == 72km.  ***Bài 5***:  Viết dưới dạng tích 2 phân số:    Viết dưới dạng thương hai phân số: |

**3.Hoạt động vận dụng**

Một miếng đất hình chữ nhật dài 220m, chiều rộng bằng ¾ chiều lài. Người ta trông cây xung quanh miếng đất, biết rằng cây nọ cách cây kia 5m và 4 góc có 4 cây. Hỏi cần tất cả

bao nhiêu cây?

*Hướng dẫn:*

Chiều rộng hình chữ nhật:  (m)

Chu vi hình chữ nhật: (m)

Số cây cần thiết là: 770: 5 = 154 (cây)

**4. Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Ba lớp 6 có 102 học sinh. Số HS lớp A bằng 8/9 số HS lớp B. Số HS lớp C bằng 17/16 số HS lớp A. Hỏi mỗi lớp có bao nhiêu học sinh?

- Ôn tập các câu hỏi trong “Ôn tập chương III” hai bảng tổng kết.

- Ôn tập các dạng bài tập của chương, trọng tâm là các dạng BT ôn tập trong 2 tiết.

- Tiết sau ôn tập cuối năm. Ôn lại các kiến thức cơ bản chương I, chương II.

...............................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| ***Ngày soạn : 29/4/2017*** | ***Ngày dạy : 6/5/2017*** |

**Tiết 101 : LUYỆN TẬP**

**I/ MỤC TIÊU:**

**1/ Kiến thức** : Củng cố các kiến thức, quy tắc về tỉ số phần trăm, tỉ lệ xích.

**2/ Kĩ năng** :

- Rèn kĩ năng tìm tỉ số, tỉ số phần trăm của 2 số, luyện 3 bài toán cơ bản về phân số dưới dạng tỉ số phần trăm.

- HS biết áp dụng các kiến thức và kĩ năng về tỉ số, tỉ số phần trăm vào việc giải một số bài toán thực tế.

**3/ Thái độ** : Có ý thức áp dụng các kiến thức và kĩ năng nói trên vào việc giải một số bài toán thực tiễn.

**4/ Năng lực – Phẩm chất:**

**a) Năng lực:** Năng lực tự học, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tư duy sáng tạo, năng lực tự quản lí, năng lực hợp tác,

**b) Phẩm chất:** Tự lập, tự tin, tự chủ.

**II**.**CHUẨN BỊ**:

**1.GV** Bảng phụ các bài tập. Phiếu học tập.

**2. HS:** Bảng nhóm, bút dạ, máy tính bỏ túi.

**III. PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC**

**1. Phương pháp**: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành

**2. Kĩ thuật:** Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

**IV. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**1.Hoạt động khởi động**

# \* Tổ chức lớp:

**\* Kiểm tra bài cũ**

- GV yêu cầu chữa bài tập 138 (sgk/58).

- Một hs lên bảng chữa bài tập 138/sgk :

- Viết các tỉ số đã cho thành tỉ số của hai số nguyên :



*GV: nhận xét, cho điểm*

**2.Hoạt động luyện tập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV& HS** | **Nội dung cần đạt** |
| Phương pháp: Đàm thoại, thuyết trình, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành  Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não  **Bài 141(sgk/58).**  GV:Tỉ số của a và b là  ; a - b = 8.  Tìm 2 số ?  Gợi ý : Tính a theo b rồi thay vào hiệu 2 số.  **Bài 142 (sgk/59).**  GV:Yêu cầu HS giải thích thế nào là vàng 4 số 9 (9999) ?  HS: trả lời  **Bài 146 (sgk/59).**  GV: Trên bản vẽ có tỉ lệ xích 1 : 125, chiều dài một chiêc máy bay Bô-inh 747 là 56,408 cm. Tính chiều dài thật của chiếc máy bay ?  1HS lên bảng thực hiện.  **Bài 147 (sgk/59).**  GV: Chiều dài cầu Mĩ thuận trên bản vẽ là bao nhiêu?  Một hs lên bảng làm, cả lớp làm vàovở :  **Bài 254 (SBT/55).**  - Tỉ số của hai số là 120 và hiệu của chúng là 16. Tìm hai số đó.  GV:cho hs hoạt động nhóm  HS:Thảo luận theo nhóm  Gọi đại diện 1 hs lên trình bày kết quả  HS:các nhóm khác nhận xét, bổ xung  Gv: nhận xét, chốt kiến thức | **Bài 141(sgk/58).**      **Bài 142 (sgk/59).**  Vàng 4 số 9 tức là trong 10 000g  vàng này chứa 9999g vàng nguyên chất, tỉ lệ vàng nguyên chất là :  **Bài 146 (sgk/59).**  Chiều dài thật của chiếc máy bay là :  56,408 :  = 56,408 . 125  = 7051 (cm)  = 70,51 (m).  **Bài 147 (sgk/59).**  Chiều dài cầu Mĩ Thuận trên bản vẽ là :    **Bài 254 (SBT/55).**  - Gọi hai số đó là a và b. Ta có :    Vì a - b = 16, nên    a = 80 + 16 = 96. |

**3.Hoạt động vận dụng**

Trên một bản đồ có tỉ lệ xích là 1:1 000 000, đoạn đường bộ từ Hà Nội đến Vinh khoảng 30cm. Hỏi trong thực tế độ dài đoạn đường đó dài khoảng bao nhiêu km?

**4.Hoạt động tìm tòi, mở rộng**

Tìm hiểu thêm (qua người lớn hoặc Internet )ý nghĩa của tỉ số phần trăm trong đời sống hàng ngày

- Ôn lại các kiến thức đã học về tỉ số.

- Làm các bài tập 143 ; 144 ; 145 ; 148 (sgk/59) và các bài tập từ 255 đến 259 (SBT).